

ĐỀ 1**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2025 - 2026****Môn: Ngữ văn 8***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề***Phần I. Đọc - Hiểu (6.0 điểm)****Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

"Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học không biết rõ đạo" Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người. Kẻ đi học là học điều ấy.

(.) Phép dạy, nhất định theo Chu Tử(1). Lúc đầu học tiểu học để bồi lấy gốc. Tuần tự tiến lên học đến Tứ thư, Ngũ kinh, Chu Tử(2). Học rộng rồi tóm lược cho gọn, theo điều học mà làm. Họa may kẻ nhân tài mới lập được công, nhà nước như thế mà vững yên. Đó thực mới là cái đạo ngày nay có quan hệ tới lòng người. Xin chớ bỏ qua.

(.) Kẻ hèn thân này cung kính tấu trình.

(Trích Bàn luận về phép học (luận học pháp) - La Sơn phu tử Nguyễn Thiếp)

Chú thích:

(*) Nguyễn Thiếp (1723-1804) tự là Khải Xuyên, hiệu là Lạp Phong Cư Sĩ, người đương thời kính trọng gọi là La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp. Nguyễn Thiếp làm quan một thời gian dưới triều Lê rồi về dạy học. Khi Quang Trung xây dựng đất nước đã viết thư mời ông giúp dân giúp nước về mặt văn hóa giáo dục. Vì vậy tháng 8 năm 1871, Nguyễn Thiếp đã dâng lên vua bản tấu trình này.

(1) **Chu Tử**: Chu Hi là nhà nho nổi tiếng đồng thời là nhà triết học, giáo dục học thời Nam Tống.

(2) **Tứ thư, Ngũ kinh, Chu Tử**: Những quyển sách kinh điển của Nho giáo nổi tiếng thời xưa.

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể loại của văn bản và luận đề của đoạn trích trên?

Câu 2. (1,0 điểm) Trong đoạn văn trên, tác giả có bàn đến mục đích chân chính của việc học. Em hiểu mục đích đó là gì?

Câu 3. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn: "Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo." ?

Câu 4. (1,5 điểm) Nhận xét thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện trong đoạn trích?

Câu 5. (1,5 điểm) Để thực hiện ước mơ hoài bão của mình, mỗi học sinh cần lựa chọn cho mình một mục đích học tập đúng đắn. Vậy từ đoạn trích trên, em hãy cho biết ngày nay mục đích học tập của học sinh là gì?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về bệnh vô cảm trong giới trẻ hiện nay.

-----HẾT-----

Họ và tên thí sinh:

Họ tên, chữ ký GT1:

Số báo danh:

Họ tên, chữ ký GT 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I	ĐỌC - HIỂU		6,0
	1	<p>Xác định thể loại của văn bản và luận đề của đoạn trích trên?</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Nghị luận xã hội. (0.5 điểm) - Luận đề của văn bản: Mục đích và phương pháp học đúng đắn. (0.5 điểm). 	1,0
	2	<p>Trong đoạn văn trên, tác giả có bàn đến mục đích chân chính của việc học. Em hiểu mục đích đó là gì?</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích chân chính của việc học là học để biết rõ đạo (đạo làm người). - Tức là học để làm người (có đạo đức, có tri thức, thành nhân tài, góp phần làm hưng thịnh đất nước). <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được 2 ý : (1.0 điểm) - Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm) - Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm) 	1,0
	3	<p>Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn: "Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo."?</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp tu từ điệp ngữ: Từ <i>không</i> được lặp lại bốn lần (0,5 điểm). - Tác dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Tạo nhịp điệu, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. + Nhấn mạnh sự học là cần thiết với mỗi con người. Việc mài ngọc cần phải kiên trì, cẩn thận, có ý chí quyết tâm như thế ngọc mới thành đồ vật đẹp và sáng. Cũng như sự học con người cần phải nỗ lực, kiên trì, tỉ mỉ và quyết tâm thì mới học rộng hiểu sâu. + Qua đó, thấy được tấm lòng yêu nước, quan tâm đến sự nghiệp giáo dục của nước nhà. (1,0 điểm) <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được 3 ý : (1.0 điểm) - Trả lời được 2 ý: (0.5 điểm) - Trả lời được 1 ý : (0.25 điểm) - Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm) <p>HS có thể diễn đạt bằng các từ ngữ tương đương đạt điểm tối đa.</p>	1,5
	4	<p>Nhận xét thái độ, tình cảm của tác giả thể hiện trong đoạn trích?</p> <p>Trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả có lòng yêu nước chân thành, quan tâm, lo lắng cho nền giáo dục của nước nhà. 	1,0

		<p>- Hi vọng về tương lai tốt đẹp của đất nước.</p> <p>- Có tư tưởng học tiến bộ được thể hiện ở phương pháp học: học đi đôi với hành...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 3 ý trở lên: (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 2 ý: (0.75 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)</p> <p>* Lưu ý: Dựa vào bài làm thực tế của học sinh mà giáo viên linh hoạt cho điểm.</p>	
	5	<p>Để thực hiện ước mơ, hoài bão của mình, mỗi học sinh cần lựa chọn một mục đích học tập đúng đắn. Vậy từ đoạn trích trên, em hãy cho biết ngày nay mục đích học tập của học sinh là gì?</p> <p>Trả lời:</p> <p>- Học sinh có thể lựa chọn bất cứ mục đích học tập nào và có lý giải phù hợp.</p> <p>- Gợi ý:</p> <p>- Mục đích học tập của học sinh là :</p> <p>+ Cố gắng học tập thật giỏi trở thành con ngoan, trò giỏi, cháu ngoan Bác Hồ, người công dân tốt.</p> <p>+ Học tập để có kiến thức, kỹ năng trở thành con người chân chính có đủ khả năng lao động để tự lập nghiệp cho bản thân.</p> <p>+ Học tập để tự khẳng định chính mình, tự tạo vị trí trong xã hội, thể hiện giá trị bản thân, và sự tồn tại có ý nghĩa của mình.</p> <p>+ Học tập để thực hiện trách nhiệm đối với gia đình và góp phần xây dựng quê hương, đất nước, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 3 ý trở lên: (1,5 điểm)</p> <p>- Trả lời được 2 ý: (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)</p>	1,5
II	VIẾT		4,0
		Viết bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ về bệnh vô cảm trong giới trẻ hiện nay.	
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</p> <p>- Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài.</p>	
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về hiện tượng vô cảm.	0,25
		<p>c. Bài viết có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>1. Mở bài</p> <p>Giới thiệu và dẫn dắt vào vấn đề cần nghị luận: hiện tượng vô cảm.</p>	

	<p>2. Thân bài</p> <p>*. Giải thích từ ngữ</p> <p>+ “Vô cảm”: “Vô” (tức “không”), “cảm” (tình cảm, cảm xúc), “vô cảm” có thể hiểu là không có tình cảm, cảm xúc ⇒ căn bệnh này có thể hiểu là sự thờ ơ, không quan tâm đến những sự vật, sự việc xung quanh mình.</p> <p>*. Thực trạng, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong cuộc sống:</p> <p>- Căn bệnh vô cảm ngày càng phổ biến, lan rộng trong xã hội (kết hợp lồng các dẫn chứng trong quá trình phân tích):</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với những hiện tượng trái đạo lí, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội: Hiện tượng livestream trên mạng xã hội (hiện tượng học sinh cấp 2 tại Hải Dương), bắt gặp hiện tượng trộm cắp thì im lặng, học sinh thấy các hiện tượng tiêu cực như quay cốp, bạo lực học đường thì coi như không biết ...</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với những nỗi buồn, nỗi đau của chính những người đồng bào: Gặp người tai nạn bị tai nạn giao thông xúm vào bàn bạc, quay phim, chụp ảnh. Bỏ qua những lời kêu gọi giúp đỡ của đồng bào miền Trung bão lũ...</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước: Thờ ơ với những cảnh đẹp quê hương, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh tại các điểm du lịch...</p> <p>+ Thờ ơ, vô cảm với chính cuộc sống của bản thân mình: Hiện tượng học sinh đi học muộn, không chú ý học tập. Hiện tượng sinh viên thức rất khuya sử dụng smartphone, thể hiện sự thờ ơ với chính sức khỏe của bản thân...</p> <p>*. Phân tích nguyên nhân</p> <p>- Sự phát triển nhanh chóng của cuộc sống khiến con người phải sống nhanh hơn, không còn thời gian để ý tới những gì xung quanh.</p> <p>- Sự bùng nổ mạnh mẽ của những thiết bị thông minh dẫn đến sự ra đời của các trang mạng xã hội như facebook, TikTok... ⇒ con người ngày càng ít có nhu cầu giao tiếp trong đời thực.</p> <p>- Sự chiều chuộng, chăm sóc, bao bọc quá kĩ lưỡng cha mẹ đối với con cái ⇒ coi mình là trung tâm, không để ý đến điều gì khác nữa.</p> <p>- Sự ích kỉ của chính bản thân mỗi người.</p> <p>+ Dẫn chứng: như với gia đình, mọi người xung quanh.....</p> <p>*. Trình bày tác hại của hiện tượng</p> <p>- Hậu quả vô cùng to lớn: con người mất đi những chỗ dựa mỗi lúc khó khăn, xã hội đầy những điều xấu, điều ác.</p> <p>- Xa hơn, con người đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai. Con người bị mọi người xa lánh, ghét bỏ, sống thiếu tình thương chỉ biết nghĩ đến bản thân mình.</p> <p>+ Dẫn chứng.....</p> <p>*. Đề xuất các giải pháp phù hợp</p> <p>- Lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, thờ ơ vô cảm đối với đời</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
--	--	--

	sống xung quanh. - Hạn chế phụ thuộc vào các thiết bị thông minh, thế giới ảo... - Rèn luyện lối sống lành mạnh: Yêu thương, quan tâm, giúp đỡ mọi người... - Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tiễn trong các môn học đạo đức, giáo dục công dân để học sinh học cách yêu thương, chia sẻ.	0,25
	*. Liên hệ bản thân: Cần lưu ý liên hệ những hành vi, biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong chính môi trường học đường để hiểu và tránh. 3. Kết bài Khái quát lại vấn đề cần nghị luận: hiện tượng vô cảm.	0,25
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện quan điểm rõ ràng, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0.25
	Lưu ý: Chỉ ghi điểm tối đa khi thí sinh đáp ứng đủ các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng.	
Tổng điểm		10.0

***Đánh giá toàn bài:**

Mức điểm	Mức độ đánh giá
4,0	- Đảm bảo đầy đủ yêu cầu về kiến thức, kĩ năng; lời văn trong sáng; thuyết phục.
3,75 - 2,75	- Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng nhưng còn mắc một vài lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	- Đảm bảo yêu cầu cơ bản nhưng chưa rõ ràng.
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm, bằng chứng, cách lập luận chưa thuyết phục
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.

Chú ý:

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.

---HẾT---

ĐỀ 2**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2025 - 2026****Môn: Ngữ văn 8***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề***PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc văn bản sau:**

Nước ta gần đây ngẫu nhiên xảy ra nhiều việc. Trăm tuổi trẻ nổi ngôi, không lúc nào không nghĩ đến tự cường, tự trị. Phái viên của Tây ngang ngược, bức bách, hiện tình mỗi ngày một quá thêm. Hôm trước chúng đưa thêm nhiều binh thuyền đến, buộc ta phải theo những điều không thể nào làm được. Ta chiếu lệ tiếp đón, nhưng chúng không chịu nhận một thứ gì. Người kinh đô náo sợ, tình thế nguy cấp chỉ trong sớm chiều. Kẻ đại thần mưu việc nước chỉ lo nghĩ sâu sắc đến kế yên xã tắc, trọng triều đình. nếu cứ cù đầu theo lệnh chúng, ngôi để mất cơ hội sắp đặt từ trước. Sao bằng nhân mưu đồ tráo trở của chúng mà đối phó trước. Ví bằng tình thế xảy ra không thể tránh thì vẫn còn có cái việc cử sự ngày nay để mưu sự nghiệp tốt đẹp mai sau, ấy cũng là do thời thế xui nên. Phàm những người cùng dự chia mối lo này, tưởng cũng đã lường biết. Biết thì phải tham gia, nghiêng răng dựng tóc thì giết quân thù, ai mà chẳng có lòng như vậy? Cũng há không có người nào gối guom, đánh dâm, vắn gạch, cướp giáo ư? Và lại, kẻ bày tôi đứng ở triều chỉ có theo nghĩa mà thôi, nghĩa đã ở đâu thì sự chết sống ở đấy. Hồ Yển, Triệu Suy nước Tấn, Quách Tử Nghi, Lý Quang Bật nhà Đường là người thế nào đời xưa vậy?

(Trích “Chiếu Cần Vương”, dẫn theo Nguyễn Văn Huyền (Chủ biên), Tổng tập văn học Việt Nam, tập 17, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 10)

Trả lời các câu hỏi/thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1,0 điểm) Những bằng chứng nào được dùng để chứng minh: “Phái viên của Tây ngang ngược, bức bách, hiện tình mỗi ngày một quá thêm.”?

Câu 2. (1,0 điểm) Hãy chỉ ra các từ Hán Việt trong những câu văn sau: “Trăm tuổi trẻ nổi ngôi, không lúc nào không nghĩ đến tự cường, tự trị. Phái viên của Tây ngang ngược, bức bách, hiện tình mỗi ngày một quá thêm.”?

Câu 3. (1,0 điểm) Tác giả đưa ra các lí lẽ và bằng chứng trong văn bản có tác dụng gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Tại sao đánh giặc Pháp là lựa chọn duy nhất của người Việt khi đó?

Câu 5. (2,0 điểm) Sau khi đọc xong văn bản, em rút ra cho mình những bài học gì? Được sống trong thời đại hòa bình, bản thân em cần làm gì để thể hiện lòng yêu nước?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).

Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của học sinh hiện nay.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Những bằng chứng nào được dùng để chứng minh: “Phái viên của Tây ngang ngược, bức bách, hiện tình mỗi ngày một	

	<p>quá thêm.”?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những bằng chứng để chứng minh: “<i>Phái viên của Tây ngang ngược, bức bách, hiện tình mỗi ngày một quá thêm</i>”: + Chúng đưa thêm nhiều binh thuyền đến, buộc ta phải theo những điều không thể nào làm được. + Ta chiếu lệ tiếp đón, nhưng chúng không chịu nhận một thứ gì. + Người kinh đô náo sợ, tình thế nguy cấp chỉ trong sớm chiều. <p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trả lời đúng 3 ý như đáp án: 1,0 điểm. + Trả lời đúng 2 ý: 0,75 điểm. + Trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm. 	1,0
2	<p>Hãy chỉ ra các từ Hán Việt trong những câu văn sau: “Trẫm tuổi trẻ nối ngôi, không lúc nào không nghĩ đến tự cường, tự trị. Phái viên của Tây ngang ngược, bức bách, hiện tình mỗi ngày một quá thêm.”?</p> <p>Các từ Hán Việt trong đoạn trích: trẫm, tự cường, tự trị, phái viên, bức bách, hiện tình.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trả lời đúng 5 từ: 1,0 điểm. + Trả lời đúng 4 từ: 0,75 điểm. + Trả lời đúng 3 từ: 0,5 điểm. + Trả lời đúng 2 từ: 0,25 điểm. + Trả lời đúng 1 từ: 0 điểm. 	1,0
3	<p>Tác giả đưa ra các lí lẽ và bằng chứng trong văn bản có tác dụng gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả đưa ra các lí lẽ và bằng chứng trong văn bản có tác dụng: + Tạo sự tin cậy, thuyết phục và lập luận chặt chẽ cho văn bản. + Thuyết phục, kêu gọi mọi người đứng lên đánh giặc Pháp. <p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trả lời đúng như đáp án: 1,0 điểm. + HS trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm. + Sai hoàn toàn 0 điểm. + Hs có cách diễn đạt khác hợp lí vẫn cho điểm tối đa. 	1,0
4	<p>Tại sao đánh giặc Pháp là lựa chọn duy nhất của người Việt khi đó?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giặc Pháp là lựa chọn duy nhất của người Việt khi đó vì: + Ước muốn tự cường, tự trị của người Việt (mà nhà vua là đại diện). + Tình thế bức bách, không thể hoà hoãn được nữa. + Thực dân Pháp đang áp ủ mưu đồ tráo trở, không để ta được yên. 	1,0

		<p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trả lời như đáp án: 1,0 điểm. + Trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. + Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. + HS có cách diễn đạt khác hợp lí vẫn cho điểm tối đa. 	
	5	<p>Sau khi đọc xong văn bản em rút ra cho mình những bài học gì? Em cần làm gì để thể hiện lòng yêu đất nước?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi đọc xong văn bản em rút ra cho mình những bài học: + Cần phải có lòng yêu nước, dũng cảm sẵn sàng hi sinh để bảo vệ đất nước. + Tinh thần đoàn kết và tự cường. + Đối với kẻ thù phải kiên quyết, khôn khéo. + Biết cách viết một bài văn nghị luận xã hội. + ... <p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đưa ra được 3 bài học hợp lí: 1,0 điểm. + HS đưa ra được 2 bài học: 0,5 điểm. + HS đưa ra được 1 bài học: 0,25 điểm + HS có thể đưa ra các bài học khác, nếu hợp lí vẫn cho điểm tối đa; <ul style="list-style-type: none"> - Được sống trong thời đại hòa bình, những việc em cần làm để thể hiện lòng yêu nước: + Cố gắng học tập, rèn luyện tốt. + Tìm hiểu về lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông ta. + Biết ơn những người có công với quê hương, đất nước. + Tích cực bảo vệ môi trường, có ý thức bảo vệ tài sản công cộng... <p>Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trả lời được 3 ý trở lên: 1,0 điểm. + Trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. + Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm. + HS có thể đưa ra các việc làm khác, nếu hợp lí vẫn cho điểm tối đa. 	<p>1,0</p> <p>1,0</p>
II		<p style="text-align: center;">VIẾT</p> <p>Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của học sinh hiện nay.</p> <p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong học sinh hiện nay như: lười học; vi phạm luật an toàn giao thông; gian lận trong thi cử, vô cảm; ích kỉ; sống ảo; bạo lực học đường; mê muội thần tượng; thiếu ước mơ ... - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội. 	4,0

		* Yêu cầu cụ thể.	
		1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.	0,25
		2. Xác định được đúng yêu cầu của đề.	0,25
		3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm. HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	3,0
		a. Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong học sinh hiện nay.	0,25
		b. Thân bài:	2,5
		Làm rõ vấn đề nghị luận:	
		+ Giải thích hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận.	0,25
		+ Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận.	0,25
		Trình bày ý kiến phê phán:	
		+ Hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu Làm rõ các hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó.	0,75
		+ Nguyên nhân hiện tượng (thói quen) xấu: Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng (thói quen) xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó.	0,5
		Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn.	
		+ Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng (thói quen) xấu.	0,25
		+ Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng (thói quen) xấu được bàn.	0,25
		+ Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng (thói quen) xấu.	0,25
		c. Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.	0,25
		4. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		5. Sáng tạo - Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.	0,25

	<p>Cách cho điểm chung:</p> <p>4,0: Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.</p> <p>2,75 - 3,75: Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.</p> <p>1,5 - 2,5: Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.</p> <p>0,25 - 1,25: Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.</p> <p>0,0: Bài viết lạc đề</p>	
Tổng điểm		10,0

Lưu ý chung:

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.

----- HẾT -----

ĐỀ 3	<p>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I</p> <p>NĂM HỌC: 2025 - 2026</p> <p>Môn: Ngữ văn 8</p> <p><i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i></p>
-------------	--

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

(1) Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

(2) Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

(Theo **Trần Thị Cẩm Quyên**, in trong **Văn học và tuổi trẻ**, Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 11 - 2021)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (1,5 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào? Xác định luận đề và luận điểm của văn bản?

Câu 2. (0,5 điểm) Theo tác giả, tại sao: “Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại”?

Câu 3.(1,5 điểm) Em hãy chỉ ra mối quan hệ:

- giữa các luận điểm trong văn bản.
- giữa luận đề và luận điểm trong văn bản.

Câu 4.(1,5 điểm) Tìm và giải thích nghĩa của từ Hán Việt trong câu văn sau: “*Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.*”

Câu 5.(1,0 điểm) Từ nội dung văn bản trên, em cần làm gì để vượt qua khó khăn thử thách?

Phần II. Viết (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	Văn bản trên thuộc thể loại văn bản nào? Xác định luận đề và luận điểm của văn bản?	1,5
		- Văn bản trên thuộc thể loại : Nghị luận xã hội. - Luận đề: Ý chí nghị lực để vượt qua khó khăn thử thách. - Văn bản trên có 2 luận điểm: + Luận điểm 1: Lí do cần phải có sự kiên trì nỗ lực. + Luận điểm 2: Vai trò của sự kiên trì nỗ lực. * <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS trả lời được đủ các ý như trên cho 1,5 điểm. + HS trả lời được ý 1 cho 0,5 điểm. + HS trả lời được ý 2 cho 0,5 điểm. + HS trả lời được ý 3 cho 0,5 điểm. + Trả lời sai hoặc không trả lời cho 0 điểm.	
	2	Theo tác giả, tại sao “<i>Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại</i>”?	0,5
		- Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. * <i>Hướng dẫn chấm:</i> + HS trả lời được ý như trên cho 0,5 điểm. + Trả lời sai hoặc không trả lời cho 0 điểm.	
	3	Em hãy chỉ ra mối liên hệ: a. giữa các luận điểm trong văn bản. b. giữa luận đề và luận điểm trong văn bản.	1,5
		a. Mối quan hệ giữa các luận điểm: Luận điểm 1 là cơ sở (lí do cần có sự kiên trì nỗ lực), luận điểm 2 tiếp tục phát triển ý đã nêu ở luận điểm cơ sở, vừa mang tính khẳng định (vai trò của sự kiên trì nỗ lực). Hai luận điểm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. b. Mối quan hệ giữa luận đề và luận điểm: Hai luận điểm là các ý triển	

		<p>khai hai khía cạnh của luận đề (lí do và vai trò của sự kiên trì, nỗ lực trong cuộc sống). Hai luận điểm này cùng hướng tới, làm rõ luận đề (sự kiên trì, nỗ lực, có ý chí sẽ vượt qua khó khăn thử thách).</p> <p><i>* Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ HS trả lời được đủ các ý như trên cho 1,5 điểm.</p> <p>+ HS trả lời được ý a cho 0,75 điểm.</p> <p>+ HS trả lời được ý b cho 0,75 điểm.</p> <p>+ Trả lời sai hoặc không trả lời cho 0 điểm.</p>	
	4	<p>Tìm và giải thích nghĩa của từ Hán Việt trong câu văn sau: “Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.”</p>	1,5
		<p>- Từ Hán Việt trong câu văn trên là: thành công, thất bại.</p> <p>- Giải thích nghĩa:</p> <p>+ Thành công: đạt được kết quả, mục đích như dự định.</p> <p>+ Thất bại: không đạt được kết quả, mục đích như dự định.</p> <p><i>* Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ HS trả lời được đủ các ý như trên cho 1,5 điểm.</p> <p>+ HS trả lời được ý 1 cho 0,5 điểm.</p> <p>+ HS trả lời được ý 2 cho 1,0 điểm.</p> <p>+ Trả lời sai hoặc không trả lời cho 0 điểm.</p>	
	5	<p>Từ nội dung văn bản, em cần làm gì để vượt qua khó khăn thử thách?</p>	
		<p>+ Cần có bản lĩnh trước những khó khăn, thử thách.</p> <p>+ Cần có ý chí, nghị lực, mạnh dạn đối mặt với khó khăn gian khổ.</p> <p>+ Học hỏi từ những sai lầm của mình.</p> <p>+ Giữ tinh thần tích cực.</p> <p>+ Học cách chấp nhận, vượt qua thất bại.</p> <p>+ ...</p> <p><i>* Hướng dẫn chấm:</i></p> <p>+ HS trả lời được 3 ý trở lên cho 1,0 điểm.</p> <p>+ HS trả lời được 2 ý cho 0,75 điểm.</p> <p>+ HS trả lời được 1 ý cho 0,5 điểm.</p> <p>+ Trả lời sai hoặc không trả lời cho 0 điểm.</p> <p>- HS có thể có cách diễn đạt khác, nếu hợp lí vẫn cho điểm tối đa.</p>	1,0

II		<p>VIẾT</p> <p>Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.</p>	4,0
		<p><i>* Yêu cầu chung:</i></p> <p>- Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay như: thói vô cảm; lối sống ảo; nghiện mạng xã hội; nghiện thuốc lá điện tử; ...</p> <p>- Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội.</p>	
		<p><i>* Yêu cầu cụ thể.</i></p> <p>1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.</p>	0,25

	2. <i>Xác định được đúng yêu cầu của đề.</i>	0,25
	3. <i>Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.</i> HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: I. Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay. II. Thân bài: 1. Làm rõ vấn đề nghị luận: + Giải thích hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. + Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. - Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng (thói quen) xấu. 2. Hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu: Làm rõ các hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó. 3. Nguyên nhân hiện tượng (thói quen) xấu: Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng (thói quen) xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó. 4. Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn. + Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng (thói quen) xấu. + Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng (thói quen) xấu được bàn. + Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng (thói quen) xấu. c. Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.	0,25 0,5 0,75 0,5 0,75 0,25
	4. <i>Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	5. <i>Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.	0,25

***Đánh giá toàn bài:**

<i>Mức điểm</i>	<i>Mức độ đánh giá</i>
4,0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
3,75 - 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.

* Lưu ý :

- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.

-HẾT-

ĐỀ 4	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
-------------	---

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản

TỰ HỌC LÀ MỘT CÁI THỨ

(Trích)

[...] Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy. Tự học cũng là một cuộc du lịch, du lịch bằng trí óc, một cuộc du lịch say mê gấp trăm lần du lịch bằng chân, vì nó là du lịch trong không gian lẫn thời gian. Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mênh mông. Kể làm sao hết được những vật hữu hình và vô hình mà ta sẽ thấy trong cuộc du lịch bằng sách vở?

Ta cũng được tự do, muốn đi đâu thì đi, ngừng đâu thì ngừng. Bạn thích cái xã hội ở thời Đường bên Trung Quốc thì đã có những thi nhân đại tài tả viên “Dạ minh châu” của Đường Minh Hoàng, khúc “Nghê thường vũ y” của Dương Quý Phi cho bạn biết. Tôi thích nghiên cứu đời con kiến, con sâu – mỗi vật là cả một thế giới huyền bí đấy, bạn ạ – thì đã có J.H.Phabrow và hàng chục nhà sinh vật học khác sẵn sàng kể chuyện cho tôi nghe một cách hóm hỉnh hoặc thi vị.

Đương học về kinh tế, thấy chán những con số ư? Thì ta bỏ nó đi mà coi cảnh hồ Ba Bể ở Bắc Cạn hay cảnh núi non Thụy Sĩ, cảnh trời biển ở Ha-oai. Hoặc không muốn học nữa thì ta gấp sách lại, chẳng ai ngăn cản ta cả.

Ta lại được quyền lựa chọn giáo sư.

Ta đương học họ mà bỏ ngang, họ không hề giận, lúc khác muốn học lại thì họ vẫn sẵn sàng chỉ bảo [...]. Giáo sư của ta nhiều vô kể, ta tha hồ lựa chọn. Họ sống đồng thời với ta hoặc trước ta cả chục thế kỉ, ở ngay trong xúu ta hoặc cách ta cả vạn cây số. Hết thấy điều tự thân đem những tinh hoa nhất của họ ra dạy ta mà đối với ta lễ phép và ôn tồn, thân mật như bạn bè.

Nào phải họ chỉ dạy ta mà thôi. Họ còn an ủi ta nữa, kể lẽ tâm sự với ta. Ta thấy trong nỗi buồn khổ, lo lắng của họ, nỗi buồn khổ, lo lắng của ta và ta hiểu rằng chúng ta không phải cô độc trong thế giới này. [...]

Tự học còn là một thú vui rất thanh nhã, nó nâng cao tâm hồn ta lên. Ta thấy như tự bắt được một cái cầu giữa tâm hồn ta và tâm hồn của các danh nhân trong muôn thuở.

Chắc các bạn còn nhớ lời của Von-te: “Người siêng học lần lần tự khoác cho mình một cái tôn vọng mà chức tước, của cải đều không cho được”. [...]

Thiên liêng thay sự tự học! Mỗi lần vào thư viện công cộng, tôi đều có cảm giác rờn rợn mà lâng lâng như vào một tòa đền [...]. Ở đấy không có hương, không có trầm, nhưng có hàng chục, hàng trăm người đang tụng niệm, vì đọc sách có khác chi tụng kinh và sách nào đứng đắn mà chẳng là một cuốn kinh?

(Theo Nguyễn Hiến Lê, *Tự học – một nhu cầu thời đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016, Ngữ văn 11, tập 1, tr 211 - 212).

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Em hãy nêu luận đề của văn bản trên?

Câu 2. (1,5 điểm) Để làm sáng tỏ ý kiến: “Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy”, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào?

Câu 3. (1,0 điểm) Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ trong đoạn văn cuối?

Câu 4. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về câu văn: “Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mệnh mông”?

Câu 5. (2,0 điểm). Theo em, khi tự học chúng ta có thể gặp những bất lợi gì? Em hãy nêu một số giải pháp khắc phục những bất lợi đó để việc tự học đem lại hiệu quả như mong muốn?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Sách là kho tàng tri thức vô giá của nhân loại. Thế nhưng hiện nay các bạn học sinh rất lười đọc sách. Em hãy viết một bài văn nghị luận bàn về hiện tượng này.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Em hãy nêu luận đề của văn bản trên?	0,5
		Luận đề của văn bản: Tự học là một cái thú	
	2	Để làm sáng tỏ ý kiến: “Cái thú tự học cũng giống cái thú đi chơi bộ ấy”, tác giả đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào?	

		<p>- Lí lẽ:</p> <p>+ Tự học như một cuộc du lịch bằng trí óc, sách vở, khám phá thế giới mệnh mông.</p> <p>+ Tự học giúp người đọc hình thành tri thức một cách tự do.</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng 2 lí lẽ cho tối đa 0,75 điểm; HS nêu đúng 1 lí lẽ cho 0,5 điểm.</p> <p>- Bằng chứng:</p> <p>+ Biết được viên <i>Dạ minh châu</i> của Đường Minh Hoàng</p> <p>+ Khúc <i>Nghê thường vũ y</i> của Dương Quý Phi</p> <p>+ Kiến thức côn trùng của J.H.Pha-brow...</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng 2 bằng chứng trở lên cho tối đa 0,75 điểm; HS nêu đúng 1 bằng chứng cho 0,5 điểm.</p>	<p>0,75</p> <p>0,75</p>
	3	<p>Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ trong đoạn văn cuối?</p> <p>- Câu hỏi tu từ: <i>Ở đây không có hương, không có trầm, nhưng có hàng chục, hàng trăm người đang tụng niệm, vì đọc sách có khác chi tụng kinh và sách nào đứng đắn mà chẳng là một cuốn kinh?</i></p> <p>- Tác dụng của câu hỏi tu từ:</p> <p>+ Khẳng định một cuốn sách hay không chỉ mang lại cho ta những tri thức, kinh nghiệm của nhân loại mà còn bồi đắp tư tưởng, tình cảm hướng con người đến cái đích chân – thiện – mỹ.</p> <p>+ Làm cho lời văn thêm uyển chuyển, giàu sắc thái biểu cảm.</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng 2 tác dụng kể trên cho tối đa 0,75 điểm; nếu đúng 1 tác dụng cho 0,5 điểm.</p>	<p>0,25</p> <p>0,75</p>
	4	<p>Em hiểu thế nào về câu văn: “Những sự hiểu biết của loài người là một thế giới mệnh mông”?</p> <p>Em hiểu câu văn trên là :</p> <p>- Kho tàng kiến thức nhân loại vô cùng mệnh mông, rộng lớn.</p> <p>- Sự hiểu biết của con người là hữu hạn chính vì vậy mà con người phải luôn có đam mê tìm tòi, khám phá thế giới, cần khiêm tốn và học hỏi không ngừng.</p>	<p>1,0</p>

		Hướng dẫn chấm: HS nêu được 2 ý hiểu như trên cho tối đa 1,0 điểm; nêu được 1 ý hiểu cho 0,5 điểm.	
	5	Theo em, khi tự học chúng ta có thể gặp những bất lợi gì? Em hãy nêu một số giải pháp khắc phục những bất lợi đó để việc tự học đem lại hiệu quả như mong muốn?	2,0
		<p>- Một số bất lợi gặp phải khi tự học:</p> <p>+ Biếng kiến thức mênh mông, con người tự loay hoay trong đó dễ gây ra hoang mang, không biết chọn mục tiêu tự học cho mình nên kết quả tự học không cao.</p> <p>+ Vì quá nhiều kiến thức, cái gì cũng thích mà không có sự định hướng nên tự học cái gì cũng qua loa, phí thời gian mà không hiệu quả.</p> <p>+ ...</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu được 2 ý phù hợp trở lên cho tối đa 1,0 điểm; nêu 1 ý phù hợp cho 0,5 điểm.</p> <p>- Một số giải pháp khắc phục:</p> <p>+ Nhờ thầy cô, cha mẹ, những người có kinh nghiệm định hướng mục tiêu.</p> <p>+ Xây dựng kế hoạch tự học cụ thể, rõ ràng.</p> <p>+ Tự giác, chủ động, kiên trì, luôn nỗ lực không ngừng...</p> <p>+ ...</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu được 3 ý phù hợp trở lên cho tối đa 1,0 điểm; nêu 2 ý phù hợp cho 0,75 điểm; nêu 1 ý phù hợp cho 0,5 điểm.</p>	1,0
II		VIẾT	4,0
		Sách là kho tàng tri thức vô giá của nhân loại. Thế nhưng hiện nay các bạn học sinh rất lười đọc sách. Em hãy viết một bài văn nghị luận bàn về hiện tượng này.	
		1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.	0,25
		2. Xác định được đúng yêu cầu của đề.	0,25
		<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.</p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	

	<p>a. Mở bài:</p> <p>Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Hiện tượng ngày nay các bạn học sinh rất lười đọc sách.</p>	0,25
	<p>b. Thân bài:</p> <p>- Làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>+ Giải thích hiện tượng lười đọc sách .</p> <ul style="list-style-type: none"> Lười đọc sách là thực trạng mọi người không chịu đọc sách, báo để cập nhật thông tin, gia tăng kiến thức của bản thân. Hiện tượng này diễn ra ở rất nhiều thế hệ nhưng phổ biến nhất là giới trẻ. 	0,25
	<p>+ Thực trạng của vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày nay, nhờ các thành tựu của nền khoa học kỹ thuật, các phương tiện truyền thông và thiết bị điện tử gần như đã thay thế vai trò của sách. Có hai hình thức sách cùng tồn tại song song ở nước ta là sách giấy và sách điện tử. Sách điện tử luôn tạo được sự tiện lợi và hứng thú cho người đọc. Theo khảo sát , tỉ lệ người đọc sách tại nước ta ở lứa tuổi học sinh là khá thấp. Học sinh ngày nay không có hứng thú đọc sách. Ngoài những quyển sách bắt buộc phải đọc, học sinh ít quan tâm đến sách khác. Học sinh thường hay đọc các loại truyện tranh có nội dung nhảm nhí, vô bổ mà ít tìm đến các loại sách khoa học. Những quyển sách văn học tuổi teen với nội dung dễ dãi thường được học sinh lựa chọn đọc. Còn sách lịch sử, sách địa lí, sách khoa học gần như không nằm trong danh mục lựa chọn. <p>- Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng lười đọc sách.</p> <p>+ Hậu quả của hiện tượng lười đọc sách (nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó).</p> <ul style="list-style-type: none"> Học sinh không muốn đọc sách khiến cho việc học tập cũng trở nên khó khăn, tri thức hết sức hạn chế, hiểu biết hạn hẹp. Một hậu quả dễ thấy nhất là học sinh ngày nay có năng lực đọc rất kém, viết sai chính tả nhiều, không phân biệt được lỗi phát âm và diễn đạt vụng về, thô lỗ. Không đọc sách làm cho tâm hồn học sinh khô héo, thiếu cảm xúc và những rung động chân thành. Học sinh ngày càng trở nên cộc cằn, ăn nói tục tĩu, ứng 	0,5
		0,75

		<p>xử thiếu lịch sự, thường vô lễ với thầy cô và người lớn. Việc ít đọc sách khiến học sinh không biết cảm thông, chia sẻ hay yêu thương; không biết tự kiểm chế bản thân làm nảy sinh ngày càng nhiều các vụ bạo lực xảy ra trong học đường.</p> <ul style="list-style-type: none"> Không những ít đọc hoặc không đọc sách, nhiều học sinh còn tỏ ra xem thường sách, có hành vi hủy hoại sách. <p>+ Nguyên nhân hiện tượng lười đọc sách của học sinh ngày nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin. Học sinh có thể đọc trang sách điện tử bất cứ lúc nào và bất cứ đâu. Sự phát triển rầm rộ của các ngành công nghệ giải trí với những chương trình mới lạ, đặc sắc thu hút học sinh theo dõi. Việc đọc sách trở nên nhàm chán, không còn hấp dẫn nữa. Học sinh ngày nay với lối sống dễ dãi, yêu thích những thứ tầm thường có tính giải trí như game, facebook, fan cuồng thần tượng, phim kinh dị, và các ấn phẩm có nội dung đồi trụy, phản cảm... Phụ huynh vì bận rộn với công việc mà không quan tâm khuyến khích con cái đọc sách. <p>- Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về việc lười đọc sách.</p> <p>+ Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng lười đọc sách. (Chẳng hạn như tìm kiếm thông tin qua sách thường mất nhiều thời gian nhưng chỉ một thao tác nhấp chuột trên máy tính, thông tin tìm kiếm sẽ có ngay...)</p> <p>+ Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng lười đọc sách. (Chẳng hạn: Thông tin trên mạng nhiều nhưng chưa được kiểm chứng, nhiều nội dung không chính xác...Lâu dần hình thành thói quen ỉ lại, qua loa, không rèn được tư duy ngôn ngữ...)</p> <p>- Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng lười đọc sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tìm hiểu về sở thích của bản thân và tìm kiếm sách viết về chủ đề đó để gia tăng sự hứng thú. Chọn những quyển sách thật sự hay, phù hợp với trình độ của bản thân. Hạn chế sử dụng điện thoại, máy tính, máy tính bảng 	0,25
		<ul style="list-style-type: none"> Tìm hiểu về sở thích của bản thân và tìm kiếm sách viết về chủ đề đó để gia tăng sự hứng thú. Chọn những quyển sách thật sự hay, phù hợp với trình độ của bản thân. Hạn chế sử dụng điện thoại, máy tính, máy tính bảng 	0,5

		<p>để tập trung đọc sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> Tạo ra thử thách đọc sách, ngày hội sách mới mẻ, hấp dẫn để mọi người cùng tham gia. Gia đình cần phải rèn cho con thói quen đọc sách ngay từ bé, xây dựng tủ sách gia đình. Nhà trường cần tổ chức những ngày hội sách, văn hóa đọc, các cuộc thi thuyết trình, giới thiệu sách. <p>c. Kết bài:</p> <p>Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học nhận thức và hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sách là kho tàng tri thức quý báu của nhân loại, là con đường dẫn ta khám phá những giá trị mới, chân trời mới trong cuộc sống. Lười đọc sách chính là phá hủy tương lai. Phải cố gắng đọc sách, bắt đầu từ những quyển sách giáo khoa đơn giản. Sau đó, hãy tìm đọc thêm sách về các kiến thức liên quan, các thể loại sách khác. Phải biết đọc sách đúng cách để không lãng phí thời gian và sức lực. 	0,25
			0,25
		<p><i>4. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
		<p><i>5. Sáng tạo</i></p> <p>- Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.</p>	0,25
Đánh giá toàn bài:			
Mức điểm	Mức độ đánh giá		
4,0	<p>- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.</p>		

3,75 - 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.	
2,5 - 1,5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.	
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.	
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.	
Tổng điểm		10,0

*** Lưu ý chung:**

- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.

-HẾT-

ĐỀ 5	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
-------------	---

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

Sống với niềm đam mê

(1) Bạn đã từng xem các nhạc sĩ trình diễn chưa? Ở đây, tôi không chỉ muốn đề cập đến âm thanh mà còn muốn bạn lưu ý đến những động tác và cảm xúc biểu lộ trên gương mặt của các nghệ sĩ khi họ trình diễn. Có lần tôi được xem ban nhạc Santana hòa nhạc trên truyền hình. Từ trước đến giờ tôi vẫn rất thích phong cách hòa nhạc của họ, nhưng buổi tối hôm đó khi máy quay phim chiếu cận cảnh từng thành viên, tôi không chỉ được nghe mà còn được quan sát họ chơi nhạc. Tôi chú ý đến biểu hiện của mỗi cá nhân trong lúc họ hát, đánh trống, hay chơi đàn guitar. Nét mặt họ thay đổi theo nhịp điệu của bản nhạc, đầu họ lắc lư qua lại, mắt họ phải nhắm nghiền, thả hồn vào tiếng nhạc. Đó là lần đầu tiên tôi cảm nhận được niềm đam mê của Carlos Santana và các thành viên khác, cứ như họ đang hòa lẫn vào âm nhạc vậy. Họ không còn là nghệ sĩ biểu diễn trên sân khấu mà tâm hồn họ và âm nhạc đã hòa cùng làm một.

[...]

(2) Chỉ cần lắng nghe và quan sát một người khi họ đang trình bày một vấn đề, bạn có thể biết được họ có say mê vấn đề đó hay không? Khi đam mê, nét mặt người đó sẽ rạng rỡ, đôi mắt sáng lấp lánh như có dòng điện đang lưu chuyển trong người họ. Trường hợp của nhân vật truyền hình Nigella Lawson là một ví dụ khi cô liếm hỗn hợp bột bánh dính trên những ngón tay của cô. Nhìn cách nuốt vội vàng và cách chép miệng của cô, bạn sẽ có cảm giác như mình cũng đang được thưởng thức hương vị sô-cô-la đó. Hoặc khi nữ tác giả France Mayes kể về những chuyến phiêu lưu của bà ở nước Ý, bạn sẽ cảm thấy ước ao một lần trong đời được đặt chân đến đó. Niềm đam mê dành cho những điều họ yêu thích đã tạo nên sự hấp dẫn trong con người họ. Khi bạn gặp họ, bạn sẽ nghĩ ngay rằng: “Tôi cũng muốn có được một phần tích cách của cô ấy, chẳng hạn như nét sinh động, vẻ vui tươi của cô ấy”. Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình.

(3) Đam mê là cảm xúc cháy bỏng, rạo rực, xuất phát từ sâu thẳm trong tâm hồn chúng ta. Dù bạn cố kìm nén, đến lúc nào đó nó sẽ dâng trào. Hầu như ai trong chúng ta cũng có một vài thú đam mê trong đời. Những đam mê này mang lại niềm vui, nụ cười trên gương mặt bạn và chấp cánh cho những sáng tạo của chính bạn.

(4) Sự đam mê nồng nhiệt là biểu hiện của ý thức trân trọng cảm xúc nơi tâm hồn. Bạn hãy phát hiện niềm đam mê của bản thân và biến nó thành tính cách riêng của mình. Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn.

(Sống với niềm đam mê, Hạnh phúc ở trong ta, Dedie Gisonni, NXB Trẻ 2014)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Luận đề của văn bản trên là gì?

Câu 2. (1,5 điểm) Xác định câu nêu luận điểm của đoạn (2) và cho biết đoạn văn trình bày theo cách nào?

Câu 3. (1,5 điểm) Nêu nhận xét của em về cách lập luận của tác giả ở đoạn văn sau:

“Chỉ cần lắng nghe và quan sát một người khi họ đang trình bày một vấn đề, bạn có thể biết được họ có say mê vấn đề đó hay không? Khi đam mê, nét mặt người đó sẽ rạng rỡ, đôi mắt sáng lấp lánh như có dòng điện đang lưu chuyển trong người họ. Trường hợp của nhân vật truyền hình Nigella Lawson là một ví dụ khi cô liếm hỗn hợp bột bánh dính trên những ngón tay của cô. Nhìn cách nuốt vội vàng và cách chép miệng của cô, bạn sẽ có cảm giác như mình cũng đang được thưởng thức hương vị sô-cô-la đó. Hoặc khi nữ tác giả France Mayes kể về những chuyến phiêu lưu của bà ở nước Ý, bạn sẽ cảm thấy ước ao một lần trong đời được đặt chân đến đó. Niềm đam mê dành cho những điều họ yêu thích đã tạo nên sự hấp dẫn trong con người họ. Khi bạn gặp họ, bạn sẽ nghĩ ngay rằng: “Tôi cũng muốn có được một phần tích cách của cô ấy, chẳng hạn như nét sinh động, vẻ vui tươi của cô ấy”. Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình”.

Câu 4. (1,5 điểm) Việc tác giả đưa ra dẫn chứng về nhân vật truyền hình Nigella Lawson và nữ tác giả France Mayes có tác dụng gì?

Câu 5. (1,0 điểm) Em có đồng ý với quan điểm “*Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn*” không? Vì sao?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Thói quen xấu là cửa ngõ của sự tha hóa.*” Em hãy viết bài văn nghị luận bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		PHẦN ĐỌC HIỂU	6,0
	1	<p>Luận đề của văn bản trên là gì?</p> <p>Luận đề của văn bản: sống với niềm đam mê</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nêu đúng luận đề của văn bản cho tối đa 0.5 điểm.</p> <p>- Nếu nêu không đúng không cho điểm.</p>	0,5
	2	<p>Xác định câu nêu luận điểm của đoạn (2) và cho biết đoạn văn trình bày theo cách nào?</p> <p>- Câu nêu luận điểm của đoạn văn:</p> <p>+ Chỉ cần lắng nghe và quan sát một người khi họ đang trình bày một vấn đề, bạn có thể biết được họ có say mê vấn đề đó hay không?</p> <p>– đứng đầu đoạn</p> <p>+ Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình” – đứng cuối đoạn</p> <p>-> Kết luận: đoạn văn trình bày theo cách phối hợp.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Nếu học sinh chỉ đúng 2 câu nêu luận điểm cho tối đa 1,0 điểm. Nếu chỉ đúng 1,0 câu nêu luận điểm cho 0.5 điểm.</p> <p>- Nếu chỉ đúng cách trình bày đoạn văn cho 0.5 điểm.</p>	1,5
	3	<p>Nêu nhận xét của về cách lập luận của tác giả ở đoạn văn sau:</p> <p>“Chỉ cần lắng nghe và quan sát một người khi họ đang trình bày một vấn đề, bạn có thể biết được họ có say mê vấn đề đó hay không? Khi đam mê, nét mặt người đó sẽ rạng rỡ, đôi mắt sáng lấp lánh như có dòng điện đang lưu chuyển trong người họ. Trường hợp của nhân vật truyền hình Nigella Lawson là một ví dụ khi cô liếm hỗn hợp bột bánh</p>	1,5

	<p>đỉnh trên những ngón tay của cô. Nhìn cách nuốt vội vàng và cách chép miệng của cô, bạn sẽ có cảm giác như mình cũng đang được thưởng thức hương vị sô-cô-la đó. Hoặc khi nữ tác giả France Mayes kể về những chuyến phiêu lưu của bà ở nước Ý, bạn sẽ cảm thấy ước ao một lần trong đời được đặt chân đến đó. Niềm đam mê dành cho những điều họ yêu thích đã tạo nên sự hấp dẫn trong con người họ. Khi bạn gặp họ, bạn sẽ nghĩ ngay rằng: “Tôi cũng muốn có được một phần tích cách của cô ấy, chẳng hạn như nét sinh động, vẻ vui tươi của cô ấy”. Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình”.</p>	
	<p>- Cách lập luận của tác giả:</p> <p>+ Đưa luận điểm rõ ràng: Chỉ cần lắng nghe và quan sát một người khi họ đang trình bày một vấn đề, bạn có thể biết được họ có say mê vấn đề đó hay không.</p> <p>+ Đưa ra các dẫn chứng cụ thể: hai nhân vật nổi tiếng (vật truyền hình Nigella Lawson và nữ tác giả France Mayes).</p> <p>+ Đi đến kết luận: Bạn có thể hấp dẫn như họ nếu bạn biết sống với niềm đam mê của mình”.</p> <p>-> Nhận xét: Lập luận của tác giả trong đoạn văn trên rất logic, chặt chẽ và thuyết phục, giúp người đọc hiểu rõ niềm đam mê tạo nên sự hấp dẫn cho con người.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Học sinh nhận xét được cách lập luận của tác giả theo 3 ý cho tối đa 1,0 điểm.</p> <p>- Nhận xét đúng cho 0.5 điểm.</p>	
4	<p>Việc tác giả đưa ra dẫn chứng về nhân vật truyền hình Nigella Lawson và nữ tác giả France Mayes có tác dụng gì?</p> <p>Việc tác giả đưa ra dẫn chứng về nhân vật truyền hình Nigella Lawson và nữ tác giả France Mayes có tác dụng:</p> <p>- Nhấn mạnh sức mạnh của niềm đam mê: Khi có niềm đam mê với công việc gì đó, con người dễ có được thành công và lan tỏa nguồn năng lượng tích cực cho mọi người.</p> <p>- Tăng tính thuyết phục, hấp dẫn cho lập luận.</p> <p>- Tác giả muốn khuyên con người cần nuôi dưỡng cho mình niềm đam mê.</p> <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <p>- HS nêu được 3 tác dụng cho tối đa 1,5 điểm; nêu được 2 tác dụng cho 1,0 điểm; nêu được 1 tác dụng cho 0,5 điểm.</p>	1,5

5	<p>Em có đồng ý với quan điểm “Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn” không? Vì sao?</p> <p>Học sinh có thể đồng ý hoặc không đồng ý với quan điểm trên nhưng phải đưa ra lý giải phù hợp. Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em đồng ý với quan điểm “Biết sống bằng niềm đam mê sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua những thử thách khó khăn” vì: <ul style="list-style-type: none"> + Đam mê là ánh sáng dẫn đường giúp ta định hướng tương lai. + Đam mê tạo ra nguồn động lực to lớn, tiếp thêm cho ta sức mạnh để vượt qua khó khăn thử thách. + Đam mê sẽ mang lại cho con người bản lĩnh, giàu nhiệt huyết... - Nếu học sinh không đồng ý: HS cần đưa những lý giải phù hợp. <p>* Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định đồng ý hay không đồng ý: 0,5 điểm - Lý giải hợp lý, thuyết phục: 0,5 điểm. 	1,0
II	PHẦN VIẾT	4,0
	<p>Có ý kiến cho rằng: “Thói quen xấu là cửa ngõ của sự tha hóa.” Em hãy viết bài văn nghị luận bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.</p> <p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay như: nghiện mạng xã hội; nghiện thuốc lá điện tử; bạo lực học đường; vô cảm; mê muội thần tượng; thiếu ước mơ; thiếu văn hóa cảm ơn, xin lỗi; nói tục chửi bậy; sống ảo; ... - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội. <p>* Yêu cầu cụ thể.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận. 2. Xác định được đúng yêu cầu của đề. 	<p></p> <p></p> <p></p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dẫn dắt vào vấn đề - Nêu vấn đề nghị luận: Một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay. <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ vấn đề nghị luận: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. - Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng (thói quen) xấu. <ul style="list-style-type: none"> + Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. + Hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu: <ul style="list-style-type: none"> Làm rõ các hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó. + Nguyên nhân hiện tượng (thói quen) xấu: <ul style="list-style-type: none"> Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng (thói quen) xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó. - Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn. <ul style="list-style-type: none"> + Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng (thói quen) xấu. + Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng (thói quen) xấu được bàn. - Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng (thói quen) xấu. <p>c. Kết bài:</p> <p>Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.</p> 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
	<p>4. Chính tả, ngữ pháp</p>	

	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	5. Sáng tạo	
	- Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.	0,25
* Đánh giá toàn bài		
Mức điểm	Mức độ đánh giá	
4,0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.	
3,75 - 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.	
2,5 - 1,5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.	
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.	
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.	
Tổng điểm		10,0

*** Lưu ý chung:**

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo.

- Đảm bảo toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

-----Hết-----

ĐỀ 6	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
-------------	---

I. PHÂN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.

(1) “Theo Tiến sĩ Vũ Thu Hương, chuyên gia tâm lý giáo dục, các “giang hồ” mạng truyền cảm hứng cho giới trẻ chẳng khác nào sự nguy hại của trò chơi “Cá voi xanh”, “Thử thách momo” mà phụ huynh lo lắng bấy lâu. “Hiện tượng này đặc biệt nguy hiểm, bởi việc học sinh thần tượng những “giang hồ” mạng có thể là một trong những nguyên nhân khiến bạo lực học đường gia tăng. Những hành vi vi phạm pháp luật được cổ vũ như hành động anh

hùng sẽ góp phần làm tăng các vụ án nghiêm trọng về cả mức độ lẫn số lượng”, Tiến sĩ Vũ Thu Hương phân tích (.....).

(2) Tâm lý lứa tuổi với sở thích vượt khỏi sự hiểu biết của phụ huynh cùng những ảnh hưởng của đám đông bạn bè khiến cho “văn hóa thần tượng” của giới trẻ ngày càng khó nắm bắt, khó kiểm soát. Nhiều xu hướng thần tượng lệch lạc hiện diện rõ hơn. Hành động của giới trẻ với cộng đồng cũng có nhiều biểu hiện không giống với thế hệ trước (.....).

(3) Xu hướng thần tượng đến mê muội, cảm tính đang trở thành mối lo ngại về những hành vi lệch chuẩn của một bộ phận thanh niên. Để ngăn chặn xu hướng này, không chỉ trông cậy sự vào cuộc, quản lý của cơ quan chức năng mà hơn hết là sự chung tay của gia đình, nhà trường trong tuyên truyền, nâng cao khả năng thẩm mỹ và nhân cách, đạo đức đối với giới trẻ”

(Trích “Thần tượng” lệch lạc - Hồi chuông báo động trong giới trẻ, theo Hoàng Lâm, báo Hà Nội mới)

Câu 1 (1.0 điểm). Đoạn một (1) trong văn bản trên viết theo kiểu nào? Xác định nội dung chính của văn bản trên ?

Câu 2 (1.0 điểm). Theo tác giả, hậu quả của việc giới trẻ thần tượng các hiện tượng giang hồ “mạng” là gì ?

Câu 3 (1.0 điểm). Theo em, tại sao một bộ phận giới trẻ ngày nay lại thần tượng các hiện tượng “giang hồ” trên mạng xã hội ?

Câu 4 (1.0 điểm). Em có đồng tình với quan điểm cho rằng : “ việc học sinh thần tượng những "giang hồ" mạng có thể là một trong những nguyên nhân khiến bạo lực học đường gia tăng” ? Vì sao ?

Câu 5 (1 điểm). Từ những thông tin trên của văn bản đọc hiểu, em rút ra được những bài học gì về lễ sống đẹp của giới trẻ ngày nay?

PHẦN II. VIẾT (4 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ “Đất Vị Hoàng” của Tú Xương.

*Có đất nào như đất ấy không?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông.
Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.
Keo cú người đâu như cắt sắt,
Tham lam chuyện thờ rất hơi đồng.
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?*

Bài thơ này sử dụng trong phần đọc thêm SGK Văn học 11 giai đoạn 1990-2006, nhưng đã được lược bỏ trong SGK Ngữ văn 11 từ 2007.

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh:

Họ tên, chữ ký GT 1:

Số báo danh:

Họ tên, chữ ký GT 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC - HIỂU		6,0
	1	<p>- Đoạn một (1) trong văn bản trên viết theo kiểu nào? Vì sao? Xác định nội dung chính của văn bản trên ?</p> <p>- Đoạn một (1) trong văn bản trên viết theo kiểu diễn dịch. Vì câu mở đầu của đoạn nêu ý khái quát, và các câu sau giải thích, cụ thể hóa ý chính đó.</p> <p>- Nội dung chính của văn bản trên là: xu hướng "thần tượng lệch lạc, cuồng nhiệt một cách thái quá của giới trẻ hiện nay, và mối nguy hại của hiện tượng này.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 2 ý trên cho (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý cho (0.5 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)</p>	1,0
	2	<p>Theo tác giả, hậu quả của việc giới trẻ thần tượng các hiện tượng giang hồ “mạng” là gì ?</p> <p>- Hiện tượng này đặc biệt nguy hiểm.</p> <p>- Bạo lực học đường gia tăng...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 2 ý: (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)</p>	1,0
	3	<p>Theo em, tại sao một bộ phận giới trẻ ngày nay lại thần tượng các hiện tượng “giang hồ” trên mạng xã hội ?</p> <p>- Ảnh hưởng bởi tâm lý đám đông</p> <p>- Những hiện tượng "giang hồ" thu hút được sự quan tâm, chú ý của các em</p> <p>- Tác động bởi những thành kiến của xã hội.</p> <p>.....</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 2 ý trở lên: (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)</p> <p>* Lưu ý: Dựa vào bài làm thực tế của học sinh mà giáo viên linh hoạt cho điểm.</p>	1,0
	4	<p>Anh/ chị có đồng tình với quan điểm cho rằng: “ việc học sinh thần tượng những "giang hồ" mạng có thể là một trong những nguyên nhân khiến bạo lực học đường gia tăng” ? Vì sao ?</p> <p>- Học sinh bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/không đồng tình/không hoàn toàn đồng tình.</p> <p>- Lí giải hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</p> <p>Dưới đây là một định hướng:</p> <p>*Đồng tình vì:</p>	1,0

		<p>- Bởi vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những hiện tượng đó có những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tâm sinh lý của các em. + Khi các em xem quá nhiều sẽ bị ảnh hưởng thậm chí nó sẽ hình thành trong tư duy của các em. + Các em sẽ có những quan điểm lệch lạc, không tích cực. <p>*Không đồng ý vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bạo lực học đường là do nhiều nguyên nhân: - Không phải học sinh nào cũng bị ảnh hưởng bởi "giang hồ mạng" - Không phải "giang hồ mạng" nào cũng ảnh hưởng tiêu cực..... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đồng tình hoặc không đồng tình (0,25 điểm). - Lý giải hợp lý từ 2 ý trở lên (0,75 điểm) - Trả lời được 1 ý: (0,25 điểm) - Không lý giải được hoặc lý giải sai: (0.0 điểm) <p>* Lưu ý: Dựa vào bài làm thực tế của học sinh mà giáo viên linh hoạt cho điểm.</p>	
5		<p>Từ những thông tin trên của văn bản đọc hiểu, em rút ra được những bài học gì về lễ sống đẹp của giới trẻ ngày nay?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể trả lời theo một số gợi ý sau: + Giới trẻ cần biết chọn lọc, học tập từ những tấm gương có ảnh hưởng tích cực đến cuộc sống. + Cần biết phân biệt đúng sai, phân biệt giữa cái tốt và cái xấu, sống có trách nhiệm. + Biết nuôi dưỡng tư duy lành mạnh, trau dồi kiến thức kỹ năng. + Lan tỏa giá trị tốt đẹp, tạo ảnh hưởng tốt đến bạn bè, người thân, và cộng đồng. + Trân trọng giá trị đạo đức và pháp luật, vì đây là nền tảng để xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa và bền vững. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được 4 ý trở lên: (2.0 điểm) - Trả lời được 3 ý: (1.5 điểm) - Trả lời được 2 ý: (1.0 điểm) - Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm) - Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm) <p>* Lưu ý: Dựa vào bài làm thực tế của học sinh mà giáo viên linh hoạt cho điểm.</p>	2.0
II	VIẾT		4,0
		<p>Viết bài văn phân tích bài thơ: “Đất Vị Hoàng” của nhà thơ Tú Xương.</p>	
		<p>1. Đảm bảo cấu trúc bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ Đường luật)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lý. - Phân tích được nội dung cơ bản và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ. - Trình bày sạch đẹp, chữ viết rõ ràng. 	0,25,

	<p>2. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Phân tích một tác phẩm văn học</p>	0,25
	<p>3. <i>Triển khai nội dung bài viết.</i></p> <p>a. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm. - Nêu vấn đề nghị luận. <p>b. Thân bài</p> <p>Ý 1: Khái quát về hoàn cảnh ra đời/cảm hứng/ đề tài hoặc nhan đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Đất Vị Hoàng” là bài thơ được viết theo bút pháp trào phúng, qua đó tác giả Trần Tế Xương đã thể hiện thái độ phẫn uất, bất bình của mình trước những đổi thay của xã hội. - Bài thơ ta cũng có thể dễ dàng nhận thấy sự xót xa, đau đớn đọng lại trong từng câu, từng chữ, đó chính là sự đau xót của một con người đầy ý thức, không chấp nhận được sự đổi thay chóng vánh, tiêu cực của xã hội Việt Nam đương thời. <p>Ý 2: Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ (triển khai phân tích theo bố cục bài thơ hoặc hình tượng trong thơ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu đề gợi hình ảnh vùng quê Đất Vị Hoàng có rất nhiều thay đổi. - Làng của Tú Xương ở nay đã trở thành một chốn phồn vinh đô thị. - Câu hỏi tu từ gợi tả thái độ hoài nghi: phải chăng sự đổi thay quá nhanh đã khiến cho mảnh đất chôn nhau cắt rốn của nhà thơ trở nên xa lạ, tạo ra cho con người một sự xa cách đến ngỡ ngàng. <p>=> Dùng câu hỏi tu từ để nổi bật sự đổi thay, sự lạ lẫm ở mảnh đất vốn thân quen, đó chính là sự xuất hiện của những phố phường, đây cũng là dấu hiệu của một cuộc sống mới, của nếp sống mới mà người Pháp đang xây dựng ở trong xã hội ta.</p> <p>Hai câu thực : Hiện thực đau đớn, xót xa được Tế Xương phơi bày đến đau lòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cách dùng “nhà kia, mẹ họ” vừa ám chỉ vừa vạch mặt chỉ tên đầy khinh bỉ trước những cảnh đời xấu xa vô đạo. + Có cảnh nhà “lỗi phép”: con cái bất hiếu “Con khinh bố”. + Có lẽ chỉ vì tiền mà đời bại đến cùng cực: Hai mối quan hệ làm rường cột của đạo lí: tình phụ tử, nghĩa phu - thê đã trở nên nhem nhuốc vô cùng. Hồng từ gia đình hồng ra. Không còn là hiện tượng cá biệt nữa. <p>=> Qua hai câu thơ của nhà thơ Trần Tế Xương ta có thể thấy mọi trật tự, mọi luân lí đều bị đảo ngược.</p> <p>Hai câu luận: Tế Xương đã khắc họa sự đổi thay to lớn trong xã hội, nơi mà con người hiện ra với đủ mọi tính cách xấu xa, bần tiện, hôi hám:</p> <p style="text-align: center;">“ Keo cú người đâu như cú cắt sắt Tham lam chuyện thở rất hơi đồng”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở cái đất Vị Hoàng thuở ấy nhan nhản những loại người “tham lam” và “keo cú”. “Keo cú” đến bần tiện, ghê tởm và 	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>hôi hám.</p> <p>- Phép so sánh: “người đầu như cút sắt” sao mà đáng sợ, đáng khinh bỉ! Lại có loại người “tham lam” đến cùng cực, nhíp sống cuộc đời họ chỉ là chuyện thở rất hơi đồng”.</p> <p>- Phép đảo ngữ (keo cú, tham lam) lên đầu để nhấn mạnh, rất có giá trị thẩm mỹ, tạo nên ngữ điệu dữ dội, khinh bỉ, một tiếng chửi đời cay độc, lên án loại người tham lam, keo cú.</p> <p>=> Tác giả đã vạch trần nét tiêu cực tính cách con người trong thời đô thị hóa ở làng Vị Hoàng thời đó.</p> <p>Hai câu kết :</p> <p>Cách dùng nghệ thuật mở đầu - kết thúc dưới hình thức câu hỏi tu từ ngệch ngoạc cất lên như một lời đay nghiến, vừa xót xa đau đớn.</p> <p>- Tế Xương đã thể hiện thái độ bất mãn, phẫn nộ trước cảnh tượng, lẽ lối đạo đức suy đồi, phép tắc gia đình đảo lộn, xã hội ngập tràn những xấu xa, bẩn tiện.</p> <p>- Điều này không chỉ đã kích mạnh vào xã hội đương thời mà còn đồng thời thể hiện rõ nét nỗi lòng lo lắng cho quê hương của chính nhà thơ</p> <p>=> Câu hỏi này, tác giả Tế Xương không chỉ dành riêng cho người dân làng quê Vị Hoàng mà đó là câu chuyện xã hội của cả đất nước.</p> <p>- Chính hai câu thơ kết bài này đã nâng cao, mở rộng tầm tư tưởng tình cảm của bài thơ.</p> <p>Ý 3 : Khẳng định/ làm rõ dụng ý phê phán của nhà thơ</p> <p>- “Đất Vị Hoàng” là bài thơ viết bằng chữ Nôm, ngôn ngữ bình dị mà sắc sảo cùng với bút pháp điêu luyện mà tự nhiên, hồn nhiên.</p> <p>- Tác giả đã phê phán xã hội đương thời nhiều suy thoái đạo đức, luân thường, đạo lí.</p> <p>- Lời bài thơ đã tạo nên dấu ấn thơ Tế Xương – một nhà thơ trào phúng bậc thầy của nước ta.</p> <p>c. Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của bài thơ.</p>	0,5
	<p>Ý 3 : Khẳng định/ làm rõ dụng ý phê phán của nhà thơ</p> <p>- “Đất Vị Hoàng” là bài thơ viết bằng chữ Nôm, ngôn ngữ bình dị mà sắc sảo cùng với bút pháp điêu luyện mà tự nhiên, hồn nhiên.</p> <p>- Tác giả đã phê phán xã hội đương thời nhiều suy thoái đạo đức, luân thường, đạo lí.</p> <p>- Lời bài thơ đã tạo nên dấu ấn thơ Tế Xương – một nhà thơ trào phúng bậc thầy của nước ta.</p>	0,25
	<p>c. Kết bài</p> <p>- Khẳng định lại ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của bài thơ.</p>	0,25
	<p>4. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>5. Sáng tạo</p> <p>Thể hiện nhìn nhận, cảm xúc tích cực về chuyến đi, có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,25
Tổng điểm		10,0

Chú ý:

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.

---HẾT---

ĐỀ 7**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2025 - 2026****Môn: Ngữ văn 8***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề***Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online, thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed để hòng tìm một status bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.

(Trích “*Bức xúc không làm ta vô can*”, Đặng Hoàng Giang,

NXB Hội Nhà văn, 2016, trang 76 – 77)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể loại và nêu luận đề của văn bản?**Câu 2. (1.0 điểm)** Theo văn bản, chiếc smartphone đem đến cho con người những lợi ích và tác hại gì?**Câu 3. (1.5 điểm)** Tại sao tác giả cho rằng, những trải nghiệm trên mạng xã hội sẽ “*ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay hay một tác phẩm nghệ thuật lớn*”?**Câu 4. (1.5 điểm)** Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong câu văn: “*Nhưng càng kết nối, càng online, thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn.*”?**Câu 5. (1.0 điểm)** Qua việc đọc hiểu văn bản, em rút ra được những bài học thiết thực nào cho bản thân?**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)**

Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về vai trò của tuổi trẻ với tương lai đất nước.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	Câu 1. Xác định thể loại và nêu luận đề của văn bản?	<p>Thể loại văn bản: Nghị luận</p> <p>Luận đề: Bàn về lợi ích và tác hại của <i>chiếc smartphone</i></p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Điểm 1,0: Thí sinh trả lời đúng như đáp án.</p> <p>- Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 1 ý.</p> <p>(HS có cách diễn đạt khác về luận đề, nếu hợp lí vẫn cho điểm tối đa)</p> <p>VD: Bàn về chiếc smartphone/ Tính hai mặt của chiếc smartphone... : cho đủ 0.5điểm.</p> <p>- Điểm 0,0: Thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời.</p>	1,0
	Câu 2. Theo văn bản, chiếc smartphone đem đến cho con người những lợi ích và tác hại gì?	<p>Chiếc smartphone đem đến cho con người những lợi ích và tác hại:</p> <p>- Lợi ích: thoải mái chia sẻ cuộc sống cá nhân.</p> <p>- Tác hại:</p> <p>+ Càng kết nối, càng online thì con người càng cô đơn hơn.</p> <p>+ Làm cho con người thấy trống vắng, không tìm được cảm giác quan tâm thật sự vì sự tương tác hời hợt và vội vã trên mạng xã hội.</p> <p>+ Con người có cảm giác bức rút, xáo trộn, ghen tị với cuộc sống của người khác khi nhìn ngắm cuộc sống trên mạng xã hội.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Lợi ích: 0,25 điểm</p> <p>Tác hại: 0,75 điểm</p> <p>- Điểm 0,75: Thí sinh trình bày được 3 ý.</p> <p>- Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 2 ý.</p> <p>- Điểm 0,25: Thí sinh trình bày được 1 ý.</p> <p>- Điểm 0,0: Thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời.</p>	1,0

	<p>Câu 3. Tại sao tác giả cho rằng, những trải nghiệm trên mạng xã hội sẽ “ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay hay một tác phẩm nghệ thuật lớn” ?</p>	<p>Tác giả cho rằng, những trải nghiệm trên mạng xã hội sẽ “ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay hay một tác phẩm nghệ thuật lớn” vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khi đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, con người cảm nhận được những cái hay, cái đẹp của tự nhiên và nghệ thuật, từ đó con người thêm yêu cái đẹp và yêu cuộc sống. + Những trải nghiệm trên mạng xã hội đem đến cho ta sự xáo trộn, ghen tị với cuộc sống của người khác, làm cho suy nghĩ của ta trở nên nhỏ nhen, hẹp hòi. + Càng đi sâu vào cuộc sống ảo trên không gian mạng, con người càng cảm thấy thiếu thốn, trống trải, cô đơn và không bao giờ có được cảm giác “đầy đặn” như khi đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 1,5: Thí sinh trình bày được 3 ý - Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 2 ý - Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 1 ý. - Điểm 0,0: Thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời.. 	1,5
	<p>Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong câu văn: “Nhưng càng kết nối, càng online, thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm</p>	<p>Biện pháp tu từ: Điệp ngữ (càng kết nối, càng online, càng làm chúng ta cô đơn hơn)</p> <p>Tác dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tạo sự cân xứng, hài hòa cho câu văn, làm nổi bật ý cần diễn đạt. + Nhấn mạnh sự cô đơn, trống trải, sự giao tiếp hời hợt của lối sống ảo trên mạng xã hội và cảm giác bứt rứt, xáo trộn, ghen tị với cuộc sống của người khác. + Khuyến nhủ con người, hãy dành thời gian để thưởng thức những vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống thay vì dành thời gian cho việc tương tác trên mạng. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>Học sinh chỉ ra được biện pháp tu từ: 0,5 điểm</p>	1,5

	<i>chúng ta cô đơn hơn.”?</i>	<p>Phân tích tác dụng: 1,0 điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 3 ý - Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 2 ý - Điểm 0,25: Thí sinh trình bày được 1 ý - Điểm 0,0: Thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời. 	
	Câu 5. Qua việc đọc hiểu văn bản, em rút ra được những bài học thiết thực nào cho bản thân?	<p>Qua việc đọc hiểu văn bản, cần rút ra những bài học sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không nên đắm chìm vào thế giới ảo vì càng đắm chìm trong nó càng làm cho chúng ta cô đơn hơn. + Hãy luôn yêu thương gia đình, người thân và cùng nhau trò chuyện, tâm sự nhiều hơn thay vì thời gian cảm tức, đố kị, ghen ghét... với những thứ xa lạ ở thế giới ảo. + Luôn hoà mình vào với thế giới thiên nhiên tươi đẹp, để khám phá và tận hưởng những điều kì thú mà thiên nhiên ban tặng cho cuộc sống của con người. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 3 bài học trở lên - Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 2 bài học - Điểm 0,25: Thí sinh trình bày được 1 bài học - Điểm 0,0: Thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời. 	1,0
II		VIẾT	4,0
		Viết bài văn nghị luận nêu suy nghĩ của em về vai trò của tuổi trẻ với tương lai đất nước.	
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.</i></p> <p>Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài: Mở bài nêu được vấn đề và ý kiến riêng của người viết về vấn đề đó. Thân bài đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề và thuyết phục được người đọc, người nghe. Kết bài đưa ra được những nhận thức và hành động của người viết.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tuổi trẻ và trách nhiệm với tương lai đất nước .</i></p> <p>Viết bài văn nghị luận về tuổi trẻ và trách nhiệm với tương lai đất nước .</p>	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm thể hiện trách nhiệm của thế hệ trẻ với tương lai của đất nước và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ</i>	

		giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh triển khai bài viết theo đúng yêu cầu của một bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống xã hội.	
		<p>Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận.</p> <p>Thân bài: Lập luận làm sáng rõ ý kiến và thuyết phục người đọc.</p> <p>1. Giải thích tuổi trẻ là gì? (0,5 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tuổi trẻ thường được xem là giai đoạn cuộc đời từ khi con người bước vào độ tuổi trưởng thành đến khi vào độ tuổi trưởng thành. + Tuổi trẻ là thời kỳ của sự khám phá, học hỏi và xây dựng căn cứ cho tương lai, có thể tận dụng thời gian và năng lượng của mình để theo đuổi những ước mơ, mục tiêu và sự phát triển cá nhân. + Tuổi trẻ thường được gắn liền với sự sáng tạo, tính năng động và sự phiêu lưu. + Sức trẻ, sự cống hiến và năng lượng tích cực của tuổi trẻ có thể tạo ra được những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng. + Lứa tuổi con người được học tập, rèn luyện và hình thành cho mình một nền tảng kiến thức cũng như phẩm chất cao đẹp, chuẩn bị một hành trang vững chắc nhất để bước vào đời. <p>2. Vì sao thế hệ trẻ lại ảnh hưởng đến tương lai đất nước? (1,0 điểm)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thế hệ trẻ là những con người tràn trề năng lượng, họ có sức khỏe, có vốn tri thức và khả năng học hỏi, tiếp thu nhanh, đại diện cho tiềm năng, sự sáng tạo và năng lượng mới. + Những gì họ tiếp thu được có thể áp dụng vào cuộc sống hàng ngày, góp phần xây dựng xã hội phát triển mạnh mẽ hơn nữa. + Thế hệ trẻ thường mang theo những quan điểm và giá trị khác biệt so với thế hệ trước. Họ có thể đóng góp vào việc thay đổi xã hội và văn hoá, đưa ra những ý tưởng mới, tạo ra sự đa dạng và tiến bộ. <p>3. Dùng lí lẽ và bằng chứng để chứng minh vai trò của</p>	3,0

		<p>tuổi trẻ trong mọi thời đại. (0,75 điểm)</p> <p>Dù thời chiến hay thời bình, tuổi trẻ luôn là thế hệ tràn ngập khí thế, giàu lòng hi sinh, nhờ sức trẻ của họ đã làm rạng danh đất nước, đã giúp đất nước ta ngày càng phát triển.</p> <p>+ Thời chiến: Nguyễn Trãi, Trần Quốc Tuấn...</p> <p>+ Thời bình: Giáo sư Ngô Bảo Châu, Thần đồng tiếng Anh Nguyễn Nhật Nam...</p> <p>Phản đề: (0,25 điểm)</p> <p>Tuy nhiên, vẫn còn nhiều bạn trẻ chưa nhận thức đúng đắn về trách nhiệm của mình đối với quê hương, đất nước. Họ chỉ quan tâm đến lợi ích cá nhân, xem việc chung là trách nhiệm của người khác. Những người này đáng bị xã hội lên án vì thiếu ý thức trách nhiệm với đất nước, với cộng đồng.</p> <p>4. Bài học nhận thức và hành động. (0,5 điểm)</p> <p>+ Bản thân mỗi người trẻ phải tiếp thu, tích lũy cho mình những kinh nghiệm quý báu nhất để làm vũ khí trong công cuộc đưa đất nước Việt Nam có được vị thế với các nước trên thế giới.</p> <p>+ Nhà trường cần đẩy mạnh công tác giáo dục về tài và đức, tham gia hoạt động xã hội, gắn kết với cộng đồng và có tinh thần xã hội hóa.</p> <p>+ Đảng và nhà nước cần thiết lập chính sách ưu tiên hơn trong việc đào tạo và phát triển thế hệ trẻ như đầu tư vào giáo dục và đào tạo chất lượng, tạo ra cơ hội công bằng và bình đẳng cho tất cả các bạn trẻ trong việc tiếp cận kiến thức và kỹ năng.</p> <p>* Kết bài:</p> <p>- Khẳng định lại vấn đề nghị luận và liên hệ bản thân.</p>	
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn cảm xúc, sinh động, sáng tạo.</p>	0,25
		<p>*Cách cho điểm:</p> <p>- Mức 3,5- 4,0 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu.</p> <p>- Mức 2,5- 3,25 điểm: Đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu nhưng chưa có sáng tạo, còn mắc lỗi nhỏ về diễn đạt.</p>	

		<p>- Mức 1,5- 2,25 điểm: Đáp ứng 2/3 yêu cầu, chưa sáng tạo, còn mắc lỗi diễn đạt.</p> <p>- Mức 0,5- 1,25 điểm: Bài làm sơ sài, luận điểm chưa đầy đủ, lộn xộn.</p> <p>- Mức 0 điểm: Không làm bài, lạc yêu cầu của đề.</p>	
--	--	---	--

Lưu ý chung:

- Giám khảo cần linh hoạt khi vận dụng đáp án để cho điểm.
- Điểm của toàn bài để điểm lẻ ở mức 0,25 điểm.

ĐỀ 8	<p align="center">ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i></p>
-------------	---

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau:

Đặng Thùy Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

(Theo Trần Thị Cẩm Quyên, in trong Văn học và tuổi trẻ, số 11 - 2021)

Và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Theo Đặng Thùy Trâm, điều gì là thất bại đáng sợ nhất cuộc đời?

Câu 2. Chỉ ra các yếu tố Hán Việt được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về câu nói của Đặng Thùy Trâm: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”?

Câu 4. Văn bản trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

Câu 5. Em có đồng tình với quan điểm: *Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời* không? Vì sao?

PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích bài thơ sau :

Ông Phỗng đá ⁽¹⁾

Ông đứng làm chi đó hỡi ông?

Trơ trơ như đá, vũng như đồng.

Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?
Non nước đầy vui có biết không?

Thơ văn Nguyễn Khuyến⁽²⁾- Nxb văn học 1971, trang 89-90

***Chú thích:**

⁽¹⁾ Tiêu đề có bản chép là *Ông tượng sành đứng trên núi non bộ*.

Tương truyền khi nhà thơ ngồi dạy học ở nhà Hoàng Cao Khải, một hôm dạo chơi ngoài vườn, thấy ông phỗng đá bên hòn non bộ, liền tức cảnh mà làm bài này.

⁽²⁾ Nguyễn Khuyến (1835-1909) hiệu là Quế Sơn, lúc nhỏ tên là Nguyễn Thắng. Lớn lên và sống chủ yếu ở quê nội - làng Và, xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo. Năm 1864, ông đỗ đầu kì thi Hương. Mấy kì sau thi tiếp lại trượt, đến năm 1871, ông đỗ đầu cả thi Hội và thi Đình. Do đỗ đầu cả ba kì thi nên Nguyễn Khuyến được gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ. Tuy đỗ đạt cao nhưng ông chỉ làm quan hơn mười năm, còn phần lớn cuộc đời là dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà. Nguyễn Khuyến là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, từng bày tỏ thái độ kiên quyết không hợp tác với chính quyền thực dân Pháp.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Tổng điểm cho cả bài khảo sát là 10 điểm

Yêu cầu nội dung, hình thức và phân bố điểm như sau:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	Câu 1: Theo Đặng Thùy Trâm, điều gì là thất bại đáng sợ nhất cuộc đời?	<p><i>Trả lời: thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.</i></p> <p>- Học sinh trả lời như đáp án cho điểm tối đa. - Nếu trả lời 1 ý không chiến thắng bản thân hoặc không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn thì cho 0,5 đ.</p>	1.0
	Câu 2. Chỉ ra các yếu tố Hán Việt được sử dụng trong đoạn trích trên?	<p><i>Trả lời: Giông tố, thất bại, mục tiêu, lý tưởng, thắng trận, nỗ lực, đoàn kết.</i></p> <p>- Học sinh trả lời được 5 từ trở lên cho điểm tối đa. - Học sinh trả lời được 3 đến 4 từ cho 0,5 điểm. - Học sinh trả lời đúng 2 từ cho 0,25 . - Học sinh không trả lời hoặc trả lời sai , không cho điểm.</p>	1.0
	Câu 3: Em hiểu như thế nào về	<i>Trả lời: Học sinh có thể trả lời theo các ý hiểu khác nhau, tùy vào bài làm giáo viên vẫn cho điểm</i>	1.0

	câu nói của Đặng Thùy Trâm: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”?	tối đa, sau đây là gợi ý: - Cuộc đời không tránh khỏi khó khăn, thách thức. Chúng ta không nên bỏ cuộc mà phải kiên cường đối mặt và vượt qua những khó khăn thách thức đó, ...	
	Câu 4. Văn bản trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?	- Trả lời: Câu tục ngữ “Thất bại là mẹ thành công”.	1.0
	5 Em có đồng tình với quan điểm: Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời” không? Vì sao?	HS đưa ra quan điểm đồng ý/ không đồng ý. VD. Em đồng ý với ý kiến của tác giả vì: - Vì trong cuộc sống, ai trong chúng ta cũng phải đối mặt với khó khăn thử thách. - Nhưng trước những khó khăn, thử thách đó con người không được cúi đầu mà cần phải đối mặt và vượt qua nó thì mới có thể thành công. - HS đưa ra quan điểm đồng ý hoặc không đồng ý cho 0,5 điểm - Lí giải được 2 ý cho 1.5 điểm. - Lí giải ý 1 cho 0,5 ; ý 2 cho 1,0 điểm	2.0 0.5 0.5 1.0
II	Viết bài văn phân tích bài thơ sau: Ông Phổng đá của Nguyễn Khuyến	VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn với các phần: Mở bài, thân bài, kết bài.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Phân tích bài thơ: “Ông phổng đá” của nhà thơ Nguyễn Khuyến.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm: Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm nổi bật được các ý cơ bản sau:	3.0
		1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu ý kiến chung về bài thơ	0,25
		2. Thân bài: - Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác, đề tài bài thơ - Phân tích làm rõ các luận điểm: a. Hai câu thơ mở đầu: miêu tả chân dung ông phổng đá + Hình ảnh phổng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca. + Câu hỏi tu từ mở đầu bài thơ “Ông đứng làm chi	0,25 0,75

	<p>đó hỡi ông?” vừa là một sự băn khoăn, vừa là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm của nhà thơ.</p> <p>+ Câu thơ thứ hai dần dần mở ra hình ảnh của “ông phỗng đá”. Từ láy “trơ trơ”, hình ảnh so sánh “trơ như đá”, “vững như đồng” làm nổi bật hai hình ảnh: một là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất; hai là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực.</p> <p>➔ Hai câu thơ với nghệ thuật so sánh đặc sắc cùng câu hỏi tu từ đã làm nổi bật hình ảnh “ông phỗng đá” bất động, trơ trơ giữa hình ảnh hòn núi non bộ.</p> <p>b. Hai câu thơ cuối giúp người đọc hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ:</p> <p>+ Cả bài thơ có bốn câu thơ, mà tới ba câu thơ là câu hỏi tu từ. Câu hỏi tu từ dồn dập, liên tiếp như mở ra bao suy tư mới.</p> <p>+ Câu thơ thứ ba “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?” như một lời thăm dò công việc của ông phỗng đá. Nhà thơ có ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn hay không?</p> <p>+ Ở câu thơ thứ bốn “Non nước đầy vui có biết không” như là một lời trách thầm đối với ông phỗng đá.</p> <p>- Hình ảnh “non nước đầy vui” mở ra hai ý nghĩa: không chỉ là hình ảnh giang sơn, khung cảnh đầy vui như nào, mà nó còn phản ánh cái thực trạng xã hội mà Nguyễn Khuyến đang sống thuở đó.</p> <p>➔ Hai câu thơ cuối sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu từ như là sự dồn dập, kết hợp với giọng điệu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy không chỉ là sự phê phán quan lại triều đình, mà còn là sự tự trách chính mình của nhà thơ.</p> <p>c. Khái quát một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng</p> <p>- Lối trào phúng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ này là lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, ý định trào phúng của tác giả không bộc lộ</p>	<p>0,75</p> <p>0,75</p>
--	--	-------------------------

	<p>trên bề mặt văn bản mà chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt được sử dụng hết sức tài tình. - Ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi đối với quê hương. - Từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt trong bốn câu thơ khiến cho bài thơ trở nên đặc sắc. - Câu hỏi tu từ được sử dụng ba trên bốn dòng thơ, hỏi mà không có người trả lời, đã khơi dậy trong lòng đọc giả biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời. <p>➔ Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phổng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả giữa thực trạng xã hội đó, cái xã hội mà ở đó, quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của người dân.</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của bài thơ. <p><i>Hướng dẫn chấm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Viết đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm – 3,0 điểm.</i> - <i>Viết đầy đủ, nhưng chưa được sâu sắc: 1,75 điểm – 2,25 điểm.</i> - <i>Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ: 1,25 điểm - 1,5 điểm.</i> - <i>Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 1,0 điểm.</i> - <i>Không viết hoặc viết chưa đúng yêu cầu: 0 điểm</i> 	0,25
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, diễn đạt lưu loát, dùng phương tiện liên kết câu ...</p>	0,25

*** Lưu ý chung:**

- **Giám khảo cần linh hoạt khi vận dụng đáp án, tránh hiện tượng đếm ý cho điểm hoặc chấm sót điểm của học sinh. Khuyến khích bài viết có sự sáng tạo và phù hợp.**
- **Điểm của toàn bài để điểm lẻ tới 0,25 điểm.**

---HẾT---

ĐỀ 9

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

NĂM HỌC: 2025 - 2026

Môn: Ngữ văn 8

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu phía dưới:

Chế học trò ngủ gật

*Trò trệt chi bay học cạnh thầy
Gật gà gật giường nức cười thay!
Giọng khê nông nặc không ra tiếng,
Mắt lại lim dim nhấp đã cay.
Đồng nôi⁽¹⁾ đâu đây la liệt đảo,
Ma men⁽²⁾ chi đẩy tít mù say.
Để thường bắt chước Chu Y⁽³⁾ đó,
Quyển có câu thần vậy gật ngay.*

(Thơ Nguyễn Khuyến, NXB Văn Học, 2010, tr. 13)

Chú thích:

⁽¹⁾*Đồng nôi*: tức lên đồng. Cả câu ý nói: học trò ngủ gật, lảo đảo như lên đồng.

⁽²⁾*Ma men*: chỉ người nghiện rượu.

⁽³⁾*Chu Y*: Nghĩa đen là áo đỏ. Đây chỉ một “vị thần” mặc áo đỏ báo cho biết một câu văn hay, lấy tích từ chuyện về Âu Dương Tu. Âu Dương Tu đi chấm thi, hề thấy một người áo đỏ gật đầu sau đó ý rằng ông đọc đến một câu văn hay. Lúc đầu, ông tưởng có một người nào đấy, sau định thần nhìn kỹ thì chẳng có gì.

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra cách gieo vần và ngắt nhịp trong bài thơ?

Câu 2. Đối tượng của tiếng cười trong bài thơ là ai? Giọng điệu nào là chủ đạo của bài thơ?

Câu 3. Mục đích của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì?

Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“Giọng khê nông nặc không ra tiếng,
Mắt lại lim dim nhấp đã cay”*

Câu 5. Từ nội dung bài thơ trên, em hãy kể những việc nên làm của học sinh khi đến trường?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Hãy viết bài văn phân tích bài thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến ở phần đọc hiểu trên?

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	Câu 1. Bài thơ được làm theo thể thơ nào? Chỉ ra cách gieo vần và ngắt	- Thể thơ: Thất ngôn bát cú. - Cách gieo vần: Vần chân và vần cách (thầy, thay, cay, say, ngay)	1,0

	nhịp trong bài thơ? (1,0 điểm)	<p>- Cách ngắt nhịp: Nhịp 4/3</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 3 ý</p> <p>- Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 2 ý</p> <p>- Điểm 0,0: Thí sinh trình bày được 1 ý.</p>	
	Câu 2. Đối tượng của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là ai? Giọng điệu nào là chủ đạo của bài thơ? (1,0 điểm)	<p>- Đối tượng tiếng cười trào phúng là: Là những anh học trò ngu gât.</p> <p>- Giọng điệu chủ đạo: Hài hước, châm biếm.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	Câu 3. Mục đích của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì? (1,0 điểm)	<p>Mục đích của tiếng cười trào phúng trong bài thơ:</p> <p>- Chế giễu cái xấu để học trò nhận ra cái sai của mình mà sửa đổi.</p> <p>- Phê phán đạo học thời mạt vận.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 2 ý</p> <p>- Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 1 ý</p> <p>- Điểm 0,0: Thí sinh không trình bày được ý nào.</p>	1,0
	Câu 4. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ sau: (2,0 điểm) “Giọng khê nông nặc không ra tiếng, Mắt lại lim dim nhấp đã cay”	<p>- Phép đối được sử dụng trong hai câu thơ thực: “Giọng khê nông nặc không ra tiếng, Mắt lại lim dim nhấp đã cay” Đối: giọng khê nông nặc - mắt lại lim dim; không ra tiếng - nhấp đã cay (0,5 điểm).</p> <p>- Tác dụng của phép đối: (1,5 điểm)</p> <p>+ Nhấn mạnh, làm rõ hơn bộ dạng người học trò không chăm lo học hành mà chỉ giỏi ngu gât.</p> <p>+ Bộc lộ thái độ không đồng tình, phê phán của nhà thơ đối với những anh học trò thiếu nghiêm túc này</p> <p>- Muốn theo đòi chữ nghĩa mà học hành không đến nơi đến chốn.</p> <p>+ Tạo giọng điệu trào phúng sâu sắc, tạo tiếng cười hài hước, châm biếm.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Điểm 1,5: Thí sinh trình bày được 3 ý trở lên</p> <p>- Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 2 ý</p> <p>- Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 1 ý</p> <p>- Điểm 0,0: Thí sinh không trình bày được ý nào.</p>	2,0
	Câu 5: Từ nội dung bài thơ trên, em hãy kể những việc nên làm của học sinh khi đến trường? (1,0 điểm)	<p>Những việc nên làm của học sinh khi tới trường:</p> <p>- Tích cực học tập tốt, trau dồi kiến thức, rèn luyện cả đạo đức lẫn tài năng.</p> <p>- Có kỹ năng sống phong phú: kỹ năng giao tiếp, sáng tạo, hợp tác...có năng lực ngoại ngữ, công nghệ thông tin...</p> <p>- Tích cực tham gia các hoạt động, phong trào đóng góp ý kiến ở trường học.</p>	1,0

		- Phê phán không đồng tình với những học sinh lười học, ngủ gật trong giờ, nói tục chửi thề; phê phán những hành động đưa thông tin sai lệch, không chính xác về Hiến pháp, pháp luật Việt Nam. - Hướng dẫn chấm: -Điểm 1,0: Thí sinh trình bày được 3 ý trở lên -Điểm 0,75: Thí sinh trình bày được 2 ý -Điểm 0,5: Thí sinh trình bày được 1 ý -Điểm 0,0: Thí sinh không trình bày được ý nào.	
II	Hãy viết bài văn phân tích bài thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến ở phần đọc hiểu trên?	VIẾT	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Phân tích bài thơ trào phúng: “Chế học trò ngủ gật” của tác giả Nguyễn Khuyến ở phần đọc hiểu trên.	0,25
		c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận: - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn nghị luận. * Giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. * Triển khai vấn đề nghị luận:	
		Mở bài: Giới thiệu tác giả, tên bài thơ và hoàn cảnh ra đời (nếu có),... Thân bài: Tùy theo phương án lựa chọn, có thể trình bày phần Thân bài theo một hệ thống tương ứng (Phân tích theo hai phương diện nội dung và nghệ thuật): * Ý 1: Phân tích nội dung bài thơ: + Hai câu thơ đầu: Bài thơ bắt đầu bằng việc miêu tả cảnh lớp học đầy sôi nổi, giáo viên đang giảng bài. Câu thơ: “Trò trệt chi bay học cạnh thầy” gợi cảnh lớp học vui tươi. Câu thơ“Gật gà gật giường nực cười thay” là hình ảnh cậu học trò ngủ gật. “Gật gà gật giường” ý muốn nói đến trạng thái mơ ngủ, không tỉnh táo khi học bài. Hình ảnh thơ với những từ ngữ hài hước, hóm hỉnh mang đến những điệu cười khoái chí cho người đọc. + Các câu thơ tiếp:	0,25
		“Giọng khê nồng nặc không ra tiếng,	0,5

		<p><i>Mắt lại lim dim nhấp đã cay. Đồng nổi⁽¹⁾ đầu đây la liệt đảo, Ma men⁽²⁾ chi đẩy tít mù say”.</i></p> <p>Gợi các trạng thái ngủ nực cười của cậu học trò. Các từ láy “nồng nặc”, “lim dim”, “la liệt” miêu tả trạng thái mệt mỏi và buồn ngủ của cậu học trò; biện pháp nói quá trong những dòng thơ trên làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho bài thơ, khiến bài thơ hóm hỉnh, khôi hài đúng như phong cách sáng tác của Nguyễn Khuyến.</p> <p>+ Hai câu thơ cuối thể hiện rõ cách trôn học của học trò. Nhà thơ mặc dù không hài lòng với ý thức học tập của cậu học trò, thế nhưng ông không trách phạt mà nhắc nhở nhẹ nhàng, hết sức tinh tế.</p> <p>* Ý 2: Phân tích nét đặc sắc về nghệ thuật: Ngôn ngữ hài hước, hình ảnh linh hoạt gần gũi, kết hợp với việc sử dụng các từ láy, biện pháp tu từ... Nguyễn Khuyến đã mang đến tiếng cười hài hước, châm biếm cho độc giả.</p> <p>Kết bài: Khái quát ý nghĩa của tiếng cười trào phúng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>*Lưu ý: Phần thân bài học sinh có thể phân tích theo bố cục bài thơ, giáo viên cần linh hoạt cho điểm.</p>	
		<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,5
		<p><i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.</p>	1,0
			0,25
			0,25
	<p>*Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức 3,5 - 4,0 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu, có sáng tạo, có thể liên hệ với các tác phẩm thơ cùng thời kì trong quá trình phân tích. - Mức 2,5 - 3,25 điểm: Đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu nhưng chưa có sáng tạo, còn mắc lỗi nhỏ về diễn đạt. - Mức 1,5 - 2,25 điểm: Đáp ứng 2/3 yêu cầu, chưa sáng tạo, còn mắc lỗi diễn đạt. - Mức 0,5 - 1,25 điểm: Bài làm sơ sài, phân tích chưa đầy đủ, lộn xộn. - Mức 0 điểm: Không làm bài, lạc yêu cầu của đề. 		

Lưu ý chung:

- Giám khảo cần linh hoạt khi vận dụng đáp án để cho điểm.
- Điểm của toàn bài để điểm lẻ ở mức 0,25 điểm.

ĐỀ 10	<p>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I</p> <p>NĂM HỌC: 2025 - 2026</p> <p>Môn: Ngữ văn 8</p> <p><i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i></p>
--------------	--

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

HAI KIỂU ÁO

Có ông quan lớn đến hiệu may để may một cái áo thật sang tiếp khách. Biết quan xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân, người thợ may bèn hỏi:

- Xin quan lớn cho biết ngài may chiếc áo này để tiếp ai ạ?

Quan lớn ngạc nhiên:

- Nhà người biết để làm gì?

Người thợ may đáp:

- Thưa ngài, con hỏi để may cho vừa. Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vạt đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc(*), còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vạt đằng sau phải may ngắn lại.

Quan ngẫm nghĩ một hồi rồi bảo:

- Thế thì nhà người may cho ta cả hai kiểu.

(Theo Trường Chính - Phong Châu, Tiếng cười dân gian Việt Nam)

* Tấc: đơn vị đo chiều dài thời cổ của Việt Nam, 1 tấc bằng 10 cm.

Câu 1. (1,0 điểm) Văn bản “Hai kiểu áo” thuộc thể loại nào? Truyện sử dụng ngôi kể thứ mấy?

Câu 2. (1,5 điểm) Nhân vật trong câu chuyện trên là ai? Họ đối thoại với nhau về vấn đề gì? Viên quan được giới thiệu là người như thế nào?

Câu 3. (1,5 điểm) Trong lời đối thoại giữa các nhân vật, câu nào mang nghĩa hàm ẩn? Nội dung hàm ẩn ấy là gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?

Câu 5. (1,0 điểm) Từ đó, hãy rút ra bài học ý nghĩa nhất đối với em.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn nêu suy nghĩ của em về trách nhiệm của mỗi người đối với việc bảo vệ môi trường sống.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		PHẦN ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Truyện “Hai kiểu áo” thuộc thể loại nào? Truyện sử dụng ngôi kể thứ mấy?	1,0
		- Thể loại: Truyện cười. - Ngôi kể: Ngôi thứ ba.	0,5 0,5
	2	Nhân vật trong câu chuyện trên là ai? Họ đối thoại với nhau về vấn đề gì? Trong truyện, viên quan được giới thiệu là người như thế nào?	1,5

2	<p>- Nhân vật trong câu chuyện trên: ông quan lớn và người thợ may.</p> <p>- Nội dung cuộc đối thoại: về vấn đề quan lớn muốn may một cái áo thật sang để tiếp khách.</p> <p>- Viên quan được giới thiệu xưa nay nổi tiếng luôn cúi quan trên, hách dịch với dân.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng mỗi ý cho 0,5đ; trả lời có ý đúng nhưng chưa đầy đủ ở mỗi ý cho 1/2 số điểm.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
3	<p>Trong lời đối thoại giữa các nhân vật, câu nào mang nghĩa hàm ẩn? Nội dung hàm ẩn ấy là gì?</p> <p>- Câu mang nghĩa hàm ẩn: “Nếu ngài mặc hầu quan trên thì vật đằng trước phải may ngắn đi dăm tấc, còn nếu ngài mặc để tiếp dân đen, thì vật đằng sau phải may ngắn lại”.</p> <p>- Nội dung hàm ẩn:</p> <p>+ Khi gặp người có quyền thế hơn mình thì quan khúm núm, luôn cúi, xu nịnh nên vật trước phải may ngắn lại, còn khi gặp dân đen thì quan ưỡn ngực vênh vác, hách dịch nên vật trước phải may chùng xuống dăm tấc.</p> <p>⇒ Mía mai, chế giễu viên quan.</p> <p>+ Tạo nên tiếng cười ở phần kết thúc truyện.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh trình bày như đáp án cho 1,5đ; học sinh có thể có cách diễn đạt khác nếu hợp lý vẫn cho điểm tối đa; nếu chỉ chạm ý thì cho 1/2 số điểm; nếu sai thì không cho điểm.</p>	<p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>0,75</p> <p>0,25</p>
4	<p>Qua câu chuyện, tác giả dân gian đã phê phán kiểu người nào trong xã hội bấy giờ?</p> <p>Tác giả dân gian phê phán kiểu người:</p> <p>- Luôn tìm cách xu nịnh, luôn cúi người có quyền thế để được lợi lộc, thăng tiến.</p> <p>- Hách dịch, chèn ép người yếu thế hơn mình.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh nêu đủ 2 ý cho 1,0 điểm; nêu 1 ý hoặc có chạm 2 ý cho 0,5 điểm; sai hoàn toàn không cho điểm.</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
5	<p>Từ đó, hãy rút ra bài học ý nghĩa nhất đối với em.</p> <p>Học sinh rút ra 1 bài học có ý nghĩa. Gợi ý:</p> <p>- Chúng ta nên có thái độ hòa nhã, tôn trọng và đối xử công bằng với tất cả mọi người trong.</p> <p>- Cần lên án, phê phán sự bất công trong cách đối xử giữa con người với con người, nhất là những người nghèo khó.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh nêu được 1 bài học hợp lý cho 1,0đ; nếu bài học chưa thực sự trọn vẹn có thể linh hoạt cho 0,5đ; bài học không phù hợp hoặc nêu từ 2 bài học trở lên không cho điểm.</p>	<p>1,0</p> <p>1,0</p>

	<p>- Hậu quả của việc con người không biết bảo vệ môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ô nhiễm không khí, nước và đất đai gây hại cho sức khỏe con người: các bệnh hô hấp, nội tiết, ung thư... + Việc phá hủy môi trường tự nhiên, mất rừng, biến đổi mục đích sử dụng đất và ô nhiễm môi trường dẫn đến mất cân bằng hệ sinh thái và giảm khả năng thích ứng của các hệ sinh thái. + Việc khai thác các nguồn năng lượng hóa thạch và hiệu ứng nhà kính gây ra biến đổi khí hậu. + Các hành động chặt phá rừng và khai thác tài nguyên quá mức còn làm suy thoái tài nguyên thiên nhiên trong tương lai, dần dần những nguồn tài nguyên đó sẽ cạn kiệt và không thể tái tạo lại được nữa. (Dẫn ra các bằng chứng cụ thể về biến đổi khí hậu, bão lũ,...) 	0,5
	<p>- Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Do ý thức của mỗi cá nhân chưa cao. + Do nhà nước chưa có chế tài phù hợp đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường. 	0,25
	<p>- Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mỗi người cần nâng cao ý thức từ những hành động nhỏ nhất: giữ gìn vệ sinh xung quanh nơi ở của mình, tham gia vào các hoạt động dọn dẹp rác thải, không xả rác bừa bãi nơi công cộng ... + Tuyên truyền, vận động những người xung quanh cùng giữ gìn môi trường sống xanh, sạch, đẹp. + Cần thực hiện các biện pháp để giảm lượng chất thải sinh ra, tái chế và tái sử dụng chất thải, và xây dựng hệ thống xử lý chất thải hiệu quả => giảm tải quá trình xử lý chất thải, giảm ô nhiễm môi trường và tận dụng lại tài nguyên. + Cần nhắc thay thế các nguồn năng lượng hóa thạch như than đá, dầu mỏ...bằng các nguồn năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, gió, thủy điện và năng lượng sinh học. + Chính phủ cần có những biện pháp xử lý phù hợp với những hành vi làm huỷ hoại môi trường sống của con người. + Liên hệ bản thân: Nhận thức được trách nhiệm của mình với môi trường, không vứt rác bừa bãi, giữ gìn vệ sinh chung nơi ở và quanh nơi mình sinh sống, tuyên truyền tới mọi người về tác hại của việc không bảo vệ tốt môi trường sống của mình, trồng và chăm sóc, bảo vệ cây xanh. 	0,75
	<p>3. Kết bài</p> <p>Đánh giá lại vấn đề: Mỗi người đều có vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ môi trường.</p>	0,25
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>e. Sáng tạo: Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.</p>	0,25
	<p>Cách cho điểm:</p> <p>- Điểm từ 3,0 - 4,0: Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu nêu trên, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, toàn diện, sâu sắc; vận dụng các thao tác lập luận</p>	

	<p>phù hợp, linh hoạt, văn viết mạch lạc, có hình ảnh.</p> <p>- Điểm từ 2,0 - 2,75: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu trên; trình bày các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục nhưng chưa thật sâu sắc.</p> <p>- Điểm 1 - 1,75: Đảm bảo các yêu cầu trên ở mức độ sơ sài, chưa biết phân chia luận điểm; chưa biết đánh giá; văn viết còn lủng củng, nhiều lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.</p> <p>- Điểm 0,25 - 0,75: Chưa hiểu đúng vấn đề, trình bày một cách chung chung, thiếu thuyết phục; văn viết sai nhiều lỗi chính tả, trình bày câu thả.</p> <p>- Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề.</p>	
--	--	--

***Lưu ý chung:**

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo, tránh đếm ý cho điểm.
- Đảm bảo toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

Hết

ĐỀ 11	<p>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I</p> <p>NĂM HỌC: 2025 - 2026</p> <p>Môn: Ngữ văn 8</p> <p>Thời gian làm bài: <u>90 phút, không kể thời gian phát đề</u></p>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản:

Sử dụng công nghệ thông tin để bắt nạt

(1) Có những kiểu bắt nạt khác đã trở nên phổ biến cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, dựa vào Internet và hệ thống tin nhắn bằng điện thoại di động. Kiểu bắt nạt này được gọi là kiểu bắt nạt dựa trên công nghệ thông tin, và mặc dù người thực hiện hành vi bắt nạt không cần xuất hiện trước mặt nạn nhân, nó gây hại nhiều chẳng kém gì kiểu bắt nạt trực tiếp. Và thường thì kẻ bắt nạt thông qua thế giới ảo cũng hăm dọa và bắt nạt nạn nhân ở ngoài đời thực. Cũng thường thấy chuyện người và người bắt nạt nhau qua phương tiện thông tin bằng những lời đe dọa, đồn đại và ngôn ngữ thô tục.

(2) Bắt nạt dựa trên phương tiện thông tin được coi là yếu tố liên quan đến nhiều vụ tự sát của thiếu niên trong những năm gần đây. Ryan Halligan, một học sinh lớp tám ở Vermont, Hoa Kỳ đã tự sát vào năm 2003 sau khi những lời đồn đại về cậu lan tràn trên Internet. Cha của cậu miêu tả đó là một “sự điên cuồng” trong đó những đứa trẻ bình thường không làm những chuyện xấu lại tham gia vào những hành động tàn ác. Vào năm 2006, trong một vụ tự sát gây chú ý khác, Megan Meier ở Missouri được cho là đã bị đẩy đến chỗ phải tự sát bởi hành vi bắt nạt qua mạng của mẹ một bạn học chung lớp với cô.

(3) Trên thực tế đã có rất nhiều vụ việc nghiêm trọng xảy ra nên nhiều chính phủ giờ đây đã có luật chống lại việc sử dụng Internet hoặc điện thoại di động để quấy rầy hoặc hăm

dọa người khác. Nếu bạn cảm thấy ai đó đang hành hạ bạn bằng những bức thư điện tử, những lời lẽ đăng trên mạng xã hội hoặc tin nhắn qua điện thoại thì tôi xin khẳng định rằng có nhiều cách để phản ứng. Nếu bạn đang sống cùng gia đình thì bạn nên báo cho cha mẹ biết ngay lập tức để họ có thể quyết định nên làm gì.

(4) Nếu bạn là một nạn nhân của hành vi bắt nạt, thì bạn hãy nhớ rằng cuộc chiến quan trọng nhất mà bạn phải chiến thắng là cuộc chiến bên trong, cuộc chiến vượt lên chính mình. Cho dù ai đó nói gì về bạn hoặc làm gì đối với bạn chẳng nữa thì bạn cũng không nên vì điều đó mà ghét bỏ chính mình. Bạn là người có giá trị. Hãy tin vào điều đó và hãy biến niềm tin thành hành động bằng cách vượt lên trên bất cứ lời đồn đại, bình phẩm hay sự xúc phạm nào.

(Trích “Đừng bao giờ từ bỏ khát vọng” - Nick Vujicic, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, trang 202 - 204)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (1.0 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào? Xác định luận đề của văn bản?

Câu 2. (1.0 điểm) Đoạn văn (2) được tổ chức theo cách nào? Dựa vào đâu mà em biết được điều đó?

Câu 3. (1.0 điểm) Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong đoạn văn (3).

Câu 4. (1.0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Nếu bạn là một nạn nhân của hành vi bắt nạt, thì bạn hãy nhớ rằng cuộc chiến quan trọng nhất mà bạn phải chiến thắng là cuộc chiến bên trong, cuộc chiến vượt lên chính mình.”?

Câu 5. (2.0 điểm) Ngoài giải pháp đã nêu trong văn bản, em hãy đề xuất thêm một số giải pháp để giúp bản thân và bạn bè của mình phòng tránh hiện tượng bắt nạt bằng sử dụng công nghệ thông tin.

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.

--- Hết---

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
I. Đọc hiểu (6,0 điểm)	Câu 1. Văn bản trên thuộc thể loại nào? Xác định luận đề của văn bản?	- Văn bản trên thuộc thể loại: Văn bản nghị luận. Lưu ý: + HS nêu đúng thể loại văn bản nghị luận: cho 0,5 điểm. + Hs nêu thể loại khác: cho 0,0 điểm.	0,5
		- Luận đề của văn bản: Bắt nạt bằng sử dụng công nghệ thông tin / Sử dụng công nghệ thông tin để bắt nạt. Lưu ý: + HS xác định đúng luận đề: cho 0,5 điểm.	0,5

		+ HS xác định sai luận đề hoặc không xác định được: cho 0,0 điểm.	
	Câu 2. Đoạn văn (2) được tổ chức theo cách nào? Dựa vào đâu mà em biết được điều đó?	<p>- Đoạn văn (2) được tổ chức theo cách: diễn dịch.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>+ HS trả lời đúng kiểu đoạn văn diễn dịch: cho 0,5 điểm.</p> <p>+ HS trả lời cách khác: cho 0,0 điểm.</p> <p>- Căn cứ: Có câu chủ đề đặt ở đầu đoạn văn.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>+ HS trả lời đúng như đáp án cho 0,5 điểm.</p> <p>+ HS trả lời sai hoặc không trả lời: cho 0,0 điểm.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	Câu 3. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong đoạn văn (3).	<p>- Biện pháp điệp ngữ trong đoạn văn (3): “<i>Nếu bạn ... thì ...</i>”.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>+ HS chỉ ra như đáp án: cho 0,25 điểm.</p> <p>+ HS không xác định được: cho 0,0 điểm.</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Làm cho đoạn văn trở nên sinh động, hấp dẫn; tạo nhịp điệu, tăng tính thuyết phục; tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn.</p> <p>+ Nhấn mạnh giả thiết và giải pháp để phòng chống những hành vi bắt nạt bằng sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p>+ Từ đó, tác giả khuyên mỗi chúng ta cần phải tỉnh táo, sáng suốt để không trở thành nạn nhân của việc bắt nạt bằng sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p>Lưu ý:</p> <p>+ HS nêu được từ 3 tác dụng cho tối đa 0,75 điểm;</p> <p>+ HS nêu đúng 2 tác dụng cho 0,5 điểm đúng</p> <p>+ HS nêu được 1 tác dụng cho 0,25 điểm.</p>	<p>0,25</p> <p>0,75</p>
	Câu 4. Em hiểu như thế nào về ý kiến: “ <i>Nếu bạn là một nạn nhân của hành vi bắt nạt, thì bạn hãy nhớ rằng cuộc chiến quan trọng nhất mà bạn phải chiến thắng là cuộc chiến bên trong, cuộc chiến vượt lên chính mình.</i> ”?	<p>- Nếu là nạn nhân của hành vi bắt nạt, thì điều quan trọng nhất là chúng ta phải chiến thắng chính mình, nghĩa là phải có niềm tin vào bản thân, có ý chí nghị lực, có bản lĩnh và vượt lên trên nỗi sợ hãi,... Khi đó, mọi bắt nạt bằng việc sử dụng công nghệ thông tin không thể làm hại được ta.</p> <p>- Khuyến chúng ta cần bình tĩnh, tự tin, làm chủ cảm xúc, hành vi của mình để tìm biện pháp đối phó, tránh những hậu quả đáng tiếc xảy ra.</p> <p>Lưu ý: HS có thể diễn đạt cách khác nhưng đảm bảo ý vẫn cho điểm tối đa.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	Câu 5. Ngoài giải pháp đã nêu trong văn bản, em hãy đề xuất thêm một số giải pháp	<p>- Đề xuất giải pháp:</p> <p>+ Chặn những tin nhắn bắt nạt, cần thiết tạm dừng sử dụng công nghệ thông tin.</p> <p>+ Cần cân nhắc khi chia sẻ thông tin cá nhân lên</p>	2,0

	<p>để giúp bản thân và bạn bè của mình phòng tránh hiện tượng bắt nạt bằng sử dụng công nghệ thông tin.</p>	<p>mạng.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Động viên, giúp đỡ bạn bè khi bạn bè là nạn nhân của bắt nạt. + Suy nghĩ về những lời bình phẩm, tin nhắn,... của mình trước khi đưa lên mạng hay gửi tin nhắn cho người khác, tránh việc làm tổn thương người khác hoặc biến mình trở thành kẻ bắt nạt. +... <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các giải pháp đề xuất cần khác với giải pháp đã được nhắc đến ở văn bản. + HS nêu được từ 4 giải pháp trở lên cho tối đa 2,0 điểm; nêu đúng 3 giải pháp cho 1,5 điểm; nêu đúng 2 giải pháp cho 1,0 điểm; một giải pháp cho 0,5 điểm. + HS có thể diễn đạt linh hoạt, sáng tạo. 	
<p>II. Viết (4,0 điểm)</p>	<p>Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.</p>	<p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay như: bạo lực học đường; vô cảm; mê muội thần tượng; thiếu ước mơ; thiếu văn hoá cảm ơn, xin lỗi; nói tục chửi bậy; sống ảo; nghiện mạng xã hội; nghiện thuốc lá điện tử; ... - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội. 	
		<p>* Yêu cầu cụ thể.</p>	
		<p>1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.</p>	0,25
		<p>2. Xác định được đúng yêu cầu của đề.</p>	0,25
		<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm. HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay.</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ vấn đề nghị luận: + Giải thích hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. + Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. - Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng (thói quen) xấu. + Hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu <p>Làm rõ các hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những</p>	<p>3,0</p> <p>0,25</p> <p>0,5</p> <p>0,75</p>

		hậu quả đó. + Nguyên nhân hiện tượng (thói quen) xấu: Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng (thói quen) xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó.	0,5
		- Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn. + Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng (thói quen) xấu. + Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng (thói quen) xấu được bàn. + Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng (thói quen) xấu.	0,75
		c. Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.	0,25
		4. Chính tả, ngữ pháp - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		5. Sáng tạo - Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.	0,25

*** Đánh giá toàn bài:**

- **Mức 4,0:** Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
- **Mức 3,75 - 2,75:** Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
- **Mức 2,5 – 1,5:** - Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.
- **Mức 1,25 - 0,25:** Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.
- **Mức 0,0:** Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.

*** Lưu ý:**

- + *Thiếu hoặc sai đơn vị trừ 0,25 điểm/lỗi; toàn bài không trừ quá 0,5 điểm.*
- + *Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu không làm tròn.*
- + *Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tương đương.*

---HẾT---

ĐỀ 12**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2025 - 2026****Môn: Ngữ văn 8***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề***Phần I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc văn bản:**

(1) Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

(2) Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

(Theo Trần Thị Cẩm Quyên, in trong Văn học và tuổi trẻ, Viện nghiên cứu sách và học liệu giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 11 -2021)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (1,0 điểm) Theo tác giả, tại sao “Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại.”?

Câu 2. (1,0 điểm) Theo em, đâu là câu chủ đề trong đoạn văn thứ (2) của văn bản?

Câu 3. (1,0 điểm) Nội dung văn bản đề cập đến vấn đề gì?

Câu 4. (1,5 điểm) Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.

Câu 5. (1,5 điểm) Em có đồng ý với quan điểm “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố.” không? Vì sao?

Phần II. VIẾT(4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn phân tích bài thơ sau:

Ông phổng đá
(Nguyễn Khuyến)

*Ông đứng làm chi đó hời ông?
Trơ trơ như đá, vững như đồng.
Đêm ngày gìn giữ cho ai đó?
Non nước đầy vơi có biết không?*

(Nguyễn Khuyến, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 14, Đặng Đức Siêu sưu tầm, biên soạn, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 1187)

Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) quê ở xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông đỗ đầu cả ba kì thi nên được gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ. Thơ Nguyễn khuyến thể hiện tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương và ẩn chứa tâm sự yêu nước cùng nỗi u uẩn trước thời thế.

Đặc biệt, Nguyễn Khuyến đã đưa cảnh sắc thiên nhiên và cuộc sống thân thuộc, bình dị của làng quê vào trong thơ một cách tự nhiên, tinh tế. Ngòi bút tả cảnh của ông vừa chân thực vừa tài hoa; ngôn ngữ thơ giản dị mà điêu luyện.

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh: Họ tên, chữ ký GT 1:

Số báo danh: Họ tên, chữ ký GT 1:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	<p>Theo tác giả, tại sao “Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại.”?</p> <p>Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng cho 1,0 điểm; nêu đúng một 1/2 ý cho 0,5 điểm.</p>	1,0
	2	<p>Theo em, đâu là câu chủ đề trong đoạn văn thứ (2) của văn bản?</p> <p>Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng câu chủ đề trong đoạn văn thứ (2) cho 1,0 điểm.</p>	1,0
	3	<p>Nội dung văn bản đề cập đến vấn đề gì?</p> <p>Ý chí nghị lực vượt qua khó khăn</p>	1,0
	4	<p>Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ đã được sử dụng trong câu văn: “Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.</p> <p>- Biện pháp tu từ: + So sánh: “cuộc sống thăng trầm” so sánh với “bản hòa ca”. + Liệt kê: “dễ dàng, êm đềm thành công”. - Tác dụng: + Khiến câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn, tăng sự gợi hình, gợi cảm. + Nhấn mạnh cuộc sống giống bản hoà ca có thăng có trầm có nhanh có chậm; thể hiện được cuộc sống muôn màu muôn vẻ không thể lường trước. + Giúp người đọc cảm nhận rõ sự thăng trầm, khó khăn của cuộc sống.</p> <p>Hướng dẫn chấm: - HS chỉ đúng 1 BPTT so sánh hoặc liệt kê cho 0,5 điểm. - HS nêu đúng 3 tác dụng kể trên cho tối đa 1,0 điểm; HS nêu đúng 2 tác dụng cho 0,75 điểm; HS nêu đúng 1 tác dụng cho</p>	<p>0.5</p> <p>1,0</p>

		0,5 điểm.	
	5	<p>Em có đồng ý với quan điểm “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố.” không? Vì sao?</p> <p>- Học sinh bày tỏ quan điểm của bản thân: đồng tình/không đồng tình/không hoàn toàn đồng tình.</p> <p>- Lí giải hợp lí, thuyết phục, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật. Đây là một định hướng:</p> <p>Đồng tình vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phải trải qua giông tố, khó khăn giúp con người có được những kinh nghiệm trong cuộc sống. + Trước những khó khăn, thử thách con người kiên cường, trưởng thành, vững vàng về mọi mặt. <p>Không đồng tình vì:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trong cuộc sống không nhất thiết phải đối diện với khó khăn, thử thách thì con người mới đạt được thành công. + Vì con đường dẫn đến thành công của họ khá bằng phẳng,... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS bày tỏ quan điểm 0,5 điểm. - HS lí giải được 2 ý thuyết phục cho 1,0 điểm. - HS lí giải được 1 ý thuyết phục cho 0,5 điểm. - HS có cách diễn đạt khác, hợp lí vẫn cho điểm. 	1,5
II		VIẾT	4,0
		Viết bài văn phân tích bài “Ông phỗng đá”.	
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		2. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Phân tích bài thơ “Ông phỗng đá” của Nguyễn Khuyến.	0,25
		3. <i>Triển khai nội dung bài viết:</i> Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự am hiểu sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Sau đây là gợi ý một hướng triển khai:	2,5
		<p>a. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về nhà thơ Nguyễn Khuyến. - Giới thiệu về bài thơ “Ông phỗng đá”. <p>+ Bài được viết theo thể thơ lục bát.</p> <p>+ Bài thơ là lời tự trào của tác giả khi đứng trước hình ảnh ông phỗng đá trên hòn non bộ.</p>	0,25
		<p>b. Thân bài:</p> <p>* Khái quát về hoàn cảnh/cảm hứng/đề tài hoặc nhan đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thơ trào phúng ngay từ nhan đề gợi ra hình ảnh “ông phỗng” - hình tượng đá thường được trưng trong văn hóa Việt Nam. - Trong buổi dạy học ở nhà quan kinh lược Hoàng Cao Khải, 	0,25

	<p>nhân thấy đôi phỗng đá ngoài vườn, thi sĩ Nguyễn Khuyến bèn tức cảnh làm bài thơ “Ông phỗng đá”.</p> <p>* Phân tích nội dung trào phúng thể hiện qua bài thơ:</p> <p>- Hai câu thơ mở đầu: miêu tả chân dung ông phỗng đá.</p> <p>+ Hình ảnh phỗng đá là hình ảnh rất quen thuộc ở làng quê Việt Nam, cũng như rất quen thuộc trong thơ ca.</p> <p>+ Câu thơ mở đầu “Ông đứng đó làm chi hỡi ông?” vừa như là một sự băn khoăn, vừa như là sự mỉa mai và ngụ ý châm biếm.</p> <p>+ Câu thơ thứ hai như mở ra hình ảnh của ông phỗng đá. Từ láy “trơ trơ”, hình ảnh so sánh “như đá”, “vững như đồng” làm nổi bật hai hình ảnh: một là hình ảnh phỗng đá đứng bất động mặc kệ sự biến động của trời đất, hai là sự mỉa mai, phê phán của nhà thơ về những thói xấu ở đời, thói xấu của bọn quan lại không biết xót thương tới những cảnh lầm than của người dân trong cái xã hội cùng cực.</p> <p>=> Hai câu thơ với nghệ thuật chủ yếu là so sánh, câu hỏi tu từ đã làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá bất động, trơ trơ giữa hình ảnh hòn núi non bộ.</p> <p>- Hai câu thơ cuối giúp người đọc hiểu rõ hơn về công việc, cũng như hình ảnh ông phỗng, đồng thời hiểu rõ được dụng ý mỉa mai sâu cay tầng lớp thống trị và tấm lòng nhà thơ.</p> <p>+ Cả bài thơ có bốn câu thơ, mà tới ba câu thơ là câu hỏi tu từ. Câu hỏi tu từ dồn dập, liên tiếp như mở ra bao suy tư mới.</p> <p>+ Câu thơ thứ ba “Đêm ngày giữ gìn cho ai đó?” như một lời thăm dò công việc của ông phỗng đá. Nhà thơ có ý hỏi ông phỗng đá đang ngày đêm giữ gìn giữ điều gì, có phải đang níu kéo cái đạo lý cương thường một thời của Nho giáo đang mất dần vị thế độc tôn hay không?</p> <p>+ Ở câu thơ thứ bốn “Non nước đầy voi có biết không?” như là một lời trách thầm đối với ông phỗng đá.</p> <p>- Hình ảnh “Non nước đầy voi” mở ra hai ý nghĩa: không chỉ là hình ảnh giang sơn, khung cảnh đầy voi như nào, mà nó còn phản ánh thực trạng xã hội mà Nguyễn Khuyến đang sống thừa đó.</p> <p>=> Hai câu thơ cuối sử dụng liên tiếp hai câu hỏi tu từ như là sự dồn dập, kết hợp với giọng điệu thơ nhẹ nhàng mà thâm thúy không chỉ là sự phê phán quan lại triều đình, mà còn là sự tự trách chính mình của nhà thơ.</p> <p>* Một số nét đặc sắc về nghệ thuật trào phúng:</p> <p>- Lối trào phúng gián tiếp, kín đáo và thâm thúy, chìm sâu sau hình ảnh và từ ngữ.</p> <p>- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt được sử dụng hết sức tài tình.</p> <p>- Ngôn ngữ, hình ảnh gần gũi ở quê hương.</p> <p>- Từ láy, biện pháp tu từ so sánh được sử dụng linh hoạt đặc</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p>
--	---	-----------------------

	<p>sắc.</p> <p>- Câu hỏi tu từ đã khơi dậy biết bao suy tư, băn khoăn về xã hội một thời.</p> <p>=> Tất cả những biện pháp nghệ thuật ấy đã giúp phần làm nổi bật hình ảnh ông phỗng đá giữa hòn núi non bộ, đồng thời còn là sự phê phán của tác giả về thực trạng xã hội quan lại triều đình thờ ơ trước sự sống còn của người dân.</p> <p>* Bài thơ là bức tranh phê phán xã hội phong kiến:</p> <p>- Bài thơ được ra đời trong hoàn cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, cơ đồ nhà Nguyễn dường như sụp đổ hoàn toàn. Đó là cái xã hội với những biểu hiện lố lằng.</p> <p>- Chính xã hội ấy khiến Nguyễn Khuyến trăn trở và luôn phê phán, trong bài thơ đã làm nổi bật cái thực trạng xã hội: triều đình, quan lại bù nhìn trước cuộc sống cùng cực của người dân.</p> <p>- Để có được cái nhìn ấy, thì chính Nguyễn Khuyến cũng là người trong cuộc, ông cũng là người làm quan một thời, là người tro tro như ông phỗng đá không giúp ích gì được cho dân, cho nước.</p> <p>c. Kết bài: Khẳng định lại giá trị tác phẩm, nêu suy nghĩ của bản thân.</p> <p>+ Bài thơ không chỉ giúp ta hiểu rõ hơn về nghệ thuật thơ trào phúng, mà còn khiến ta cảm nhận rõ hơn thực trạng xã hội phong kiến với những “ông phỗng” thờ ơ trước vận mệnh của nhân dân</p> <p>+ Lớp bụi thời gian có thể phủ nhòa đi mọi thứ nhưng bài thơ này cùng giá trị châm biếm, mỉa mai sâu cay thì vẫn còn mãi như minh chứng cho tấm lòng của nhà thơ Nguyễn Khuyến dành cho vận mệnh của đất nước.</p>	0,25
	<p>4. <i>Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>- Lựa chọn được các phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề: Nghị luận.</p> <p>- Trình bày rõ hệ thống luận điểm theo trình tự hợp lí, logic.</p> <p>- Vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.</p>	0,5
	<p>5. <i>Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>6. <i>Sáng tạo:</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, mới mẻ về vấn đề.</p>	0,25
Tổng điểm		10,0

*** Lưu ý chung:**

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Đảm bảo toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

-----Hết-----

ĐỀ 13**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2025 - 2026****Môn: Ngữ văn 8***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề***I. PHẦN ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)****Đọc văn bản:****MUA KÍNH**

Anh nọ dốt đặc cán mai, thấy các ông già bà cả mang kính xem sách, bắt chước ra chợ hỏi mua một đôi. Vào hiệu, bảo chủ hiệu đem ra cho anh ta chọn. Anh ta đeo kính vào, lấy cuốn lịch đem theo ra xem, xem xong lại bảo chủ hiệu cho chọn đôi khác. Chủ hiệu chiều ý, chọn cho anh ta năm sáu đôi, nhưng đôi nào anh ta cũng không ưng ý. Chủ hiệu bèn chọn một đôi tốt nhất trong hiệu đưa ra. Anh ta đeo vào, lại lấy cuốn lịch ra xem, vẫn lắc đầu chê xấu. Chủ hiệu lấy làm lạ, liếc thấy anh ta cầm cuốn lịch ngược mà xem, sinh nghi, liền hỏi:

- Sao đôi nào cũng chê xấu cả?

Anh ta đáp:

- Xấu thì bảo xấu chứ sao! Kính tốt thì tôi đã xem chữ được rồi!

Chủ hiệu nói:

- Hay là ông không biết chữ?

Anh ta đáp:

- Biết chữ thì đã không cần mua kính.

(Tinh hoa văn học dân gian người Việt – Truyện cười, NXB Khoa học xã hội, 2009)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Văn bản trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. (1,5 điểm) Trong văn bản, anh chàng muốn mua kính để làm gì? Câu nói nào thể hiện ẩn ý về mục đích thực sự việc mua kính của anh ta?

Câu 3. (1,5 điểm) Em nhận xét gì về tính cách của anh chàng mua kính? Câu nói của ông chủ hiệu kính: “*Hay là ông không biết chữ*” có ý mỉa mai điều gì về anh chàng này?

Câu 4. (1,5 điểm) Câu chuyện trên phê phán thói quen xấu nào trong xã hội? Theo em, nếu thói quen này tồn tại, sẽ gây ra hậu quả gì cho cá nhân và cộng đồng?

Câu 5. (1,0 điểm) Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Suy nghĩ của em về lối sống háo danh và “bệnh” thành tích.

.....Hết.....

Họ và tên thí sinh: Họ tên, chữ ký GT 1:

Số báo danh: Họ tên, chữ ký GT 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
------	-----	----------	------

I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	<p>Văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ mấy?</p> <p>- Văn bản trên được kể theo ngôi kể thứ ba.</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS trả lời đúng như trên cho 0,5 điểm; trả lời sai hoặc không trả lời cho 0 điểm.</p>	0,5
	2	<p>Trong văn bản, anh chàng muốn mua kính để làm gì? Câu nói nào thể hiện ẩn ý về mục đích thực sự việc mua kính của anh ta?</p> <p>- Trong câu chuyện, anh chàng muốn mua kính để: đọc được chữ (thực chất anh ta không biết chữ)</p> <p>- Câu nói thể hiện ẩn ý về mục đích mua kính của anh ta: “Biết chữ thì đã không cần mua kính.”</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS trả lời đủ ý cho 1,5 điểm; nêu đúng mục đích mua kính cho 0,75 điểm; chỉ ra câu nói thể hiện ẩn ý cho 0,75 điểm. HS trả lời sai hoặc không trả lời ý nào thì cho 0 điểm ý đó.</p>	<p>1,5</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p>
	3	<p>Em nhận xét gì về tính cách của anh chàng mua kính? Câu nói của ông chủ hiệu kính: “Hay là ông không biết chữ” có ý mỉa mai điều gì về anh chàng này?</p> <p>- Nhận xét về tính cách của anh chàng mua kính: Ngu dốt, ngốc nghếch, học đòi, bắt chước...</p> <p>- Ý nghĩa câu nói của ông chủ hiệu kính có ý mỉa mai:</p> <p>+ Sự ngây ngô và thiếu hiểu biết của anh chàng mua kính (anh ta không hiểu rằng việc đeo kính không giúp người không biết chữ đọc được chữ, mà chỉ hỗ trợ người có vấn đề về thị lực).</p> <p>+ Thói bắt chước một cách mù quáng (anh chàng thấy người khác đeo kính để đọc sách nên cũng muốn mua kính, dù bản thân không biết chữ. Điều này thể hiện sự hành động theo cảm tính, thiếu suy xét).</p> <p>Hướng dẫn chấm: HS nhận xét đúng tính cách của anh chàng mua kính cho 0,75 điểm; giải thích đúng ý nghĩa câu nói cho 0,75 điểm (trong đó ý nghĩa thứ nhất: “Sự ngây ngô...” cho 0,5 điểm; ý nghĩa thứ hai: “Thói bắt chước...” cho 0,5 điểm). HS trả lời sai hoặc không trả lời ý nào cho 0 điểm ý đó.</p>	<p>1,5</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p>
	4	<p>Câu chuyện trên phê phán thói quen xấu nào trong xã hội? Theo em, nếu thói quen này tồn tại, sẽ gây ra hậu quả gì đối với cá nhân và cộng đồng?</p> <p>- Câu chuyện phê phán thói quen: học đòi, bắt chước người khác mà không hiểu rõ bản chất sự việc.</p> <p>- Hậu quả:</p> <p>+ Đối với cá nhân: Không nhận ra điểm yếu của mình, dễ trở thành trò cười, làm việc không hiệu quả...</p> <p>+ Đối với cộng đồng: Thói quen này làm giảm chất lượng công việc, gây khó khăn trong việc hợp tác, ảnh hưởng đến sự phát triển chung...</p>	<p>1,5</p> <p>0,5</p> <p>1,0</p>

		<p>Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng câu chuyện phê phán thói quen học đòi, bắt chước... cho 0,5 điểm; nêu đúng hậu quả cho 1,0 điểm (trong đó: nêu đúng hậu quả đối với cá nhân cho 0,5 điểm; nêu đúng hậu quả đối với xã hội cho 0,5 điểm). HS trả lời sai hoặc không trả lời ý nào cho 0 điểm ý đó.</p> <p>Lưu ý: chấp nhận cách diễn đạt khác, miễn là hợp lý vẫn cho điểm tối đa.</p>	
	5	<p>Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì cho bản thân?</p> <p>- Bài học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Không nên học đòi hay bắt chước người khác một cách mù quáng. + Cần nhận thức đúng đắn về năng lực bản thân. + Học hỏi và hiểu biết là quan trọng. + Không nên tự cho mình là đúng khi không có đủ kiến thức. + Cần biết lắng nghe và tiếp thu lời khuyên của người khác. ... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được 3 bài học hợp lý từ câu chuyện trên cho 1,0 điểm; - HS nêu được 2 bài học hợp lý cho 0,75 điểm; - HS nêu được 1 bài học hợp lý cho 0,5 điểm; - HS không nêu hoặc nêu bài học không hợp lý, không liên quan đến câu chuyện cho 0 điểm <p>Lưu ý: Học sinh có thể rút ra bài học khác với hướng dẫn trên, nếu hợp lý vẫn cho điểm tối đa.</p>	1,0

II	VIẾT	4,0
	Suy nghĩ của em về lối sống háo danh và “bệnh” thành tích.	
	<p>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận vấn đề trong cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài nêu được vấn đề nghị luận. - Thân bài triển khai được các ý chính theo trình tự hợp lý. - Kết bài khẳng định lại vấn đề. 	0,25
	<p>2. Làm rõ vấn đề nghị luận: Háo danh và “bệnh” thành tích là những hiện tượng tiêu cực đã tồn tại phổ biến trong xã hội, rất đáng lo ngại.</p>	0,25
	<p>3. Triển khai nội dung bài viết:</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần nắm chắc các yêu cầu của một bài văn nghị luận về lối sống háo danh và “bệnh” thành tích. Sau đây là gợi ý một hướng triển khai:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>Nêu được vấn đề cần nghị luận: thói háo danh và “bệnh” thành tích.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>* Làm rõ vấn đề nghị luận: Háo danh và “bệnh” thành tích là những hiện tượng tiêu cực đã tồn tại phổ biến trong xã hội, rất đáng lo ngại.</p>	<p>2,5</p> <p>0,25</p> <p>2,0</p> <p>0,25</p>

	<p>- Háo danh: quá coi trọng danh tiếng, thích thể hiện mà không dựa trên thực lực.</p> <p>- “Bệnh” thành tích: chạy theo thành tích bề ngoài hơn là giá trị thực chất.</p> <p>* Trình bày ý kiến phê phán: nêu lí lẽ và bằng chứng về thói háo danh và “bệnh” thành tích hiện nay để làm sáng rõ các khía cạnh của lối sống này.</p> <p>- Thực trạng của thói háo danh và “bệnh” thành tích:</p> <p>+ Phổ biến trong nhiều lĩnh vực: giáo dục, hành chính, văn hóa...</p> <p>+ Bằng chứng cụ thể: <i>Ví dụ:</i> Gian lận thi cử ở Hà Giang, Hòa Bình, Sơn La (2018); thói quen báo cáo thành tích ảo trong công việc; hiện tượng khai khống số tiền ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 vừa qua...</p>	0,5
	<p>- Háo danh và “bệnh” thành tích đều là hiện tượng tiêu cực, đáng lên án, để lại hậu quả vô cùng tai hại.</p> <p>+ Cá nhân: làm mất đi sự trung thực, khiến con người tự mãn và thụ động...</p> <p>+ Xã hội: thui chột tài năng của nhiều người, tạo cơ hội cho cái xấu xấu lòng hành như nịnh bợ, chạy chức chạy quyền, mua bằng cấp...làm giảm uy tín quốc gia...</p>	0,5
	<p>- Nguyên nhân khiến nhiều người mắc phải hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích.</p> <p>+ Nguyên nhân chủ quan: thích sĩ diện, thiếu nỗ lực thực chất, tâm lý thích được khen...</p> <p>+ Nguyên nhân khách quan: quản lý lỏng lẻo, trọng hình thức, tư duy thành tích nặng nề...</p>	0,25
	<p>* Đối thoại với ý kiến khác:</p> <p>- Có thể có ý kiến cho rằng: thích thành tích cao trong lao động và học tập là tốt chứ? Mong mỗi đạt được địa vị, công danh là hoàn toàn chính đáng...</p> <p>- Ý kiến của người viết:</p> <p>+ Thích thành tích cao và mong đạt được danh vọng là điều chính đáng, tuy nhiên cần đạt được bằng sự nỗ lực thực sự, thể hiện qua tư duy, trí tuệ và năng lực.</p> <p>+ Nếu sử dụng các cách không chính đáng để đạt được mục đích, thì thành tích chỉ là "danh hão" và trở thành trò cười cho thiên hạ..</p>	0,5
	<p>c. Kết bài:</p> <p>Khẳng định vấn đề nghị luận, rút ra bài học:</p> <p><i>Ví dụ:</i> Thói háo danh và "bệnh" thành tích là những hiện tượng tiêu cực cần phê phán; cần sống chân thành, phấn đấu bằng thực lực để đạt được thành tựu đáng tự hào; tránh xa lối sống háo danh và chạy theo thành tích bề nổi...</p>	0,25
	<p>4. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>- Lựa chọn được các phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai</p>	0,5

	vấn đề: lập luận sáng tỏ, lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. - Trình bày rõ hệ thống các ý theo trình tự hợp lí, logic.	
	5. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> : Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	6. <i>Sáng tạo</i> : Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, hình ảnh.	0,25
Tổng điểm		10,0

Cách cho điểm

- Mức 3,0 – 4,0 điểm: Đáp ứng tốt các yêu cầu về kiến thức và kĩ năng. Bài viết sâu sắc, sáng tạo, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng phong phú, xác thực.
- Mức 2,0 - 2,75 điểm: Đáp ứng tương đối tốt các yêu cầu về kĩ năng, nội dung. Đảm bảo được gần hết các ý như yêu cầu nhưng còn một số lỗi về diễn đạt.
- Mức 1,0 - 1,75 điểm: Cơ bản đáp ứng được 2/3 yêu cầu về kĩ năng, nội dung. Còn mắc lỗi nhiều lỗi diễn đạt,
- Mức 0,25 - 0,75 điểm: Đáp ứng được 1/2 yêu cầu về kĩ năng, nội dung nhưng bài viết rất sơ sài. Còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt.
- Mức 0 điểm: Không làm bài; lạc đề

*** Lưu ý chung:**

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Đảm bảo toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

-----Hết-----

ĐỀ 14	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--------------	---

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

Đọc bài thơ sau:

Chế học trò ngủ gật

Trò trệt chi bay học cạnh thầy
 Gật gà gật gương nức cười thay!
 Giọng khê nong nặc không ra tiếng,
 Mắt lại lim dim nhấp đã cay.
 Đồng nôi⁽¹⁾ đầu đây la liệt đảo,
 Ma men⁽²⁾ chi đẩy tít mù say.
 Dễ thường bắt chước Chu Y⁽³⁾ đó,
 Quyển có câu thần vậy gật ngay.

(Thơ Nguyễn Khuyến, tr. 13, NXB Văn Học, 2010)

Chú thích:

(1)*Đồng nói*: tức lên đồng. Cả câu ý nói: học trò ngủ gật, lơ đãng như lên đồng.

(2)*Ma men*: chỉ người nghiện rượu.

(3)*Chu Y*: Nghĩa đen là áo đỏ. Đây chỉ một “vị thần” mặc áo đỏ báo cho biết một câu văn hay, lấy tích từ chuyện về Âu Dương Tu. Âu Dương Tu đi chấm thi, hề thấy một người áo đỏ gật đầu sau đó ý rằng ông đọc đến một câu văn hay. Lúc đầu, ông tưởng có một người nào đấy, sau định thần nhìn kỹ thì chẳng có gì.

Câu 1.(1 điểm) Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Đối tượng của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là ai?

Câu 2.(1 điểm) Chỉ ra các từ lấy tượng hình có trong bài thơ và nêu tác dụng của việc sử dụng các từ lấy đó?

Câu 3.(1 điểm) Theo em mục đích của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là gì?

Câu 4.(1 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ sau:

*“Giọng khê nông nặc không ra tiếng,
Mắt lại lim dim nhấp đã cay”*

Câu 5.(2 điểm) Là học sinh, em rút ra thông điệp gì qua bài thơ trên? Viết câu trả lời bằng một đoạn văn từ 5- 7 dòng.

PHẦN II. VIẾT (4 điểm).

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).

----- HẾT ----- HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	Câu 1	Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Đối tượng của tiếng cười trào phúng trong bài thơ là ai?(1,0 điểm)	
		- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.	0,5
		- Đối tượng trào phúng: Là người học trò ngủ gật.	0,5
		<i>Trả lời sai, không trả lời: 0,0 điểm.</i>	
	Câu 2	Chỉ ra các từ lấy tượng hình trong bài thơ? Việc sử dụng các từ lấy đó có ý nghĩa gì (1,0 điểm)	
		- Từ lấy tượng hình: gật gà gật guồng, lim dim, la liệt.	0,5
		- Ý nghĩa:	0,5
		+ Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.	
		+ Nhấn mạnh hình ảnh đáng cười của những anh học trò ngủ gật.	
		+ Từ đó làm tăng thêm tính châm biếm, chế giễu...	
		* Cách cho điểm:	
		- HS trả lời được 3 từ tượng hình như đáp án: 0,5 điểm. Nếu trả lời đúng 2 từ cho 0,25 điểm. Đúng 1 từ không cho điểm.	
		- HS trả lời được 2 ý như đáp án: 0,5 điểm; trả lời được 1 ý cho	

	<p>0,25 điểm.</p> <p>- HS trả lời sai, không trả lời: 0 điểm.</p>	
Câu 3	<p>Theo em mục đích của tiếng cười trào phúng trong bài thơ này là gì? (1,0 điểm)</p>	1,0
	<p>- Chế giễu những anh học trò có thói xấu là hay ngủ gật.</p> <p>- Chế giễu cái xấu để học trò nhận ra cái sai của mình mà sửa đổi.</p> <p>- Phê phán việc học trong xã hội đương thời không còn được coi trọng...</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 2 ý trở lên cho điểm tối đa.</p> <p>- Học sinh trả lời đúng 1 ý cho 0,5 điểm.</p> <p>- Trả lời sai, không trả lời: 0 điểm.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Học sinh có thể đưa ra nhận xét khác ngoài đáp án nhưng chính xác, phù hợp, GV linh hoạt cho điểm.</p>	
Câu 4	<p>Chỉ ra và nêu tác dụng của phép đối được sử dụng trong hai câu thơ sau:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Giọng khê nông nặc không ra tiếng, Mắt lại lim dim nhấp đã cay.”</i></p> <p style="text-align: right;">(1,0 điểm)</p>	0,25
	<p>- Phép đối được sử dụng trong hai câu thơ thực là:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Giọng khê nông nặc không ra tiếng, Mắt lại lim dim nhấp đã cay”</i></p> <p>Đối: giọng khê nông nặc – đôi mắt lim dim; không ra tiếng – nhấp đã cay.</p> <p>- Tác dụng của phép đối:</p> <p>+ Tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho câu thơ.</p> <p>+ Nhấn mạnh, làm rõ hơn bộ dạng người học trò không chăm lo học hành mà chỉ giỏi ngủ gật.</p> <p>+ Bộc bộ thái độ không đồng tình, phê phán của nhà thơ đối với những anh học trò thiếu nghiêm túc này - muốn theo đòi chữ nghĩa mà học hành không đến nơi đến chốn.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>- Học sinh chỉ ra được các hình ảnh đối cho 0,25 điểm.</p> <p>- Học sinh nêu được 2 tác dụng chính xác, hợp lý thì cho điểm tối đa; nêu được 1 tác dụng cho 0,25 điểm.</p>	
		0,75

		<p>- Trả lời sai, không trả lời: 0 điểm.</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Học sinh có thể đưa ra nhận xét khác ngoài đáp án nhưng chính xác, phù hợp, GV linh hoạt cho điểm.</p>	
		<p>Là học sinh, em rút ra thông điệp gì qua bài thơ? Viết câu trả lời bằng một đoạn văn từ 5- 7 dòng. (2,0 điểm)</p>	
		<p>- Hình thức:</p> <p>+ Đảm bảo hình thức đoạn văn, đủ dung lượng (5- 7 dòng), không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.</p> <p>+ Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.</p> <p>+ Biết cách trình bày đoạn văn theo 1 trong các cách sau : diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp.</p> <p>- Nội dung:</p> <p>HS có thể nêu ra thông điệp:</p> <p>- HS cần tập trung trong tiết học, không được ngủ gật trong giờ học.</p> <p>- Lí giải:</p> <p>+ Ngủ gật khiến con người mất hết vẻ đẹp về hình thức trong mắt những người xung quanh.</p> <p>+ Sẽ bỏ lỡ bài giảng của thầy cô, dẫn đến khó tiếp thu được kiến thức, nhiều lần sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả học tập.</p> <p>+</p> <p>* Lưu ý:</p> <p>- Học sinh có thể có cách diễn đạt khác nhưng hiểu và lí giải phù hợp đảm bảo các ý văn cho điểm.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>1,25</p>
II		VIẾT	4,0
		<p>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).</p>	
		<p><i>a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn nghị luận</i></p> <p>- Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.</p>	0,25
		<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i></p> <p>Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).</p>	0,25
		<p><i>c. Triển khai hợp lí bài văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <p>I. Mở bài</p> <p>- Nêu vấn đề cần nghị luận: một thói xấu của con người trong xã</p>	0,25

	<p>hội hiện đại (nghiện game – ham mê trò chơi điện tử, lối sống ích kỉ, vô cảm...) và nhận định chung của người viết.</p> <p>II. Thân bài</p> <p>1. Làm rõ vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích khái niệm về thói xấu: Nghiện game là gì? Sống ích kỉ là gì? Lối sống ảo là gì?... <p>2. Trình bày ý kiến phê phán, lí lẽ và bằng chứng để chứng minh phê phán là có cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của thói xấu - Nguyên nhân hình thành thói xấu - Tác hại của thói xấu <p>3. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý kiến phản biện: không đồng tình với ý kiến của người viết (giả định) - Học sinh cần ý thức tác hại của thói xấu để tránh mắc phải. - Tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân tốt đẹp hơn. <p>III. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến phê phán, bài học cho chính mình. 	<p>2,5</p> <p>0,25</p>
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. 	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, sinh động, sáng tạo, có giọng điệu riêng. 	0,25
	<p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 3,5 - 4,0: Đảm bảo tốt các yêu cầu; diễn đạt lưu loát, bài viết có lập luận chặt chẽ, dẫn chứng phong phú có sức thuyết phục. - Điểm 2,75 - 3,25: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu; bài viết có sức thuyết phục; còn mắc một số lỗi diễn đạt. - Điểm 2,0 - 2,5: Đảm bảo cơ bản các yêu cầu, còn mắc một số lỗi diễn đạt, sai chính tả; - Điểm 1,0 - 1,75: Đảm bảo 1/3 yêu cầu, nội dung sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả; - Điểm 0,5 – 0,75: Bài viết rất sơ sài, trình bày cẩu thả. - Điểm 0: Lạc đề hoặc không làm bài. 	

*** Lưu ý chung :**

- Trên đây là những định hướng chấm về kĩ năng và kiến thức. Giám khảo cần căn cứ vào thực tế bài làm của học sinh để cho điểm cho phù hợp sát với trình độ của học sinh, khuyến khích những bài làm sáng tạo.

- Điểm toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

- HẾT -

ĐỀ 15	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--------------	---

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

CƯỜI NGỔNG MÀ VỀ

Nhà nọ giàu nhưng tính lại kiệt. Gà vịt đầy vườn mà khách đến chơi vẫn cứ com rau luộc với mấy quả cà. Đã thế lại còn chếp miệng phàn nàn với khách:

- Chẳng mấy khi bác đến chơi mà trong nhà lại không đào đâu ra một thức gì để thết bác cho tử tế, tôi lấy làm áy náy quá.

Khách ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo:

- Ấu là tôi có con ngựa đấy, bác cứ bắt mà làm thịt, anh em ta cùng đánh chén cho vui.

Chủ hỏi:

- Thế nhưng đường xa bác về bằng cách gì cho tiện?

Khách vui vẻ chỉ vào đàn ngỗng mà đáp:

- Có khó gì việc ấy. Có đàn ngỗng của bác kia, cứ xem con nào lớn, bác cho tôi mượn một con, tôi sẽ cưỡi ngỗng mà về.

(Kho tàng truyện tiếu lâm Việt Nam, Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thường biên soạn, sưu tầm, chọn tuyển, NXB Văn học, Hà Nội, 2001, trang 56 - 57)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (1,5 điểm) Văn bản “Cười ngỗng mà về” thuộc thể loại nào? Em hãy nêu đặc điểm của thể loại ấy?

Câu 2. (1,0 điểm) Tìm chi tiết thể hiện gia cảnh của chủ nhà? Trong truyện, chủ nhà đã tiếp đãi khách như thế nào?

Câu 3. (1,5 điểm) Em hãy đoán mối quan hệ của chủ và khách trong truyện? Theo em vì sao chủ nhà bị chế giễu?

Câu 4. (1,0 điểm) Câu nói: “Có khó gì việc ấy. Có đàn ngỗng của bác kia, cứ xem con nào lớn, bác cho tôi mượn một con, tôi sẽ cưỡi ngỗng mà về.” của nhân vật người khách trong truyện có vai trò như thế nào trong tác phẩm?

Câu 5. (1,0 điểm) Em rút ra những bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện trên?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Em hãy viết một bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại.

----- **HẾT** -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	6,0
	Câu 1. Văn bản “Cười ngông mà về” thuộc thể loại nào? Em hãy nêu đặc điểm của thể loại ấy?	<p>- Thể loại: Truyện cười</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>+ Điểm 0,5: Trả lời đúng thể loại.</p> <p>+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.</p> <p>- Đặc điểm:</p> <p>+ Là một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười vừa để chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mỹ tục của con người vừa nhằm giải trí.</p> <p>+ Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, nghịch lí trong đời sống...</p> <p>+ Nhân vật chính trong truyện cười thường là đối tượng bị chế giễu.</p> <p>+ Ngôn ngữ truyện cười dân dã, nhiều ẩn ý.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>+ Điểm 1,0: Trả lời được 4 ý.</p> <p>+ Điểm 0,75: Trả lời được 3 ý.</p> <p>+ Điểm 0,5: Trả lời được 2 ý.</p> <p>+ Điểm 0,25: Trả lời được 1 ý.</p> <p>+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p>
	Câu 2. Tìm chi tiết thể hiện gia cảnh của chủ nhà? Trong truyện, chủ nhà đã tiếp đãi khách như thế nào?	<p>- Chi tiết thể hiện gia cảnh của chủ nhà:</p> <p>+ Nhà nọ giàu</p> <p>+ Gà vịt đầy vườn</p> <p>- Trong truyện, chủ nhà đã tiếp đãi khách với những món ăn đậm bạc, cơm rau luộc với mấy quả cà.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>+ Điểm 1,0: Trả lời được đủ 2 ý.</p> <p>+ Điểm 0,5: Trả lời được đủ 1 ý.</p> <p>+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	Câu 3. Em hãy đoán mối quan hệ của chủ và khách trong truyện? Theo em, vì sao chủ nhà bị chế giễu?	<p>- Quan hệ của chủ và khách trong truyện có lẽ cũng thân thiết, chắc quen biết đã lâu, khách từ xa lặn lội tới thăm chủ nhà (phải đi bằng ngựa).</p> <p>- Theo em, chủ nhà bị chế giễu vì:</p> <p>+ Thông thường, khi có khách, nhất là khách đường xa tới, chủ nhà sẽ khoản đãi những món ăn ngon và bỏ để biểu lộ mối thân tình, sự hiếu khách của mình.</p> <p>+ Ở trong truyện, chủ chỉ mời khách món rau luộc, cà muối, đã thế lại còn giả nghèo giả khổ “không đào đâu ra một thức gì để thết bác cho tử tế” và tỏ ra áy náy. Điều này cho thấy chủ nhà không chỉ keo kiệt mà còn muốn che đậy sự keo kiệt của mình, không thịnh tình với khách.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>+ Điểm 1,0: Trả lời được 2 ý.</p> <p>+ Điểm 0,5: Trả lời được 1 ý.</p> <p>+ Điểm 0: Không trả lời.</p> <p>* Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt theo ý hiểu của mình.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>

	<p>Câu 4. Câu nói: “Có khó gì việc ấy. Có đàn ngỗng của bác kia, cứ xem con nào lớn, bác cho tôi mượn một con, tôi sẽ cười ngỗng mà về.” của nhân vật người khách trong truyện có vai trò như thế nào trong tác phẩm?</p>	<p>Vai trò của câu nói “Có khó gì việc ấy. Có đàn ngỗng của bác kia, cứ xem con nào lớn, bác cho tôi mượn một con, tôi sẽ cười ngỗng mà về.” của nhân vật người khách trong tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giúp khắc họa chân dung lạ đời của nhân vật ông chủ nhà: một kẻ quá keo kiệt, keo kiệt đến lạ đời. + Tạo tiếng cười cho câu chuyện: tác giả đã tạo ra tiếng cười dưới góc nhìn hài hước. Ngỗng là một loài gia cầm nuôi lấy thịt, không phải con vật có thể làm phương tiện đi lại. Câu nói chứa ẩn ý của người khách thể hiện sự thông minh, hài hước, nhằm phê phán hiện tượng keo kiệt trong cuộc sống. <p><i>* Cách cho điểm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm 1,0: Trả lời được 2 ý. + Điểm 0,5: Trả lời được 1 ý. + Điểm 0: Không trả lời. <p><i>* Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt theo ý hiểu của mình.</i></p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	<p>Câu 5. Em rút ra những bài học gì sau khi đọc xong câu chuyện trên?</p>	<p>Bài học có thể rút ra sau khi học trong câu chuyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết kiệm là tốt, nhưng keo kiệt là xấu, thể hiện thói ích kỉ, tham lam nên chúng ta không nên hà tiện quá mức dẫn tới keo kiệt. - Cần nhận thức được ranh giới giữa tiết kiệm và keo kiệt vì nó rất mong manh. <p>...</p> <p><i>* Cách cho điểm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm 1,0: Trả lời được 2 bài học. + Điểm 0,5: Trả lời được 1 bài học. + Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai. <p><i>* Lưu ý:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thể nêu được các bài học khác chính xác ngoài đáp án. - Có thể diễn đạt linh hoạt, sáng tạo. 	<p>1,0</p>
<p>II</p>		<p>Viết</p> <p>Em hãy viết một bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại.</p>	<p>4,0</p>
		<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận: Có đủ ba phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.</p>	<p>0,25</p>
		<p>b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).</p>	<p>0,25</p>
		<p>c. Triển khai vấn đề: Vận dụng được các kĩ năng tạo lập văn bản nghị luận để viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách trình bày luận điểm, luận cứ, lập luận và dẫn chứng trong bài văn nghị luận. - Trình bày, phân tích rõ các khía cạnh của vấn đề. <p>Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p>	<p>3,0</p>

	<p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu vấn đề cần nghị luận: một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại (nghiện game - ham mê trò chơi điện tử, lối sống ích kỉ, vô cảm...) và nhận định chung của người viết. <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Làm rõ vấn đề nghị luận.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích khái niệm về thói xấu: Nghiện game là gì? Sống ích kỉ là gì? Lối sống ảo là gì?... <p>b. Trình bày ý kiến phê phán, lí lẽ và bằng chứng để chứng minh phê phán là có cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu hiện của thói xấu. - Nguyên nhân hình thành thói xấu. - Tác hại của thói xấu. <p>c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu ý kiến phản biện: không đồng tình với ý kiến của người viết (giả định). - Học sinh cần ý thức tác hại của thói xấu để tránh mắc phải. - Tích cực học tập, rèn luyện để hoàn thiện bản thân tốt đẹp hơn. <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến phê phán, bài học cho bản thân. 	0,25
	<p>d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i>: Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt.</p>	0,25
	<p>e. <i>Sáng tạo</i>: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, lập luận chặt chẽ, hài hòa giữa lí lẽ và tình cảm.</p>	0,25
	<p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm 3,5 - 4,0: Đảm bảo tốt tất cả các yêu cầu. - Điểm 2,75 - 3,25: Đảm bảo tương đối đầy đủ các yêu cầu. - Điểm 2,0 - 2,5: Đảm bảo 1/2 yêu cầu, câu văn còn lủng củng, sai lỗi chính tả. - Điểm 1,0 - 1,75: Đảm bảo 1/3 yêu cầu, nội dung sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả. - Điểm 0,5 - 0,75: Bài viết rất sơ sài, trình bày cẩu thả. - Điểm 0: Lạc đề hoặc không làm bài. 	

Lưu ý chung:

Giám khảo linh hoạt cho điểm, trân trọng những cách thể hiện mới mẻ, sáng tạo phù hợp.
Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.

----- **Hết** -----

ĐỀ 16	<p>ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I</p> <p>NĂM HỌC: 2025 - 2026</p> <p>Môn: Ngữ văn 8</p> <p>Thời gian làm bài: <u>90 phút, không kể thời gian phát đề</u></p>
--------------	--

Phần I. Đọc hiểu văn bản(6.0 điểm)

(1) Sáng nay tôi thức dậy với những lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: “Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm”. Đúng như thế. Cuộc đời thực sự đang trôi nhanh lắm.

(2) Sao lại trì hoãn những việc có thể làm hôm nay cho những lúc rảnh rỗi trong tương lai xa xôi nào đó? Sao không đóng vai một con người vượt trội bây giờ mà lại dành điều đó vào một thời điểm khác mai sau? Sao lại chần chừ thụ hưởng những giờ phút tuyệt vời và chờ đến khi về già? Một ngày nọ tôi đọc cuốn sách về một phụ nữ trẻ suy tư về kế hoạch để dành tiền hưu. Cô nói: “Tôi muốn bảo đảm mình sẽ để dành thật nhiều tiền – như vậy tôi mới có thể vui sống vào cuối đời”. Tôi không nghĩ vậy. Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống?

(3) Tôi không có ý nói rằng bạn nên bỏ qua tầm quan trọng của việc lên kế hoạch cho tương lai. Hãy biết nhìn xa và chuẩn bị cho suốt cuộc đời. Đó là sự quân bình. Hãy lên kế hoạch. Để dành tiền cho tuổi hưu. Hãy dự trù. Nhưng đồng thời cũng cần biết sống cho giây phút này. Sống thật đầy đủ.

(Trích *Đời ngắn đừng ngủ dài* – Robin Sharma, Phạm Anh Tuấn dịch, NXB Trẻ, 2017, tr.25 – 26)

Câu 1. Hãy cho biết đoạn trích trên thuộc thể loại gì?

Câu 2. Nêu luận đề của văn bản. Việc tác giả dẫn ra lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: “Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm” có tác dụng gì?

Câu 3. Xác định các câu hỏi tu từ trong đoạn (2). Nêu tác dụng của các câu hỏi tu từ.

Câu 4. Em hiểu thế nào về câu hỏi của tác giả: “Tại sao phải chờ đến già mới hưởng thụ cuộc sống?”

Câu 5. Theo em, việc lên kế hoạch cho tương lai có cần thiết với cuộc đời mỗi người không? Vì sao?

Phần II. Viết (4,0 điểm)

Từ nội dung phần đọc hiểu, em hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ về tác hại của thói quen trì hoãn.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Hãy cho biết đoạn trích trên thuộc thể loại gì?	0,5
		Thể loại: Văn bản nghị luận xã hội Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án cho 0,5 - Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời không cho điểm	0,5
	2	Nêu luận đề của văn bản. Việc tác giả dẫn ra lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: “Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm” có tác dụng gì?	1,0
		- Luận đề: Không nên trì hoãn. - Việc tác giả dẫn ra lời trong một bài hát của ca sĩ Mick Jagger: “Ủy mị chẳng ích gì, chuyện trôi qua nhanh lắm” có tác dụng: + Giúp cách diễn đạt sinh động, hấp dẫn, thu hút người đọc, người nghe. + Làm tiền đề triển khai nội dung bàn luận. + Tăng hiệu quả thuyết phục cho lập luận.	0,5 0,5

		<ul style="list-style-type: none"> - Giúp con người có thêm động lực để cố gắng, vượt qua khó khăn. - Lên kế hoạch cho tương lai nâng cao tỉ lệ thành công trong tương lai. <p><i>Học sinh đưa cách lí giải hợp lí, vẫn cho điểm đối đa</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh lý giải ba ý trở lên cho 1,5 điểm - Học sinh lý giải hai ý cho 1,0 điểm - Học sinh lý giải một ý cho 0,5 điểm 	1,5
II		VIẾT	4,0
		<p>* Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội. - Học sinh biết cách tạo lập một bài văn nghị luận xã hội có đủ bố cục. Bài viết mạch lạc, lập luận chặt chẽ, thuyết phục, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp 	
		* Yêu cầu cụ thể:	
		1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.	0,25
		2. Xác định được đúng vấn đề nghị luận.	0,25
		<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.</p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>Nêu vấn đề nghị luận: Trì hoãn là một thói quen xấu phổ biến của không ít bạn trẻ hiện nay.</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>Làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích thói quen trì hoãn: <ul style="list-style-type: none"> + “Trì hoãn” là chần chừ, không muốn thực hiện ngay, không muốn thay đổi mà có xu hướng tạm gác lại để sau làm hoặc tìm cách kéo dài thời gian thực hiện. + Lặp lại nhiều lần việc không lập tức làm ngay việc cần làm, cứ “để sau”, “để mai”, “chút nữa”.. - Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của thói quen trì hoãn. <ul style="list-style-type: none"> + Không khó để bắt gặp thói quen trì hoãn trong cuộc sống. Mỗi khi được giao việc, bạn không lập tức làm ngay mà để đến hạn chót mới làm; mỗi khi có cuộc hẹn, bạn không bao giờ đến đúng giờ mà cứ phải muộn lại ít phút.. + Học sinh được giao bài không làm bài ngay, thậm chí chờ đợi chép bài bạn. + Việc gì cũng để thầy cô, bố mẹ nhắc nhở mới thực hiện. <p>....</p> <p>Trình bày ý kiến phê phán thói quen trì hoãn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hậu quả: <p><i>Làm rõ các hậu quả của thói quen trì hoãn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Ảnh hưởng đến tiến độ, kết quả học tập, công việc, khó có được thành 	3.0

	<p>công.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tạo nên tác phong làm việc thiếu khoa học, không chuyên nghiệp. Tạo nên sự lè mề, ỷ lại. + Việc trì hoãn còn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân. + Làm mất đi thiện cảm, sự tin tưởng của mọi người. + Gây ảnh hưởng đến tập thể. + Trì hoãn tạo nên xã hội kém văn minh, phát triển <p>- Nguyên nhân:</p> <p><i>Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới thói quen trì hoãn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Do sự lười biếng, nuông chiều bản thân, không quyết tâm thực hiện công việc. + Làm việc thiếu khoa học, không có kế hoạch, mục tiêu cụ thể cho công việc. + Cảm thấy nhàm chán, không yêu thích, hứng thú với việc cần làm hoặc không biết bắt đầu từ đâu. + Do ảnh hưởng từ gia đình, bạn bè, những người xung quanh. <p>- Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ thói quen trì hoãn. + Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán thói quen trì hoãn. + Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục thói quen trì hoãn. <p>c. Kết bài:</p> <p>Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.</p>	
	<p>4. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p>5. Sáng tạo:</p> <p>Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.</p>	0,25

*Đánh giá toàn bài:	
Mức điểm	Mức độ đánh giá
4,0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
3,75 - 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.

0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.
-----	---

* Lưu ý :

- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.

-HẾT-

ĐỀ 17	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--------------	---

PHẦN I: ĐỌC - HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Đố kị nghĩa là bực tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Trong khi người thành công luôn nhìn thấy và học hỏi những đức tính tốt đẹp của người khác thì kẻ thất bại lại không làm được điều đó. Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác, đồng thời luôn tìm cách chê bai, hạ thấp họ. Họ để mặc cho lòng tị hiềm, thói ganh tị, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.

Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế phát triển của mỗi người. Thói đố kị khiến chúng ta lãng phí thời gian và không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn. Ganh tị với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình.

Tạo hóa tạo ra con người trong sự khác biệt và bình đẳng. Bạn cần phải ý thức được rằng, bạn là duy nhất và không bao giờ có người nào hoàn toàn giống bạn, cả về diện mạo lẫn tính cách. Vì thế, thay vì ganh tị với thành công và may mắn của người khác, bạn hãy tập trung toàn bộ tâm trí vào những ước mơ, dự định, đồng thời cố gắng hoàn thành chúng một cách triệt để. Hãy tự hào về sự khác biệt của bản thân bạn và vui mừng trước sự may mắn, thành công của những người xung quanh. Niềm vui ấy sẽ chấp cánh cho hạnh phúc của bạn và sớm muộn gì, bạn cũng sẽ đạt được thành công như họ”.

(George Matthew Adams, “Không gì là không thể”, Thu Hằng dịch,

NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2019, Tr.117)

Câu 1. (1.0 điểm) Xác định luận đề và các luận điểm chính của đoạn trích.

Câu 2. (1.0 điểm) Theo tác giả, thói đố kị gây ra những tác hại nào?

Câu 3. (1.0 điểm) Phân tích tác dụng của phép điệp ngữ có trong đoạn văn: “*Vì thế, thay vì ganh tị với thành công và may mắn của người khác, bạn hãy tập trung toàn bộ tâm trí vào những ước mơ, dự định, đồng thời cố gắng hoàn thành chúng một cách triệt để. Hãy tự hào về sự khác biệt của bản thân bạn và vui mừng trước sự may mắn, thành công của những người xung quanh.*”

Câu 4. (1.0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý kiến: “*Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế phát triển của mỗi người.*”?

Câu 5. (2.0 điểm) Giả sử người bạn thân của em luôn đạt được thành tích xuất sắc trong học tập và em cảm thấy mình không thể so sánh được với bạn ấy. Em hãy đề xuất một số giải pháp của bản thân trong tình huống này?

PHẦN II: VIẾT (4.0 điểm)

Viết bài văn nghị luận bàn về việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh:

Họ tên, chữ ký GT 1:

Số báo danh:

Họ tên, chữ ký GT 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC - HIỂU		6.0
	1	Xác định luận đề và các luận điểm chính của đoạn trích.	1.0
		- Luận đề: Bàn về thói đố kị	0.5
		- Các luận điểm chính:	0.5
		+ Khái niệm, biểu hiện của thói đố kị. + Tác hại (hậu quả) của thói đố kị. + Giải pháp ngăn chặn, hạn chế những tác hại ấy. Hướng dẫn chấm: - Trả lời đúng luận đề: (0.5 điểm) - Trả lời đúng 2 luận điểm trở lên: (0.5 điểm) - Trả lời đúng 1 luận điểm: (0.25 điểm) - Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)	
	2	Theo tác giả, thói đố kị gây ra những tác hại nào?	1.0
		Những tác hại của thói đố kị: - khiến con người cảm thấy mệt mỏi - hạn chế phát triển của mỗi người - khiến chúng ta lãng phí thời gian - không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn	

		<p>- khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 4 ý trở lên như đáp án: (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 3 ý: (0.75 điểm)</p> <p>- Trả lời được 2 ý: (0.5 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý: (0.25 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc chép nguyên đoạn văn: (0.0 điểm)</p>	
		<p>Phân tích tác dụng của phép điệp ngữ có trong đoạn văn: “Vì thế, thay vì ganh tị với thành công và may mắn của người khác, bạn hãy tập trung toàn bộ tâm trí vào những ước mơ, dự định, đồng thời cố gắng hoàn thành chúng một cách triệt để. Hãy tự hào về sự khác biệt của bản thân bạn và vui mừng trước sự may mắn, thành công của những người xung quanh.”</p>	1.0
3		<p>- Điệp ngữ: “hãy”</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Nhấn mạnh những giải pháp hạn chế và từ bỏ thói đồ kị.</p> <p>+ Khuyên nhủ mọi người cần phải biết nhìn nhận đúng đắn giá trị của bản thân và thành công của người khác.</p> <p>+ Tạo tính liên kết, tạo nhịp điệu và làm tăng sức hấp dẫn cho đoạn văn...</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời chính xác điệp ngữ: (0.25 điểm)</p> <p>- Trả lời được 3 tác dụng: (0.75 điểm)</p> <p>- Trả lời được 2 tác dụng: (0.5 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 tác dụng: (0.25 điểm)</p>	0.25 0.75
		<p>Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Đố kị không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế phát triển của mỗi người.”?</p>	1.0
4		<p>Học sinh có thể lí giải theo các cách khác nhau, nhưng cần dựa vào nội dung văn bản và những hiểu biết của bản thân một cách hợp lí. Sau đây là gợi ý định hướng:</p> <p>+ Đố kị khiến con người nảy sinh những cảm xúc tiêu cực như: giận dữ, thù ghét đối với người khác; gây chán nản, thất vọng về bản thân; do đó dẫn đến mệt mỏi.</p> <p>+ Đố kị khiến con người luôn bận tâm đến cuộc sống của người khác, sự thành đạt của người khác mà đánh mất thời gian, cơ hội để tập trung cho sự nghiệp, công việc của bản thân.</p> <p>+ Từ đó, khuyên nhủ mọi người không nên đố kị.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Trả lời được 3 ý thuyết phục: (1.0 điểm)</p> <p>- Trả lời được 2 ý thuyết phục: (0.75 điểm)</p> <p>- Trả lời được 1 ý thuyết phục: (0.5 điểm)</p> <p>- Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm)</p>	
		<p>Giả sử người bạn thân của em luôn đạt được thành tích xuất sắc trong học tập và em cảm thấy mình không thể so sánh được với</p>	2.0

		bạn ấy. Em hãy đề xuất một số giải pháp của bản thân trong tình huống này?	
	5	<p><i>Học sinh có thể đưa ra nhiều giải pháp khác nhau, nhưng cần tích cực và hợp lí. Sau đây là gợi ý định hướng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Vui mừng, trân trọng với những thành tích của bạn. - Xem những thành tích của bạn là nguồn động lực để bản thân phấn đấu, vươn lên. - Hiểu được điểm mạnh, điểm hạn chế của mình, từ đó tập trung phát triển bản thân. - Cởi mở, chủ động trao đổi, học hỏi bạn để cùng nhau tiến bộ hơn. - Thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội, cộng đồng giúp mở rộng tầm nhìn, từ đó bớt so sánh và ganh đua không cần thiết. <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trả lời được 4 ý trở lên: (2.0 điểm) - Trả lời được 3 ý: (1.5 điểm) - Trả lời được 2 ý: (1.0 điểm) - Trả lời được 1 ý: (0.5 điểm) - Không trả lời hoặc trả lời sai: (0.0 điểm) 	
II	VIẾT		4.0
		Viết bài văn nghị luận bàn về việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.	
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:</i> có đầy đủ 3 phần Mở bài, Thân bài, Kết bài.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.	0.25
		<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận:</i> chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm, luận cứ phù hợp, thuyết phục; sử dụng tốt các thao tác lập luận; biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa bằng chứng.</p> <p>Học sinh có thể triển khai theo các cách khác nhau, nhưng về cơ bản cần đảm bảo các ý sau:</p> <p>* Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.</p> <p>* Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận</p> <p>- Giải thích (0.25 điểm)</p> <p>+ Văn hóa truyền thống của dân tộc là tất cả các yếu tố vật chất và tinh thần đặc trưng cho một cộng đồng xã hội được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.</p> <p>+ Văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam được hình thành và phát triển gắn liền với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc bao gồm tri thức, tư tưởng, tín ngưỡng, nghệ thuật, đạo đức, pháp</p>	<p>0.25</p> <p>2.5</p>

	<p>luật, phong tục, tập quán...</p> <p>- Vì sao cần giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống? (Lí lẽ và bằng chứng) (0.75 điểm)</p> <p>+ Văn hóa truyền thống là hồn cốt, khẳng định sự tồn tại của một quốc gia dân tộc.</p> <p>+ Văn hóa truyền thống tạo nên bản sắc riêng của mỗi một quốc gia dân tộc. (bằng chứng: áo dài Việt Nam, Tiếng Việt,...)</p> <p>+ Văn hóa truyền thống là nguồn sức mạnh để dân tộc Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thử thách. (bằng chứng: tinh thần đoàn kết, yêu nước,...)</p> <p>+ Văn hóa truyền thống làm nên sự đa dạng văn hóa, làm phong phú nền văn minh nhân loại.</p> <p>- Khẳng định việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc là điều đúng đắn, cần thiết. (Lí lẽ và bằng chứng) (0.75 điểm)</p> <p>+ Việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống giúp mỗi người khẳng định giá trị bản thân, thể hiện là người có đạo đức, phẩm chất tốt đẹp, tâm hồn mỗi người sẽ trở nên giàu có, hướng thiện, vốn sống được tăng lên.</p> <p>+ Thể hiện là công dân yêu nước, biết trân trọng và lưu truyền những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc.</p> <p>+ Hiểu rõ về cội nguồn, quê hương và về tất cả những gì cha ông ta đã dày công gây dựng.</p> <p>+ Là nền tảng, cơ sở để xây dựng một xã hội văn minh phát triển.</p> <p>+ Nếu không biết trân trọng giá trị văn hóa truyền thống dân tộc thì không giữ gìn được những điều tốt đẹp cha ông ta để lại; sẽ là một xã hội trống rỗng, không thể phát triển lâu bền nếu quên đi mất cội nguồn tốt đẹp của mình.</p> <p>- Liên hệ, mở rộng vấn đề. (Lí lẽ và bằng chứng) (0.75 điểm)</p> <p>Thực tế, hiện nay nhiều người nhất là những người trẻ đang dần quên mất những giá trị văn hóa tốt đẹp. Chẳng hạn có một số người không biết cách cư xử có văn hóa, sử dụng từ ngữ làm mất đi sự trong sáng của Tiếng Việt... Nhiều bạn trẻ sành ngoại, sống “thoáng”, đua đòi... đi ngược lại những thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đó là những tư tưởng và hành vi lệch lạc sai trái. Bởi vì, việc tiếp thu những văn hóa mới lạ là điều cần thiết. Tuy nhiên, song song với điều đó, chúng ta không được làm mất đi những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.</p> <p>* Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động.</p>	
--	--	--

			0,25
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt; trình bày rõ ràng, sạch đẹp.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bài viết thể hiện góc nhìn riêng, lí lẽ sắc sảo, bằng chứng độc đáo, hấp dẫn, mới lạ; cách diễn đạt sáng tạo.	0,25
Tổng điểm			10,0

Đánh giá toàn bài:

Mức điểm	Mức độ đánh giá
4.0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
3.75 - 2.75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
2.5 - 1.5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.
1.25 - 0.25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.
0.0	- Không làm bài hoặc sai hoàn toàn.

Chú ý:

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lí, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh, khuyến khích sự sáng tạo.

- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.

---HẾT---

ĐỀ 18	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--------------	---

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5

“Bạn biết chẳng, thế gian này có điều kì diệu, đó là không ai có thể là bản sao 100% của ai cả. Bởi thế, bạn là độc nhất, tôi cũng là độc nhất. Chúng ta là những con người độc nhất vô nhị, dù ta đẹp hay xấu, tài năng hay vô dụng, cao hay thấp, mập hay ốm, có năng khiếu ca nhạc hay chỉ biết gào như vẹt đực.

Vấn đề không phải là vẹt hay thiên nga. Vẹt có giá trị của vẹt, cũng như thiên nga có giá trị của thiên nga. Vấn đề không phải là hơn hay kém, mà là sự riêng biệt. Và bạn phải biết trân trọng chính bản thân mình. Người khác có thể đóng góp cho xã hội bằng tài kinh doanh hay năng khiếu nghệ thuật, thì bạn cũng có thể đóng góp cho xã hội bằng lòng nhiệt thành và sự lương thiện.

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”.

(Bản thân chúng ta là những giá trị có sẵn - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. (1,0 điểm) Văn bản trên thuộc thể loại nào? Vấn đề mà văn bản đề cập đến là gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra các dẫn chứng tác giả sử dụng trong văn bản.

Câu 3. (0,5 điểm) Giải thích nghĩa của thành ngữ “độc nhất vô nhị” trong văn bản.

Câu 4. (2,0 điểm)

a. Tác giả cho rằng: “Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

b. Qua văn bản tác giả muốn gửi đến chúng ta những thông điệp gì?

Câu 5. (1,5 điểm) Trong văn bản tác giả cho rằng không ai có thể là bản sao 100% của ai, ai sinh ra đều mang giá trị nhất định để trở thành riêng biệt. Vậy trong cuộc sống ngày nay, em nên làm thế nào để nâng cao giá trị của bản thân?

PHẦN II: Viết (4,0 điểm)

Xã hội phát triển, mạng xã hội ra đời đem lại những tiện ích rõ rệt cho con người. Nhưng chính mạng xã hội cũng tạo ra không ít thói xấu trong đó có lối sống ảo của giới trẻ. Viết bài nghị luận bàn về lối sống ảo trong giới trẻ hiện nay.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	Câu 1.	Văn bản trên thuộc thể loại nào? Vấn đề mà văn bản đề cập đến là gì?	1,0
		Gợi ý trả lời: - Thể loại: Văn bản nghị luận - Vấn đề văn bản đề cập: Mỗi người sinh ra có một giá trị riêng biệt Hướng dẫn chấm: HS nêu đúng nhưng có thể có cách diễn đạt khác hợp lí cho điểm tối đa. Trả lời sai hoặc không trả lời không cho điểm.	0,5 0,5
	Câu 2.	Chỉ ra các dẫn chứng tác giả sử dụng trong văn bản.	1,0
		Gợi ý trả lời: - Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. - Bạn có thể không hát hay nhưng bạn không bao giờ là người trễ hẹn. - Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. - Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. - ... Hướng dẫn chấm: + HS chỉ đúng 03 dẫn chứng trở lên cho 1,0 điểm. + HS chỉ đúng 02 dẫn chứng cho 0,5 điểm. + HS chỉ đúng 01 dẫn chứng cho 0,25 điểm. + HS chỉ sai hoặc không làm không cho điểm.	
	Câu 3.	Giải thích nghĩa của thành ngữ “độc nhất vô nhị” trong văn bản.	0,5
		Gợi ý trả lời: - Nghĩa thành ngữ “độc nhất vô nhị” là: có một mà không có hai, là duy nhất. Hướng dẫn chấm:	

	<p>+ HS giải thích đúng nghĩa thành ngữ cho 0,5 điểm</p> <p>+ HS giải thích sai hoặc không giải thích không cho điểm.</p>	
Câu 4.	<p>a. Tác giả cho rằng: “Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn hơn ai hết phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?</p>	1,0
	<p>Gợi ý trả lời:</p> <p>- Nêu ý kiến: Đồng ý/ không đồng ý/ đồng ý một phần.</p> <p>- Lí giải:</p> <p>* Đồng ý</p> <p>Vì: Mỗi cá nhân đều có những khả năng, tài năng và phẩm chất tự nhiên riêng có thể được thể hiện rõ qua cách hành xử suy nghĩ và cách thức tiếp cận với cuộc sống.</p> <p>Chỉ có mình mới hiểu rõ bản thân nhất, cần nhận biết điểm mạnh, điểm yếu của mình, hiểu được giá trị của bản thân để có thể học hỏi rèn luyện trở nên tốt hơn...</p> <p>...</p> <p>* Không đồng ý</p> <p>Vì: Trong cuộc sống cá biệt vẫn có những cá nhân không may mắn khi không có khả năng, tài năng gì.</p> <p>Họ không có khả năng nhận thức về bản thân, về mọi việc xung quanh mình...</p> <p>...</p> <p>* Đồng ý một phần: Kết hợp các lí giải trên.</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>+ HS trả lời đồng ý hoặc không đồng ý, đồng ý một phần cho 0,5 điểm.</p> <p>+ HS đưa ra 02 lí giải hợp lí, sâu sắc, thuyết phục cho 1,0 điểm.</p> <p>+ HS đưa ra 01 lí giải hợp lí nhưng chưa thật sâu sắc cho 0,5 điểm.</p> <p>+ HS lí giải chưa hợp lí, chưa thuyết phục không cho điểm.</p>	
	<p>b. Qua văn bản tác giả muốn gửi đến chúng ta những thông điệp gì?</p>	1,0
	<p>Gợi ý trả lời:</p>	

		<ul style="list-style-type: none"> - Mỗi con người đều có những giá trị tốt đẹp riêng, hãy biết trân trọng giá trị đó. - Chúng ta sẽ đẹp nhất, tỏa sáng nhất khi là chính mình. - Hãy nhận ra giá trị của bản thân để ngày một phát triển hoàn thiện. - Không nên phán xét, so sánh, có định kiến khi nhận xét đánh giá người khác vì mỗi người đều có giá trị riêng, đáng được tôn trọng. ... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS nêu đúng 03 thông điệp trở lên cho 1,0 điểm. + HS nêu đúng 02 thông điệp cho 0,5 điểm. + HS nêu đúng 01 thông điệp cho 0,25 điểm. + HS nêu sai hoặc không làm không cho điểm. 	
	Câu 5.	Trong văn bản tác giả cho rằng không ai có thể là bản sao 100% của ai, ai sinh ra đều mang giá trị nhất định để trở thành riêng biệt. Vậy trong cuộc sống ngày nay, em nên làm thế nào để nâng cao giá trị của bản thân?	1,5
		<p>Gợi ý trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy luôn là chính mình. - Luôn giữ thái độ tích cực trước mọi vấn đề trong cuộc sống. - Rèn luyện để có những thói quen tốt. - Sống thật thà, không gian dối, biết yêu thương, giúp đỡ mọi người. - Chăm sóc bản thân cả về bề ngoài, sức khỏe và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ. - Biết lắng nghe và có ý chí cầu tiến. - Biết nhìn nhận thiếu sót của bản thân để sửa chữa. ... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS nêu được 04 việc làm phù hợp trở lên cho 1,5 điểm. + HS nêu 03 việc làm phù hợp cho 1,0 điểm. + HS nêu 02 việc làm phù hợp cho 0,75 điểm. + HS nêu 01 việc làm cho 0,25 điểm. + HS nêu sai hoặc không làm không cho điểm. 	
II		<p>VIẾT</p> <p>Xã hội phát triển, mạng xã hội ra đời đem lại những tiện ích rõ rệt cho con người. Nhưng chính mạng xã hội cũng tạo ra không ít thói xấu trong đó có lối sống ảo của giới trẻ. Viết bài nghị luận</p>	4,0

	bàn về lối sống ảo trong giới trẻ hiện nay.	
	<p><i>a. Đảm bảo đúng cấu trúc của bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại:</i></p> <p>Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề. Thân bài triển khai được vấn đề. Kết bài kết luận được vấn đề.</p>	0,25
	<p><i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i></p> <p>Viết bài nghị luận bàn về lối sống ảo trong giới trẻ hiện nay.</p>	0,25
	<p><i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:</i></p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng;</p> <p>Sau đây là gợi ý một hướng triển khai</p> <p>Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận</p> <p>Thân bài:</p> <p>* Làm rõ vấn đề nghị luận</p> <p>+ Giải thích hiện tượng “sống ảo”</p> <p>- Lối sống, phong cách sống thể hiện trên mạng xã hội không giống với hoàn cảnh thực.</p> <p>- Ảo tưởng về cuộc sống hiện tại, mơ về một cuộc sống không có thật dẫn tới hành động, việc làm xa rời với thực tế, tự tạo ra niềm vui mình bằng tương tác trên mạng xã hội như câu like, thả tim, lượt theo dõi, ...</p> <p>+ Thực trạng của vấn đề</p> <p>- Xảy ra phổ biến ở giới trẻ ở khắp nơi kể cả ở thành thị lẫn nông thôn...</p> <p>- Dành nhiều thời gian cho các mạng xã hội: facebook, zalo, tiktok..., quên đi cuộc sống thực.</p> <p>- Đăng status, chỉnh sửa ảnh, khoe ảnh, bình luận dạo,...tạo nên những hình ảnh đẹp lung linh trên mạng để câu like, bình luận, chia sẻ ảnh, bài viết làm thú vui.</p> <p>- ...</p> <p>* Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng sống ảo.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

	<p>+ Hậu quả của hiện tượng sống ảo</p> <p><i>Làm rõ các hậu quả của hiện tượng sống ảo, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó.</i></p> <p>- Với bản thân:</p> <p>Tiêu tốn nhiều thời gian, mất tập trung vào học tập, công việc...</p> <p>Không quan tâm đến cuộc sống ở thực tại, chạy theo mẫu hình cuộc sống ảo ảnh trên mạng, mất dần khả năng giao tiếp, tạo quan hệ với mọi người xung quanh</p> <p>Khi bước ra đời thực, khi bị phát hiện có những suy nghĩ, hành động tiêu cực: dễ dẫn đến trầm cảm, thụ động, tự ti trong các mối quan hệ thực.</p> <p>Dễ bị kẻ xấu lợi dụng vào mục đích xấu.</p> <p>Con người trở nên dửng dưng, vô cảm, ích kỷ hơn.</p> <p>Lâu dần sẽ tạo nên cách sống giả dối, thích hư vinh.</p> <p>- Với gia đình, xã hội</p> <p>Tạo ra lớp người thích hưởng thụ, thích thể hiện, giả tạo, thiếu có kiến thức và đạo đức.</p> <p>Gia đình, đất nước sẽ suy yếu bởi những lớp người thích sống ảo.</p> <p>(Đưa bằng chứng để làm rõ lí lẽ)</p> <p>+ Nguyên nhân của hiện tượng sống ảo</p> <p><i>Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng sống ảo, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó.</i></p> <p>- Ảo tưởng về bản thân, mạng xã hội cho phép người dùng tạo ra một phiên bản lí tưởng mà họ muốn mọi người nhìn thấy.</p> <p>- Cảm giác bất an và thiếu tự tin, đối mặt với cảm giác không đủ tốt trong thực tế, nhiều người chọn sống ảo để tìm kiếm sự an ủi và xác nhận từ người khác.</p> <p>- Muốn thể hiện, khoe khoang bản thân, không muốn chấp nhận hiện thực (muốn trở thành người nổi tiếng, được nhiều người biết đến, lấy sự thông cảm, quan tâm của mọi người...)</p> <p>- Cha mẹ chiều con, con thích gì là đáp ứng -> giới trẻ đua đòi mà bố mẹ thì dần mất đi sự quản lí, giám sát.</p> <p>- Thiếu sự quan tâm của gia đình, nên tìm đến mạng xã hội để</p>	0,75
		0,5

	<p>sống ảo mong thể hiện bản thân.</p> <p>- Mạng xã hội phát triển thỏa mãn nhu cầu giải tỏa tâm trạng của con người, đắm chìm vào đó mà quên mình đang sống trong cuộc sống thật.</p> <p>- ...</p> <p>* Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng</p> <p>- Giả định về ý kiến bên vực, ủng hộ hiện tượng sống ảo</p> <p>Có bạn cho rằng, lối sống ảo không hẳn là xấu vì:</p> <p>Là cách xoa dịu tâm hồn khi thực tại không như mong muốn giúp ta quên đi thực tại, thậm chí quên đi nỗi buồn, nỗi đau của mình.</p> <p>Các bạn có niềm vui, có bản lĩnh mới dám sống ảo.</p> <p>Nhìn vào thế giới ảo đẹp đẽ ai cũng thích.</p> <p>Các mối quan hệ ảo trên mạng không phức tạp, không cần phải đối diện...</p> <p>- Nêu ý kiến tranh luận bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng sống ảo</p> <p>Các bạn có biết suy nghĩ đó là hoàn toàn sai lầm:</p> <p>Sống ảo gây ra rất nhiều tác hại như đã trình bày ở trên.</p> <p>Khi ảo tưởng về giá trị bản thân và các mối quan hệ, về cuộc sống khi đối mặt với thực tại, các bạn dễ dàng suy sụp, các bạn bị chông chênh, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống tương lai.</p> <p>Thế giới của các bạn chỉ thu nhỏ trong trang mạng xã hội khiến tâm hồn, tình cảm, kiến thức trở nên hạn hẹp, khô cằn.</p> <p>Sống ảo sẽ đánh mất đi giá trị đích thực của bản thân, của cuộc sống.</p> <p>...</p> <p>- Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng sống ảo</p> <p>Sử dụng mạng xã hội chừng mực, hiệu quả.</p> <p>Xem đó là một nơi để giải trí sau giờ làm việc căng thẳng, không nên phụ thuộc vào nó.</p> <p>Không nên việc gì các bạn cũng đưa lên mạng xã hội.</p> <p>Dành thời gian cho những việc có ích như học tập, rèn luyện bản</p>	0,75
--	---	------

	<p>thân, quan tâm giúp đỡ những người xung quanh.</p> <p>Tuyên truyền cho mọi người biết về tác hại của việc sống ảo.</p> <p>...</p> <p>Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống ảo là một hiện tượng xấu, gây ra rất nhiều tác hại đối với giới trẻ... - Thay vì dành quá nhiều thời gian cho mạng xã hội, chúng ta nên tập trung vào cuộc sống thực tại, học tập và giao tiếp trực tiếp với những người xung quanh. - HS cần có lối sống lành mạnh, không quá bị thu hút bởi mạng xã hội, hãy tỉnh táo và hãy sống thực tế hơn. 	0,25
	<p><i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i></p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p>	0,25
	<p><i>e. Sáng tạo:</i></p> <p>Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.</p>	0,25

*** Đánh giá toàn bài:**

Mức điểm	Mức độ đánh giá
4,0	Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
3,75 - 2,75	Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.

1,25 - 0,25	<i>Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.</i>
0,0	<i>Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.</i>

*** Lưu ý:**

- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.

- HẾT -

ĐỀ 19	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) Thật khó để rao giảng sự tự hào dân tộc. Hầu như chúng ta có cảm xúc đó trong một hoàn cảnh cụ thể khi chúng ta đứng trước một biển người cùng hòa vang quốc ca hoặc khi chúng ta nghe một câu chuyện thành công của những nhân tài của đất nước hay chúng ta bất bình trước một vấn đề ảnh hưởng đến con người và quê hương mình. Nhưng hãy nói về một câu chuyện đơn giản hơn, ở lứa tuổi học sinh, chúng ta sẽ thể hiện sự tự hào đó như thế nào?

(2) Tự hào dân tộc không phải là việc chúng ta thuộc ca dao, tục ngữ, thơ văn lưu loát mà là có sự cảm nhận về vẻ đẹp của văn hóa dân tộc và mang trong mình tâm thế chia sẻ, quảng bá những vẻ đẹp truyền thống của đất nước ra thế giới. Tự hào dân tộc không phải là việc chúng ta thuộc lòng những tình tiết lịch sử nước nhà mà là tôn trọng các nền văn hóa, các quốc gia khác nhau và biết hành động vì vị thế của đất nước. Tự hào dân tộc không phải là việc vỗ ngực xưng tên, xem nhẹ các nền văn hóa khác mà là thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế.

(Trích Thư gửi học sinh nhân dịp tựu trường năm học 2016 - 2017 của ông Marcel Van Miert, Chủ tịch điều hành hệ thống Trường Quốc tế Việt - Úc (VAS) tại Hà Nội, dẫn theo <https://tuoitre.vn/>, ngày 31/08/2016)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1 (0,5 điểm). Xác định kiểu văn bản của đoạn trích trên.

Câu 2 (2,0 điểm).

a. Trong đoạn (2), tác giả cho rằng lứa tuổi học sinh cần thể hiện sự tự hào dân tộc như thế nào?

b. Đoạn văn (2) được tổ chức theo kiểu nào? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?

Câu 3 (1,5 điểm). Phân tích tác dụng của bằng chứng được tác giả sử dụng ở đoạn văn (1).

Câu 4 (0,5 điểm). Từ nội dung đoạn trích, em hiểu thế nào là sự tự hào dân tộc?

Câu 5 (1,5 điểm). Em thấy mình cần phải làm gì để thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế hiện nay?

II. VIẾT (4.0 điểm)

Ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở thành vấn đề nghiêm trọng trong cuộc sống hiện đại. Hãy viết một bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội ngày nay đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh: Họ tên, chữ ký GT 1:

Số báo danh: Họ tên, chữ ký GT 2:

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Câu	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC HIỂU		6,0
Câu 1	Xác định kiểu văn bản của đoạn trích trên.	0,5
	Kiểu văn bản: văn bản nghị luận. <u>* Cách cho điểm:</u> + Điểm 0,5: Trả lời đúng kiểu văn bản. + Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.	
Câu 2	a. Trong đoạn (2), tác giả cho rằng lứa tuổi học sinh cần thể hiện sự tự hào dân tộc như thế nào?	2,0
	b. Đoạn văn (2) được tổ chức theo kiểu nào? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?	
	a. Tác giả cho rằng lứa tuổi học sinh cần thể hiện sự tự hào dân tộc như sau: - Có sự cảm nhận về vẻ đẹp của văn hóa dân tộc và mang trong mình tâm thế chia sẻ, quảng bá những vẻ đẹp truyền thống của đất nước ra thế giới. - Tôn trọng các nền văn hóa, các quốc gia khác nhau và biết hành động vì vị thế của đất nước. - Thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế. <u>* Cách cho điểm:</u> + Điểm 1,0: Trả lời đúng 3 ý. + Điểm 0,75: Trả lời đúng 2 ý. + Điểm 0,5: Trả lời đúng 1 ý. + Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai. + HS chép cả đoạn, không tách ý, cho nửa số điểm.	1,0
	b. - Đoạn văn (2) được tổ chức theo kiểu: đoạn văn song hành.	0,5
	- Em nhận biết được điều đó vì:	0,5

	<p>+ Đoạn văn không có câu chủ đề; + Các câu trong đoạn có nội dung khác nhau nhưng cùng hướng tới một chủ đề. <u>* Cách cho điểm:</u> + Điểm 0,5: Trả lời đúng 2 ý. + Điểm 0,25: Trả lời đúng 1 ý. + Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai</p>	
Câu 3	<p>Phân tích tác dụng của bằng chứng được tác giả sử dụng ở đoạn văn (2).</p> <p>- Bằng chứng: + khi chúng ta đứng trước một biển người cùng hòa vang quốc ca; + khi chúng ta nghe một câu chuyện thành công của những nhân tài của đất nước; + chúng ta bất bình trước một vấn đề ảnh hưởng đến con người và quê hương mình. <u>* Cách cho điểm:</u> + Điểm 0,5: Trả lời đúng 3 bằng chứng. + Điểm 0,25: Trả lời đúng 2 bằng chứng. + Điểm 0: Chỉ nêu được 1 bằng chứng, không trả lời hoặc trả lời sai.</p> <p>- Tác dụng: + Làm cho lập luận trở nên chặt chẽ, logic; tăng sức thuyết phục cho đoạn văn. + Nhấn mạnh những biểu hiện khác nhau của sự tự hào dân tộc; khẳng định niềm tự hào dân tộc thường xuất hiện trong những hoàn cảnh đặc biệt: khi chúng ta được hòa mình vào không khí chung của cộng đồng, khi chúng kiến những thành công của đất nước, hoặc khi đối mặt với những vấn đề làm tổn hại đến quê hương, đất nước. + Nhấn nhủ mỗi người cần bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc và có ý thức biểu hiện lòng tự hào ấy bằng những việc làm cụ thể. <u>* Cách cho điểm:</u> + Điểm 1,0: Trả lời đúng 3 ý. + Điểm 0,75: Trả lời đúng 2 ý. + Điểm 0,5: Trả lời đúng 1 ý. + Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai. <u>* Lưu ý:</u> HS có cách diễn đạt khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.</p>	<p>1,5 0,5</p> <p>1,0</p>
Câu 4	<p>Từ nội dung đoạn trích, em hiểu thế nào là sự tự hào dân tộc?</p> <p>- Sự tự hào dân tộc là: thái độ biết ơn, trân trọng, sự tự tôn và ý thức bảo tồn, phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc. Đây là biểu hiện của tình yêu đất nước, ý thức trách nhiệm công dân đối với đất nước... <u>* Lưu ý:</u> HS có cách diễn đạt khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.</p>	0,5
Câu 5	<p>Em thấy mình cần phải làm gì để thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế hiện nay?</p> <p>Để thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế hiện nay, em cần: - Bảo tồn, lưu giữ các di sản, các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc; - Ra sức học tập, tu dưỡng đạo đức để có nhận thức sâu sắc và đầy đủ về bản sắc văn hoá dân tộc và nâng cao vị thế của đất nước. - Tuyên truyền cho mọi người nhận thức sâu sắc về bản sắc văn hóa dân tộc;</p>	1,5

	<p>- Quảng bá những nét đẹp của bản sắc người Việt đến bạn bè quốc tế trong khả năng của mình;</p> <p>- Học hỏi về đẹp của các nền văn hóa khác để làm giàu cho văn hóa dân tộc;</p> <p>- Loại trừ những hủ tục lạc hậu, thói quen xấu,... để làm đẹp hơn bản sắc người Việt;</p> <p>- Lên án, phê phán những người quay lưng lại với bản sắc văn hoá dân tộc, bài xích, xem thường văn hoá cha ông, chạy theo lối sống lai căng, học đòi, sùng ngoại...</p> <p>...</p> <p><i>* Cách cho điểm:</i></p> <p>+ Điểm 1,5: Trả lời được 3 ý trở lên.</p> <p>+ Điểm 1,0: Trả lời được 2 ý.</p> <p>+ Điểm 0,5: Trả lời được 1 ý.</p> <p>+ Điểm 0: Không trả lời hoặc trả lời sai.</p> <p><i>* Lưu ý: HS có cách diễn đạt hoặc nêu được việc làm khác phù hợp vẫn cho điểm tối đa.</i></p>	
II. VIẾT		4,0
	<p>Ô nhiễm môi trường đang ngày càng trở thành vấn đề nghiêm trọng trong cuộc sống hiện đại. Hãy viết một bài văn nghị luận về một thói xấu của con người trong xã hội ngày nay đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.</p>	0,25
	<p>* Yêu cầu chung:</p> <p>- Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một thói xấu của con người trong xã hội ngày nay đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: vứt rác bừa bãi, sử dụng tràn lan bao bì ni lông, lãng phí nước,...</p> <p>- Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội.</p>	
	<p>* Yêu cầu cụ thể.</p>	
	<p>1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:</p> <p>Mở bài nêu được vấn đề. Thân bài triển khai thành các luận điểm rõ ràng, mạch lạc. Kết bài khái quát được vấn đề.</p>	0,25
	<p>2. Xác định đúng yêu cầu của đề:</p> <p>Một thói xấu của con người trong xã hội ngày nay đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.</p>	0,25
	<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận:</p> <p>HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận (Một thói xấu của con người trong xã hội ngày nay đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường).</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>- Làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>+ Giải thích thói xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường được bàn luận.</p> <p>+ Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của thói xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường được bàn luận.</p> <p>- Trình bày ý kiến phê phán thói xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường.</p> <p>+ Hậu quả của thói xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường:</p>	0,25
		0,5
		0,75

	Làm rõ các hậu quả của hiện tượng thói xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó.	
	+ Nguyên nhân hiện tượng thói xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường: Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng thói xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó.	0,5
	- Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng thói xấu gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường đang bàn.	0,75
	+ Giả định về ý kiến bên vực, ủng hộ hiện tượng thói xấu. + Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng thói xấu được bàn. + Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng thói xấu.	
	c. Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.	0,25
	4. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
	5. Sáng tạo: Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.	0,25

***Đánh giá toàn bài:**

Mức điểm	Mức độ đánh giá	
4,0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.	
3,75 - 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.	
2,5 - 1,5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.	
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.	
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.	

*** Lưu ý :**

- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.

-HẾT-

ĐỀ 20	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề
--------------	---

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

(1) (...) Chúng ta hãy biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn, bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nên giá trị chân chính của một con người. Con người là tổng hòa của vẻ đẹp hình thức bên ngoài lẫn tâm hồn bên trong (...). Với tôi, vẻ đẹp đáng được nâng niu, trân trọng được ngưỡng mộ hơn hết vẫn là nét đẹp toát lên từ tâm hồn mỗi người.

(2) Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng; của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia; của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống. Một tâm hồn đẹp giúp ta biết yêu thương, biết sống đẹp, sống có ích. Vẻ đẹp tâm hồn như người ta vẫn nói, tuy nó không có hình hài nhưng thực sự sâu xa và bền vững. Bởi vậy, đó là cái đẹp đáng được quý trọng nhất.

(3) Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán. Vẻ đẹp hình thức của một con người cũng vậy. Dẫu đẹp, dẫu ấn tượng đến mấy rồi cũng sẽ dễ dàng bị xóa nhòa nếu người đó chỉ là một con người nhạt nhẽo, vô duyên, hay ích kỷ, xấu xa... Nhưng vẻ đẹp tâm hồn thì khác. Nó luôn tạo nên được sức thu hút vô hình và mạnh mẽ nhất, là giá trị thực sự lâu bền của bản thân mỗi người. Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy. Và muốn có được vẻ đẹp tâm hồn, mỗi người cần phải trải qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng, học hỏi một cách thường xuyên (...).

(Theo Nguyễn Đình Thi, trích “Vẻ đẹp tâm hồn”, trang 62, NXB ĐHSP TPHCM)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. (1,0 điểm) Theo tác giả, vẻ đẹp tâm hồn là gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Xác định câu chủ đề trong đoạn văn (1) và cho biết kiểu tổ chức đoạn văn đó?

Câu 3. (1,5 điểm) Theo em, văn bản trên bàn luận về vấn đề gì? Câu văn “Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán.” có vai trò gì trong đoạn văn thứ (3) của văn bản?

Câu 4. (1,5 điểm) “Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy.”, em có đồng tình với quan điểm này của tác giả không? Vì sao?

Câu 5. (1,0 điểm) Để bồi đắp vẻ đẹp tâm hồn của mình, em sẽ làm gì?

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về thói lười biếng của con người trong xã hội hiện nay.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	<p>Theo tác giả, vẻ đẹp tâm hồn là gì?</p> <p>* Gợi ý:</p> <p>Theo tác giả, vẻ đẹp tâm hồn là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng; - Vẻ đẹp của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia; - Vẻ đẹp của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống. <p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời đầy đủ 3 ý cho 1,0 điểm; 2 ý cho 0,5 điểm; 1 ý cho 	1,0

		<p>0,25 điểm.</p> <p>- HS có thể không tách ý mà trả lời là: “<i>Theo tác giả, vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp tổng hòa của cảm xúc, nhận thức, lý trí và khát vọng; của lòng nhân ái, bao dung, thấu hiểu và sẻ chia; của sự chân thành, hiểu biết, thái độ, cách suy nghĩ và sự lắng nghe trong cuộc sống.</i>” thì vẫn cho điểm theo mức: đủ 3 ý cho 1,0 điểm; 2 ý cho 0,5 điểm; 1 ý cho 0,25 điểm.</p> <p>- HS không làm hoặc trả lời sai không cho điểm.</p>	
	2	<p>Xác định câu chủ đề trong đoạn văn (1) và cho biết kiểu tổ chức đoạn văn đó?</p> <p>* Gợi ý:</p> <p>- Câu chủ đề của đoạn văn (1) là: “<i>Chúng ta hãy biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn, bởi đó là yếu tố tiên quyết làm nên giá trị chân chính của một con người.</i>”</p> <p>- Kiểu tổ chức đoạn văn (1) là: Diễn dịch.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>- HS trả lời đúng mỗi ý cho 0,5 điểm.</p> <p>- HS không làm hoặc trả lời sai không cho điểm.</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p>
	3	<p>Theo em, văn bản trên bàn luận về vấn đề gì? Câu văn “<i>Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán.</i>” có vai trò gì trong đoạn văn thứ (3) của văn bản?</p> <p>* Gợi ý:</p> <p>- Văn bản trên bàn luận về vấn đề: Phải biết trân quý vẻ đẹp tâm hồn.</p> <p>- Câu văn “<i>Giống như lớp vỏ bên ngoài, như bình hoa hay một cô búp bê, khi ngắm mãi, (...) ta cũng sẽ thấy chán.</i>” có vai trò nêu dẫn chứng và lí lẽ trong đoạn văn thứ (3) của văn bản.</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <p>- Ý 1: HS trả lời đúng theo gợi ý trên cho 1,0 điểm. Nếu HS chỉ trả lời được văn bản trên bàn luận về “Vẻ đẹp tâm hồn” thì cho 0,5 điểm.</p> <p>- Ý 2: HS trả lời đúng theo gợi ý trên cho 0,5 điểm. Nếu HS chỉ trả lời câu văn đó có vai trò nêu dẫn chứng hoặc nêu lí lẽ cho 0,25 điểm.</p> <p>- HS không làm hoặc trả lời sai không cho điểm.</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p>
	4	<p>“<i>Một người có tâm hồn đẹp thì vẻ đẹp tâm hồn sẽ càng tôn vinh, bồi đắp cho vẻ đẹp hình thức của người ấy.</i>”, em có đồng tình với quan điểm này của tác giả không? Vì sao?</p> <p>* Gợi ý:</p> <p>- Đồng tình với quan điểm của tác giả.</p> <p>- Lý giải:</p> <p>+ Vẻ đẹp tâm hồn tạo nên sức hút vô cùng mạnh mẽ và bền vững.</p> <p>+ Vẻ đẹp tâm hồn là một trong những yếu tố quan trọng làm nên vẻ đẹp hình thức hoàn thiện nhất.</p>	<p>0,5</p> <p>1,0</p>

		<p>+ Tâm hồn quyết định thái độ, hành vi của mỗi người trong cuộc sống.</p> <p>+ Khi có tâm hồn đẹp, người đó sẽ tỏa sáng trong lòng mọi người.</p> <p>...</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS bày tỏ quan điểm đồng tình cho 0,5 điểm. - Phần lí giải HS cần lí giải được 3 ý đúng cho 1,0 điểm; 2 ý đúng cho 0,75 điểm; 1 ý đúng cho 0,5 điểm. - HS có thể đưa ra lí giải khác với gợi ý trên nhưng đúng và hợp lí vẫn cho điểm tối đa. - HS không làm hoặc trả lời sai không cho điểm. 	
	5	<p>Để bồi đắp vẻ đẹp tâm hồn của mình, em sẽ làm gì?</p> <p>* Gợi ý:</p> <p>Những điều cần làm để bồi đắp vẻ đẹp tâm hồn là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giữ tâm trạng tốt đẹp, hướng thiện, luôn cố gắng để sống hạnh phúc và mang lại hạnh phúc cho mọi người xung quanh. - Kiên trì và nỗ lực trong quá trình học tập, rèn luyện bản thân trở thành một người có ích cho xã hội. - Yêu thương, quan tâm bản thân và mọi người. - Lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống. - Biết cách đối diện và vượt qua khó khăn, thử thách và sự thay đổi trong cuộc sống. <p>...</p> <p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được 3 ý cho 1,0 điểm; 2 ý cho 0,75 điểm; 1 ý cho 0,5 điểm. - HS có thể dùng các cách diễn đạt khác nhưng đúng và hợp lí vẫn cho điểm. - HS làm sai hoặc không làm không cho điểm. 	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>Trình bày suy nghĩ của em về thói lười biếng của con người trong xã hội hiện nay.</i>	
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Nghị luận về thói lười biếng của con người trong xã hội hiện nay.	0,25
		c. Triển khai bài văn theo trình tự hợp lí: HS triển khai bài viết theo bố cục mở bài, thân bài, kết bài. Bài viết đưa được lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, thuyết phục; lập luận mạch lạc, chặt chẽ; ngôn ngữ trong sáng. Dưới đây là một số gợi ý:	
		Mở bài: - Nêu vấn đề nghị luận: <i>Thói lười biếng của con người trong xã hội hiện nay.</i>	0,25
		Thân bài: Làm sáng tỏ vấn đề nghị luận bằng lí lẽ và dẫn chứng - Giải thích làm rõ bản chất của thói lười biếng:	0,25

	<p>+ Lười biếng là trạng thái chán nản, không muốn tập trung vào công việc hay bất cứ việc gì dù ở trong khả năng của mình, chần chừ, ngại khó, ngại khổ.</p> <p>+ Lười biếng là thói quen và đôi khi trở thành một "căn bệnh" khó chữa, gây nên những tác hại vô cùng to lớn cho bản thân, gia đình và cả xã hội.</p> <p>- Trình bày ý kiến phê phán thói lười biếng bằng lí lẽ và dẫn chứng:</p> <p>+ Nêu những biểu hiện của thói lười biếng:</p> <p>++ Thích ăn không, ngồi rồi, không muốn làm việc kể cả đó là bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ, nhiệm vụ...</p> <p>++ Không có ý chí tiến thủ, chỉ muốn “Há miệng chờ sung”, đợi người khác làm thay công việc của mình.</p> <p>++ Thường có xu hướng sống ỷ lại, không chịu suy nghĩ hay lao động chân tay như lười học, lười làm, lười ăn, lười chăm sóc bản thân, ...</p> <p>+ Nguyên nhân của thói lười biếng:</p> <p>++ Sự phát triển của khoa học công nghệ, máy móc hiện đại khiến con người ít phải hoạt động nhiều cả về tay chân lẫn trí óc, phụ thuộc vào những thứ có sẵn.</p> <p>++ Sức hấp dẫn bởi việc lên mạng, lướt facebook, chơi điện tử, sống ảo...</p> <p>++ Bản tính thích nhàn hạ, đua đòi lêu lổng đặc biệt là với lứa tuổi học trò.</p> <p>+ Hậu quả của thói lười biếng:</p> <p>++ Khiến công việc trở nên trì trệ thậm chí là không hoàn thành công việc.</p> <p>++ Không còn khát vọng vươn lên, không chịu cố gắng, không xác định được mục tiêu trong cuộc sống, gặp khó là nản lòng ngay, không có quyết tâm để thực hiện công việc đến cùng vì vậy mà mất đi cơ hội thành công.</p> <p>++ Tác động tiêu cực đến mối quan hệ với mọi người, người lười biếng không được mọi người tôn trọng.</p> <p>++ Có thể dẫn con người đến các thói xấu khác như sa vào trò chơi vô bổ như game, sống ảo thậm chí là sa vào các tệ nạn xã hội...</p> <p>++ Lười biếng là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của xã hội.</p> <p>- Nêu ý kiến không đồng tình và tranh luận với ý kiến đó, ví dụ:</p> <p>+ Một số người cho rằng xã hội phát triển con người được hỗ trợ bởi rất nhiều thiết bị hiện đại nên lười biếng sẽ không sao cả.</p> <p>+ Thỉnh thoảng sau những giờ học tập và làm việc căng thẳng, vất vả chúng ta có thể lười biếng như một cách tự thưởng cho bản thân.</p> <p>...</p> <p>(HS cần đưa ra lí giải để tranh luận với ý kiến đó, bảo vệ ý kiến</p>	<p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p> <p>0,25</p>
--	--	--

	<p><i>của mình.)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp khắc phục thói lười biếng: + Lập thời gian biểu cụ thể cho mình và thực hiện một cách nghiêm ngặt. + Tích cực rèn luyện khả năng tự suy nghĩ, tự làm, không quá phụ thuộc vào bất cứ một thứ gì đó hoặc một ai đó. + Phải có sự quyết tâm cao độ, quyết tâm chăm chỉ, quyết tâm loại bỏ sự lười biếng, quyết tâm biến ước mơ thành hiện thực. ... 	0,25
	<p>Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định ý kiến phê phán. - Rút ra bài học nhận thức và hành động. 	0,25
	<p><i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận gồm mở bài, thân bài, kết bài. - Lựa chọn được các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: Lý lẽ kết hợp với bằng chứng; sắp xếp hệ thống ý mạch lạc, logic. 	0,25
	<p><i>e. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.</p>	0,25
	<p><i>g. Sáng tạo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. (<i>Biết mở rộng, phản biện hoặc rút ra bài học</i>) - Có dẫn chứng phù hợp, tiêu biểu để làm sáng tỏ vấn đề. 	0,25
	<p>* Cách cho điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm từ 3,5 - 4,0: Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu nêu trên, có ý sâu sắc; vận dụng các thao tác lập luận phù hợp, linh hoạt; lí lẽ chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục; triển khai bài viết mạch lạc, logic; cách diễn đạt mới mẻ. Không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. - Điểm từ 2,5 - 3,25: Đảm bảo đầy đủ các yêu cầu trên; vận dụng các thao tác lập luận phù hợp, chặt chẽ, thuyết phục có ý kiến đánh giá đúng nhưng chưa thật sâu sắc. Còn mắc vài lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. - Điểm 1,5 - 2,25: Đảm bảo một phần các yêu cầu trên; biết vận dụng các thao tác lập luận; có ý kiến đánh giá đúng nhưng còn sơ sài; câu văn còn lủng củng, mắc lỗi chính tả. - Điểm 0,25 - 1,25: Đảm bảo tương đối các yêu cầu trên ở mức độ sơ sài, chưa biết đánh giá; câu văn còn lủng củng, nhiều lỗi chính tả. - Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề. <p>Lưu ý:</p> <p>Giám khảo cân nhắc trong tổng thể bài làm và khuyến khích sự sáng tạo của thí sinh, linh hoạt, tránh đếm ý cho điểm.</p>	
Tổng điểm cả bài		10,0

*** Lưu ý chung:**

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ thí sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Điểm toàn bài để lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.

-----HẾT-----

ĐỀ 21	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: Ngữ văn 8 <i>Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề</i>
--------------	---

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

TIỀN SĨ GIẤY

Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,
 Cũng gọi ông nghề có kém ai.
 Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng,
 Nét son điểm rõ mặt văn khôi.
 Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ?
 Cái giá khoa danh ấy mới hời!
 Ghé tréo, lọng xanh ngồi bảnh choẹ,
 Nghĩ rằng đồ thật, hóa đồ chơi!

(Nguyễn Khuyến, in trong Nguyễn Khuyến - Tác phẩm,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1984)

Thực hiện yêu cầu:

Câu 1. (1,0 điểm) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra các chi tiết miêu tả ông *tiền sĩ giấy* trong bài thơ.

Câu 3. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về các hình ảnh thơ: “*mảnh giấy - thân giáp bảng*”, “*nét son - mặt văn khôi*”? Tác giả muốn khẳng định điều gì thông qua hai hình ảnh thơ trên?

Câu 4. (1,0 điểm) Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong hai câu thơ:

“Cũng cờ, cũng biển, cũng cân đai,
Cũng gọi ông nghề có kém ai.”

Câu 5. (2,0 điểm) Qua việc miêu tả ông *tiến sĩ giấy*, bài thơ đã gợi cho em suy nghĩ gì về thực trạng của xã hội thời bấy giờ? Từ đó, em hãy rút ra bài học thiết thực cho bản thân.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của con người trong xã hội hiện đại.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	<p>Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ.</p> <p>- Bài thơ “<i>Tiến sĩ giấy</i>” thuộc thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật.</p> <p>- Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh trả lời như đáp án mỗi ý cho 0,5 điểm.</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
		<p>Chỉ ra các chi tiết miêu tả ông <i>tiến sĩ giấy</i> trong bài thơ.</p> <p>Các chi tiết miêu tả ông <i>tiến sĩ giấy</i> trong bài thơ là: cân đai, tấm thân xiêm áo, thân giáp bằng, mặt văn khôi, ngòi bành chọc...</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh nêu đúng 4 chi tiết trở lên cho tối đa 1,0 điểm. Học sinh nêu đúng 3 chi tiết cho 0,75 điểm; nêu đúng 2 chi tiết cho 0,5 điểm; nêu đúng 1 chi tiết cho 0,25 điểm.</p>	1,0
	3	<p>Em hiểu thế nào về các hình ảnh thơ “<i>mảnh giấy - thân giáp bằng</i>”, “<i>nét son - mặt văn khôi</i>”? Tác giả muốn khẳng định điều gì thông qua hai hình ảnh thơ trên?</p> <p>- Em hiểu các hình ảnh thơ “<i>mảnh giấy - thân giáp bằng</i>”, “<i>nét son - mặt văn khôi</i>” là:</p> <p>+ “<i>Mảnh giấy – thân giáp bằng</i>”: Thân giáp bằng danh giá, uy nghi hóa ra chỉ được cắt dán, chấp vá từ những mảnh giấy</p>	<p>1,0</p> <p>0,5</p>

	<p>vụn, giấy bỏ.</p> <p>+ “<i>Nét son – mặt văn khôi</i>”: mặt văn khôi quý hiển, rạng rỡ hóa ra lại được bôi quệt, son vẽ từ vài nét son xanh đỏ.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>Mỗi ý cho 0,25 điểm.</p> <p>Học sinh có thể có cách diễn đạt khác nhau nhưng đảm bảo ý vẫn cho điểm tối đa.</p> <p>- Từ đó tác giả muốn khẳng định:</p> <p>Tác giả khẳng định tính chất hèn kém, vô nghĩa của những ông tiến sĩ bằng xương, bằng thịt thời tác giả sống. Danh pháp những ông nghề ấy hoá ra không phải được tạo dựng bằng thực tài, thực học ngày ngày, mà lại được cố kết nên bởi những thứ phù phiếm, hình thức từ bên ngoài.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt theo ý hiểu của mình nếu đảm bảo ý vẫn cho điểm tối đa.</p>	0,5
4	<p>Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong hai câu thơ:</p> <p style="text-align: center;"><i>“Cũng cò, cũng biển, cũng cân đai, Cũng gọi ông nghề có kém ai.”</i></p> <p>- Biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong hai câu thơ: Điệp ngữ “cũng”</p> <p>- Tác dụng:</p> <p>+ Làm cho câu thơ sinh động, gợi cảm; tạo âm điệu, nhịp điệu, tạo giọng điệu mỉa mai, thâm thúy cho câu thơ.</p> <p>+ Nhấn mạnh sự tương đồng giữa ông tiến sĩ giấy và tiến sĩ thực.</p> <p>+ Đồng thời thể hiện sự châm biếm, chế giễu của tác giả về những ông nghề giấy kia cũng giống như những cái tên, bên ngoài mang danh tiến sĩ nhưng lại không làm gì được cho đất nước chỉ là một lũ tham ô, nịnh bợ.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>Học sinh nêu đúng 3 tác dụng cho 0,75 điểm; đúng 2 tác dụng cho 0,5 điểm; đúng 1 tác dụng cho 0,25 điểm.</p>	<p>1,0</p> <p>0,25</p> <p>0,75</p>
5	<p>Qua việc miêu tả ông <i>tiến sĩ giấy</i>, bài thơ đã gợi cho em suy nghĩ gì về thực trạng của xã hội thời bấy giờ ? Từ đó,</p>	2,0

		em hãy rút ra bài học thiết thực cho bản thân.	
		<p>- Qua việc miêu tả ông tiến sĩ giấy, bài thơ đã gợi cho em suy nghĩ về thực trạng của xã hội thời bấy giờ:</p> <p>Có nhiều người đỗ đạt, thậm chí đỗ đạt cao nhưng chỉ là những kẻ hữu danh vô thực.</p> <p>- Từ đó, em rút ra cho bản thân bài học thiết thực:</p> <p>+ Sống ở trên đời không nên coi trọng hư danh. Điều quan trọng là làm được gì có ích cho đời chứ không nên theo đuổi hư danh hão huyền.</p> <p>+ Phải ý thức được vị trí và trách nhiệm của mình trước cuộc đời. Phải sống sao để không trở thành kẻ vô tích sự với cuộc sống.</p> <p>Cách cho điểm:</p> <p>+ Học sinh nêu được 2 bài học trở lên cho tối đa 1,5 điểm. Nêu 1 bài học cho 0,75 điểm.</p> <p>+ Học sinh có thể nêu được những bài học khác chính xác ngoài đáp án nếu đảm bảo ý vẫn cho điểm tối đa.</p> <p>+ Học sinh có thể diễn đạt linh hoạt, sáng tạo.</p>	<p>0,5</p> <p>1,5</p>
II		VIẾT	
		Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của con người trong xã hội hiện đại.	4,0
		<p>* Yêu cầu chung:</p> <p>- Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến của con người trong xã hội hiện đại như: sự tùy tiện khi tham gia giao thông của một số người; thói lười biếng; thói ích kỉ; ăn quà vặt;....</p> <p>- Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội.</p>	
		* Yêu cầu cụ thể.	
		1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.	0,25
		2. Xác định được đúng yêu cầu của đề.	0,25
		<p>3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm.</p> <p>Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</p> <p>a. Mở bài:</p> <p>- Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Một hiện tượng (thói quen)</p>	0,25

	<p>xấu phổ biến của con người trong xã hội hiện đại (như : sự tùy tiện khi tham gia giao thông của một số người; thói lười biếng; thói ích kỉ; ăn quà vặt;....).</p> <p>b. Thân bài:</p> <p>- Làm rõ vấn đề nghị luận:</p> <p>+ Giải thích hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận.</p> <p>+ Thực trạng của vấn đề: nêu các biểu hiện cụ thể của hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận.</p> <p>- Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng (thói quen) xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để chứng minh sự phê phán là có cơ sở.</p> <p>+ Hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hậu quả đó.</p> <p>+ Nguyên nhân của hiện tượng (thói quen) xấu:</p> <p>Phân tích nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan dẫn tới hiện tượng (thói quen) xấu.</p> <p>Đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó.</p> <p>- Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn.</p> <p>+ Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng (thói quen) xấu.</p> <p>+ Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng (thói quen) xấu.</p> <p>+ Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng (thói quen) xấu.</p> <p>c. Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.</p>	<p>2,5</p> <p>0,75</p> <p>1,0</p> <p>0,75</p> <p>0,25</p>
	4. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.	0,25

*** Đánh giá toàn bài :**

Mức điểm	Mức độ đánh giá
4,0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; bài viết thể hiện giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
3,75 – 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; có dẫn chứng thuyết phục; bài viết có cảm xúc, giàu hình ảnh; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
2,5 – 1,5	- Đáp ứng cơ bản các yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
1,25 – 0,25	- Bài văn nghị luận sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; chưa nêu được quan điểm của người viết.
0,0	- Bài viết lạc đề hoặc không làm bài.

Chú ý:

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cân nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng năng lực học sinh, khuyến khích sự sáng tạo.
- Điểm toàn bài là tổng điểm của các câu, không làm tròn.

ĐỀ 22**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC: 2025 - 2026****Môn: Ngữ văn 8***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề***Phần I. Đọc hiểu văn bản (6.0 điểm)****Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi.**

(1) Nhà tâm lý học Angela Lee Duckworth đã bỏ ra nhiều năm tìm hiểu về chìa khoá để thành công. Sau thời gian nghiên cứu, bà chỉ ra rằng: Điều cơ bản làm nên thành công của con người là sự bền bỉ. Bà nói: “Bền bỉ là sự đam mê, tính kiên trì cho những mục tiêu dài hạn. Bền bỉ là có khả năng chịu đựng khó khăn. Bền bỉ là tập trung vào tương lai của mình một cách liên tục, không phải tính theo tuần, theo tháng mà là năm. Bền bỉ là làm việc thật chăm chỉ để biến tương lai thành hiện thực. Bền bỉ là việc sống một cuộc đời như thể nó là một cuộc chạy marathon, chứ không phải là một cuộc đua nước rút”. Không phải chỉ số IQ, không phải ngoại hình, hay sức mạnh thể chất, hay kỹ năng xã hội. Sự bền bỉ là yếu tố quyết định để thành công.

(2) Sân vườn nhà tôi có bày những cái ghế đá, trên một trong những cái ghế ấy có khắc dòng chữ: “Cây kiên nhẫn đắng chát nhưng quả nó rất ngọt.” Nếu không có những giờ ngồi kiên trì từ ngày này qua ngày khác trong phòng suốt nhiều năm liền của những con người bền

bỉ cống hiên như thế, chúng ta đã không có Hesman, One Piece, Sherlock Holmes, Tarzan, Doraemon. Không có sự bền bỉ, sẽ không có bất cứ thứ gì vĩ đại được sinh ra trên đời. Bóng đèn điện, định luật bảo toàn năng lượng, thuyết tương đối, máy bay và nhiều phát minh khác. Nếu không có những giờ kiên tâm hy sinh thầm lặng hay nhẫn nại làm việc của con người, nhân loại sẽ tổn thất biết bao.

(3) Hôm trước một anh bạn gửi cho tôi câu danh ngôn: “Những người đứng đầu trên thế giới đều là những người bình thường với ý chí phi thường.” Nên ta làm gì không quan trọng. Quan trọng là ta có làm cho đến khi ra được kết quả mong muốn hay không. Người ta thường nhấn mạnh tới việc sống phải có ước mơ, hoài bão nhưng theo tôi cái khó là kiên trì từng ngày vươn tới nó.

(Tuổi trẻ đáng giá bao nhiêu, Rosie Nguyễn, NXB Nhã Nam, 2017, tr 227-229)

Câu 1. (1.5 điểm) Xác định luận đề, đối tượng và mục đích của văn bản?

Câu 2. (1.0 điểm) Đoạn văn (1) được trình bày theo cấu trúc nào? Dựa vào đâu để em nhận biết điều đó?

Câu 3. (1.0 điểm) Việc tác giả dẫn ra các nhân vật văn học nổi tiếng ở đoạn văn (2) có vai trò, ý nghĩa như thế nào trong văn bản?

Câu 4. (1.0 điểm) Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Những người đứng đầu trên thế giới đều là những người bình thường với ý chí phi thường.”?

Câu 5. (1.5 điểm) Từ nội dung văn bản, em hãy đề xuất một số giải pháp giúp bản thân và bạn bè có được những thành công trong học tập và cuộc sống?

Phần II. Viết (4.0 điểm)

Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I	ĐỌC HIỂU		6,0
	1	Xác định luận đề, đối tượng và mục đích của văn bản?	1,5
		- Luận đề: Sự bền bỉ là yếu tố quyết định để thành công.	0,5
		- Đối tượng: Mọi người. - Mục đích: Khuyên mọi người phải kiên trì, nhẫn nại, bền bỉ để vươn tới thành công.	0,5 0,5
	2	Cách cho điểm: HS đưa đúng mỗi ý cho 0,5.	
		Đoạn văn (1) được trình bày theo cấu trúc nào? Dựa vào đâu để em nhận biết điều đó?	1,0
		- Đoạn văn (1) được trình bày theo cấu trúc: quy nạp. - Vi: Câu chủ đề: “Sự bền bỉ là yếu tố quyết định để thành công” đứng ở cuối đoạn văn.	0,5 0,5
	3	Cách cho điểm: Nếu học sinh không đưa ra câu chủ đề chỉ cho 0,25 điểm.	
		Việc tác giả dẫn ra các nhân vật văn học nổi tiếng ở đoạn văn (2) có vai trò, ý nghĩa như thế nào trong văn	1,0

		<p>bản?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nhân vật văn học đều rất nổi tiếng rất quen thuộc, gần gũi với người đọc. - Là bằng chứng khiến lập luận chặt chẽ thuyết phục. - Nhấn mạnh, khẳng định các nhân vật ấy đều là kết quả của sự bền bỉ, nỗ lực của các nhà văn. <p>Cách cho điểm: HS đưa ra được 3 ý cho tối đa 1,0 điểm; 2 ý cho 0,75 điểm; 1 ý cho 0,5 điểm.</p>	
	4	<p>Em hiểu như thế nào về ý kiến: “Những người đứng đầu trên thế giới đều là những người bình thường với ý chí phi thường.”?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những người đạt được vị trí cao nhất không phải là những người sở hữu khả năng siêu nhân hay xuất thân từ gia đình quyền quý nào đó. Họ là người bình thường như chúng ta, với những điểm mạnh và điểm yếu riêng. Tuy nhiên điều làm nên sự khác biệt của họ chính là ý chí kiên cường, sự quyết tâm không ngừng nghỉ để đạt mục đích. Họ sẵn sàng vượt qua thử thách để vươn lên đỉnh cao. - Câu nói khẳng định ý chí đóng vai trò quan trọng hơn nhiều so với tài năng bẩm sinh. Dù tài năng đến đâu, nếu không có ý chí bạn khó có thể thành công. - Câu nói là lời khuyên, trở thành nguồn cảm hứng và động lực lớn cho mỗi người. Nó nhắc nhở chúng ta rằng: bất kể xuất thân như thế nào, chúng ta đều có khả năng đạt được những thành công to lớn nếu chúng ta có ý chí và quyết tâm. <p>Cách cho điểm: HS đưa ra được 3 ý cho tối đa 1,0 điểm; 2 ý cho 0,75 điểm; 1 ý cho 0,5 điểm.</p>	1,0
	5	<p>Từ nội dung văn bản, em hãy đề xuất một số giải pháp giúp bản thân và bạn bè có được những thành công trong học tập và cuộc sống?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số giải pháp giúp bản thân và bạn bè có được những thành công trong học tập và cuộc sống: <ul style="list-style-type: none"> + Học hỏi liên tục. + Chăm chỉ làm việc. + Vượt qua khó khăn. + Chăm sóc bản thân: sức khỏe tinh thần. + Suy nghĩ tích cực. + Đam mê, kiên trì, sáng tạo. + ... <p>Cách cho điểm: HS đưa ra được 3 giải pháp trở nên cho tối đa 1,5 điểm; đúng mỗi giải pháp cho 0,5 điểm.</p>	1,5
II		<p style="text-align: center;">VIẾT</p> <p>Em hãy viết bài văn nghị luận xã hội bàn về một hiện</p>	4,0

tượng (thói quen) xấu của thế hệ trẻ ngày nay.		
* Yêu cầu chung: - Đây là kiểu đề mở, học sinh có thể tự do lựa chọn một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay như: bạo lực học đường; vô cảm; mê muội thần tượng; thiếu ước mơ; thiếu văn hoá cảm ơn, xin lỗi; nói tục chửi bậy; sống ảo; nghiện mạng xã hội; nghiện thuốc lá điện tử; ... - Xác định đúng kiểu bài nghị luận xã hội.		
* Yêu cầu cụ thể.		
1. Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận.		0,25
2. Xác định được đúng yêu cầu của đề.		0,25
3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm. HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: a. Mở bài: Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận: Một hiện tượng (thói quen) xấu phổ biến trong thế hệ trẻ ngày nay. b. Thân bài: - Làm rõ vấn đề nghị luận: + Giải thích hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. + Thực trạng của vấn đề: Nêu các biểu hiện cụ thể của hiện tượng (thói quen) xấu được bàn luận. - Trình bày ý kiến phê phán hiện tượng (thói quen) xấu. + Hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu Làm rõ các hậu quả của hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những hậu quả đó. + Nguyên nhân hiện tượng (thói quen) xấu: Phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn tới hiện tượng (thói quen) xấu, nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ những nguyên nhân đó. - Đối thoại với ý kiến trái chiều để bảo vệ quan điểm của mình về hiện tượng (thói quen) xấu đang bàn. + Giả định về ý kiến bênh vực, ủng hộ hiện tượng (thói quen) xấu. + Nêu ý kiến tranh luận của người viết để bảo vệ quan điểm phê phán hiện tượng (thói quen) xấu được bàn. + Đề xuất giải pháp để hạn chế, khắc phục hiện tượng (thói quen) xấu. c. Kết bài: Khẳng định ý kiến phê phán, rút ra bài học.		0,25
4. Chính tả, ngữ pháp		0,25
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.		
5. Sáng tạo		0,25
- Có cách diễn đạt, trình bày sáng tạo, mới mẻ trong sử dụng từ ngữ, lập luận.		
*Đánh giá toàn bài:		

Mức điểm	Mức độ đánh giá
4,0	- Đáp ứng tốt các yêu cầu trên; lập luận logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng phong phú, thuyết phục; văn viết có giọng điệu riêng, giàu hình ảnh, cảm xúc.
3,75 - 2,75	- Đáp ứng tương đối các yêu cầu trên; lập luận khá logic, sáng rõ, chặt chẽ; dẫn chứng thuyết phục; văn viết có cảm xúc; còn mắc một số lỗi diễn đạt.
2,5 - 1,5	- Đảm bảo cơ bản yêu cầu trên, nhưng các luận điểm chưa rõ ràng; có lập luận và dẫn chứng nhưng chưa thuyết phục; mắc một số lỗi diễn đạt.
1,25 - 0,25	- Bài nghị luận còn sơ sài, chưa rõ các luận điểm; bằng chứng và cách lập luận chưa thuyết phục; không nêu được quan điểm của người viết.
0,0	- Bài viết lạc đề, chưa đảm bảo các yêu cầu trên.

** Lưu ý :*

- Căn cứ vào khung điểm và thực tế bài làm của học sinh, giám khảo linh hoạt cho điểm sát với từng phần, đảm bảo đánh giá đúng năng lực của học sinh.
- Khuyến khích những bài viết có tính sáng tạo.
- Điểm toàn bài khảo sát là điểm các câu cộng lại và được làm tròn đến 0,25 điểm.

-HẾT-